

Ray Bradbury

**NHỮNG
QUẢ BÓNG LỬA**
(TẬP TRUYỆN NGẮN)

NHỮNG QUẢ BÓNG LỬA

(Tập Truyện Ngắn)

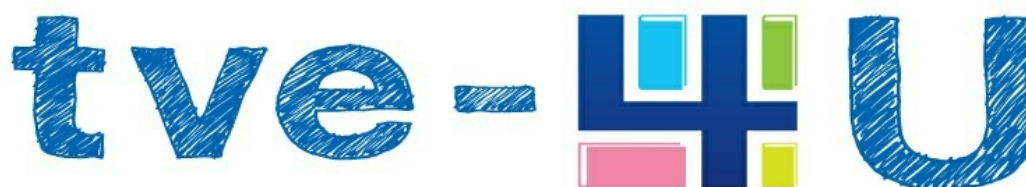
Tác giả: Ray Bradbury

Dịch giả: Trần Đức Tài

Nguồn: Vn.thuquan

Biên tập: Derby, VC

Tạo bìa & Ebook: inno14



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Những Quả Bóng Lửa

(Nguyên tác: The Fire Balloons)

Chương 1

Lửa bùng vỡ trên những bãi cỏ đêm mùa hạ. Người ta nhìn thấy lập lòe khuôn mặt của những người cậu, người cô. Những chiếc pháo thăng thiên rơi xuống trước những đôi mắt nâu long lanh của các anh em bà con đứng trên hàng hiên, và những que pháo cháy sém tàn lụi rơi cắm đầu xuống mấy mảnh ruộng khô xa tắp.

Đức Cha Joseph Daniel Peregrine mở mắt. Ôi giấc mơ: chính ngài cùng các anh em thân quyến chơi pháo hoa ở quê nhà Ohio cổ kính của ông nội những năm xưa!

Ngài nằm nghe ngóng những tiếng động âm âm trong lòng giáo đường, trong các phòng tĩnh tâm khác nơi các linh mục đang nghỉ ngơi. Vào tối hôm nay, trước ngày khởi hành của chiếc hỏa tiễn Thập Tự Giá, không biết họ có nằm mơ thấy lại những ngày hội ấu thơ? Chắc là có. Tối hôm nay đâu khác gì những bình minh náo nức đợi chờ ngày Quốc Khánh thuở nào, khi các chú bé ngóng trông tiếng pháo nổ đầu tiên báo hiệu để chạy ủa ra lối đi còn đầm sương đêm, hai bàn tay ôm đầy những điều kỳ diệu âm vang: pháo!

Thế là họ đã đến đây, các linh mục của dòng Tân Giáo, trong buổi bình minh gió thoảng này trước khi họ bay vút lên Hỏa Tinh, lưu lại hương trầm thơm suốt nẻo đường băng qua ngôi đền nhung huyền của không gian.

— Thật sự thì chúng ta có cần thiết phải ra đi hay không? – Đức Cha Peregrine thầm thì một mình. Chúng ta không cần phải cứu rỗi tội lỗi của chính chúng ta trên Trái Đất này sao? Không phải chúng ta đang chạy trốn khỏi kiếp sống của chúng ta ở đây đây chứ?

Ngài đứng dậy rời giường; thân hình Cha Peregrine hồng hào, đầy đà, xoay trở khá nặng nhọc. Ngài tự hỏi mình:

— Hay là chúng ta đang chạy trốn sự biếng lười của chính mình? Ta có sợ hãi chuyến đi này hay không?

Đức Cha bước vào buồng tắm, đứng dưới vòi hương sen. Những tia nước li ti đâm vào da thịt ran rát như những mũi kim.

— Nhưng ta sẽ đem mi theo đến Hỏa Tinh, hồi xác phạm này. Bỏ lại đây những tội lỗi cũ xưa. Và lên Hỏa Tinh kiếm tìm những tội lỗi mới? Đúng là một ý tưởng thú vị. Những tội lỗi chưa hề có kẻ nào nghĩ ra. À, chính bản thân ngài cũng đã từng viết một cuốn sách nhỏ mang tựa đề "Bàn Về Tội Lỗi Trên Các Hành Tinh Khác", một cuốn sách bị các đồng đạo của ngài kết tội là không nghiêm trang.

Chỉ mới đêm qua đây thôi, lúc hút điệu xì gà cuối cùng, ngài và linh mục Stone đã bàn đến điều ấy.

— Trên Hỏa Tinh có thể tội lỗi sẽ đội lốt đạo đức. Khi lên đó chúng ta phải đề phòng các hành động đức hạnh đấy nhé, kéo sau này chúng lại hóa ra tội lỗi thì khốn! – Đức Cha Peregrine vừa nói vừa cười rạng rỡ. – Hấp dẫn quá! Biết bao thế kỷ đã trôi qua, biết bao chuyến thám hiểm đã thực hiện để giờ đây chúng ta có được một chuyến bay truyền giáo đến các hành tinh.

— Gì chứ tội lỗi thì chỉ nhìn một cái là tôi biết liền, – Linh mục Stone nói không mấy nhiệt tình, – cho dù là ở trên Hỏa Tinh đi nữa.

—Ồ, giới giáo sĩ chúng ta cứ tự mãn về sự nhạy bén của mình, cứ dưng vào tội lỗi là đổi màu ngay chẳng khác nào giấy quỳ gặp ba-zơ là hóa xanh, gặp a-xít là hóa đỏ, – Đức Cha Peregrine trả đũa, – nhưng thử hỏi nếu các hóa chất trên Hỏa Tinh lạ thường đến mức chúng ta không thể đổi màu gì hết thì sao nào?!. Nếu như trên Hỏa Tinh tồn tại những giác quan mới thì sư huynh phải nhìn nhận rằng có khả năng tồn tại những tội lỗi mới lạ không thể nhận ra.

— Nếu như không có hiềm thù từ trước thì không hề có tội lỗi nào hay hình phạt nào; Đức Chúa đã xác nhận với chúng ta như thế rồi.

— Trên Trái Đất này thì điều đó đúng đấy. Chỉ có mỗi Adam không thôi thì không hề có tội lỗi gì cả. Cho thêm Eva ra đời là anh có thêm sự cám dỗ. Cho xuất hiện thêm người đàn ông thứ hai tức là anh đã tạo điều kiện cho tội ngoại tình xảy ra. Cứ cho ra đời thêm giới tính mới hay chủng loài mới là anh khai sinh tội lỗi mới. Cho con người thêm hai bàn tay là anh ướm mầm cho bạo lực mới sinh sôi; con người có thể dùng bàn tay bóp cổ người khác chẳng hạn, thế là có thêm tội lỗi nhé. Trên Hỏa Tinh, nếu như sinh vật trên đó có năm giác quan khác hẳn chúng ta, hay những bộ phận, những tứ chi vô hình ta không thể nào cảm nhận được thì sao? Như thế không có khả năng xuất hiện ít nhất năm tội lỗi mới hay sao?

Linh mục Stone sửng sốt:

— Coi bộ Đức Cha thích thú với chuyện tội lỗi này lắm nhỉ?

— Tôi phải giữ cho đầu óc mình hoạt động chứ, sư huynh; cho nó nhạy bén thôi mà.

— Đầu óc Đức Cha cứ như người làm xiếc, lúc nào cũng tung hứng, ném bắt một ý tưởng nào đó.

— Đúng thế. Bởi vì Giáo Hội của chúng ta đôi lúc cũng giống hệt một gánh xiếc nơi tấm màn nhung kéo lên phơi bày những con người, những pho tượng cứng đờ để biểu thị cho cái Chân Thiện Mỹ trừu tượng. Thật tuyệt vời. Nhưng tôi mong là gánh xiếc này sẽ còn chỗ trống cho tôi chạy lăng xăng giữa các bức tượng, Cha không thích thế sao, Cha Stone?

Không buồn lắng nghe, Cha Stone vừa bỏ đi vừa nói vọng lại:

— Tôi thấy tốt hơn hết là chúng ta đi ngủ đi. Trong vài giờ nữa thôi, chúng ta sẽ bay tít lên trời để xem những tội lỗi mới của Đức Cha đấy, Đức Cha Peregrine ạ.

Chương 2

Chiếc hỏa tiễn đứng sẵn sàng chờ xuất phát.

Từ các nhà nguyện, đoàn linh mục kéo nhau về trong buổi sớm se lạnh, nhiều linh mục tài giỏi từ New York, từ Chicago, từ Los Angeles – Giáo Hội đã tiễn cử những con chiên ưu tú nhất – đang đi qua thành phố tiến về cánh đồng băng giá. Vừa bước đi, Đức Cha Peregrine vừa nhớ lại lời nhắn nhủ của Đức Hồng Y:

— Đức Cha Peregrine này, ngài sẽ chỉ huy đoàn truyền giáo với sự phụ tá của Cha Stone. Khi đã lựa chọn ngài đảm đương nhiệm vụ quan trọng này rồi thì tôi lại thấy rằng lý do của tôi mơ hồ đến mức đáng buồn, Đức Cha ạ, nhưng cuốn sách nhỏ của ngài về tội lỗi trên các hành tinh tôi đâu thể bỏ qua được. Ngài là một người mềm mỏng. Và Hỏa Tinh thì chẳng khác chi một chiếc tủ mà chúng ta đã bỏ quên suốt nhiều thiên niên kỷ không lau chùi. Tội lỗi đã chất đông đầy dẫy trên đó. Hỏa Tinh lâu đời gấp hai lần Trái Đất cho nên nó có gấp hai lần số đêm thứ Bảy, số quán rượu, số phòng tắm hơi, và gấp đôi số lần trở mắt nhìn trộm đàn bà trần truồng như nhộng. Khi chúng ta mở toang cánh cửa tủ đó, mọi thứ sẽ đổ ập lên đầu chúng ta. Chúng ta cần một người nhanh trí, giỏi ứng biến. Tôi cảm thấy rằng ngài chính là một người như thế. Đức Cha ạ, công việc này hoàn toàn thuộc về ngài đấy.

Đức Hồng Y cùng các linh mục quỳ xuống.

Lễ ban phúc đã xong và chiếc hỏa tiễn đã được rảy nước thánh. Đức Hồng Y đứng dậy nói với mọi người:

— Tôi biết các bạn sẽ ra đi cùng Chúa để chuẩn bị cho cư dân Hỏa Tinh tiếp rước chân lý của Người. Tôi chúc tất cả các bạn một cuộc hành trình đầy thận trọng.

Họ xếp hàng một đi ngang qua Đức Hồng Y, hai mươi người, áo chùng sột soạt, đưa tay nắm lấy hai bàn tay nhân từ của ngài trước khi bước vào

khoang phi thuyền đã được cho dầu mỡ trơn tru.

— Mình chẳng hiểu Hỏa Tinh có phải là địa ngục không nhỉ? – Đức Cha Peregrine lên tiếng vào phút cuối cùng.- Một địa ngục chỉ chờ cho chúng ta đến nơi là nổ tung thành diêm sinh, lửa bỏng?

— Chúa ở cùng chúng ta, – Linh mục Stone đáp.

Chiếc hỏa tiễn bay lên.

Chương 3

Bước ra khỏi không gian cũng giống như là bước ra khỏi một ngôi thánh đường lộng lẫy chưa từng thấy. Còn chạm vào mặt Hỏa Tinh lại giống như chạm chân xuống một vỉa hè bình thường bên ngoài thánh đường năm phút sau khi đã thực sự biết được tình yêu của mình dành cho Chúa.

Từ chiếc hỏa tiễn vẫn còn bốc khói, các linh mục rón rén bước xuống và quỳ gối trên lớp cát Hỏa Tinh trong khi Đức Cha Peregrine làm lễ tạ ơn.

— Lạy Cha, chúng con cảm ơn Người đã đưa chúng con bình yên đi qua các gian phòng của Người. Chúng con đã đến miền đất mới, xin Cha cho chúng con những đôi mắt mới. Chúng con sẽ nghe thấy những âm thanh mới, xin Cha cho chúng con những đôi tai mới. Và sẽ có những tội lỗi mới, xin Cha cho chúng con những trái tim tốt đẹp hơn, cứng rắn hơn và thanh khiết hơn. Amen.

Tất cả đứng lên.

Và đây, Hỏa Tinh, nơi họ đang nhọc nhằn lê bước. Đây, giang sơn của những tội lỗi tiềm tàng. Ôi, trên mảnh đất này họ phải cân nhắc, thận trọng xiết bao; e rằng ngay cả việc bước đi như thế này, hay việc hít thở, hoặc cả việc chay tịnh nữa, cũng có thể là tội lỗi!

Và đây là viên thị trường của thành phố First Town ra đón họ với bàn tay xòe rộng:

— Con có thể giúp được gì cho Cha đây, thưa Đức Cha Peregrine?

— Chúng tôi muốn biết về các sinh vật của Hỏa Tinh này. Vì nếu chúng tôi hiểu biết họ thì chúng tôi sẽ xây dựng nhà thờ một cách thích hợp. Họ cao ba thước phải không? Chúng tôi sẽ làm các cánh cửa lớn hơn. Da họ màu lam, màu đỏ hay màu lục? Chúng tôi cần phải biết để tô màu các tượng thánh cho đúng với màu da của họ. Họ có nặng cân không? Chúng tôi sẽ làm các ghế nguyện kiên cố cho họ ngồi.

— Thừa Đức Cha, – Viên thị trưởng đáp, – con không ngờ rằng Cha lại quá lo lắng cho dân Hỏa Tinh đến thế. Ở đây chỉ có hai giống loài mà thôi. Một giống thì gần như chết hết cả rồi. Một số ít đang lẫn trốn. Còn giống thứ hai thì...chà, chúng chẳng phải là người như ta đâu.

— Ủa? – Trái tim Đức Cha Peregrine đập dồn.

— Chúng là những quả cầu ánh sáng, thưa Cha, chúng sống trong dãy đồi đằng kia. Người hay thú, ai mà biết được? Nhưng chúng hoạt động thông minh lắm đó, con nghe đồn thế. – Viên thị trưởng nhún vai. – Tất nhiên, chúng đâu phải là con người, cho nên con thấy là các đức cha không cần phải...

— Trái lại kia, – Cha Peregrine vội vàng ngắt lời. – Anh nói là chúng thông minh, phải không nào?

— Chỉ là tin đồn thôi. Có một nhân viên trắc địa bị gãy chân trong khu đồi đó và lẽ ra đã chết luôn ở đấy. Nhưng có nhiều quả cầu màu xanh tỏa sáng tiến đến chỗ anh ta nằm. Lúc thức dậy, anh ta lại thấy mình nằm ngay trên xa lộ tít dưới chân đồi và chẳng biết làm sao mà mình lần mò ra đến đấy được.

— Lại một gã say rượu chứ gì, – Cha Stone nhận xét.

— Người ta cứ kháo nhau mãi về chuyện này, – Viên thị trưởng nói. – Thừa Cha Peregrine, sinh vật trên Hỏa Tinh này chỉ còn lại mấy quả cầu xanh ấy thôi, nên con thành thật nghĩ rằng các Cha nên vào thành phố thì hơn. Hỏa Tinh đang mở rộng, loài người đang đổ xô lên đây. Trong thành phố First Town có đến hai nghìn thợ mỏ và thợ máy với lại lao công cần được cứu rỗi linh hồn, bởi vì có quá nhiều mục đàn bà hung tợn đi theo họ, và cũng có quá nhiều rượu vang Hỏa Tinh lâu đời hàng mấy thế kỷ...

Đức Cha Peregrine nhìn chăm chăm về hướng dãy đồi xanh.

Linh mục Stone đằng hắng:

— Thế nào, Đức Cha?

— Những quả cầu lửa xanh ấy à?

— Vâng, thưa Đức Cha.

— Aaa..., – Đức Cha Peregrine thở dài. Những quả cầu xanh. Những quả bóng bay của tuổi thơ. Cha Peregrine cảm thấy các mạch máu nơi cườm tay giật giật. Đức Cha chỉ về hướng những ngọn đồi: – Đó là nơi chúng ta phải đến.

Mọi người xầm xì lo âu. Đức Cha Peregrine giải thích:

— Đi vào thành phố thì đơn giản quá. Tôi muốn nghĩ rằng nếu Đấng Cứu Thế mà bước đến đây và dân chúng nói với Người "Đây là con đường đã dọn quang," Ất hẳn Người sẽ trả lời "Hãy chỉ cho ta con đường cỏ dại, gai góc. Chính ta phải tự mở lối mà đi."

— Nhưng...

— Sư huynh Stone ời, hãy thử nghĩ xem lương tâm sẽ cắn rứt chúng ta đến mức nào nếu như chúng ta đi qua mặt những kẻ tội lỗi mà không chìa tay ra cứu vớt.

— Nhưng đó chỉ là những quả cầu lửa!

— Tôi cho rằng khi con người xuất hiện lần đầu tiên thì đối với các thú vật khác con người ắt phải nực cười, quái gở lắm. Tuy vậy con người vẫn có một linh hồn, cho dù hẳn có quê mùa đến đâu đi nữa. Chẳng nào ta chưa chứng minh được điều gì cụ thể thì ta cứ cho là những quả cầu lửa này có linh hồn đi.

— Cũng được thôi, – Viên thị trưởng đồng ý, – nhưng các Cha phải quay về thành phố đấy nhé.

— Để xem sao đã. Trước hết cần phải điểm tâm. Sau đó Cha Stone và tôi sẽ đi vào dãy đồi. Tôi không muốn làm cho các sinh vật phát ra lửa ấy kinh hoàng vì máy móc hay đám đông. Chúng ta dùng điểm tâm đi thôi.

— Các linh mục dùng bữa trong sự lặng lẽ nặng nề.

Chương 4

Khi trời sập tối, Đức Cha Peregrine và Stone đã lên đến lưng đồi. Họ ngừng lại, ngồi trên một tảng đá để tận hưởng đôi phút thư giãn và chờ đợi. Các sinh vật Hỏa Tinh vẫn chưa xuất hiện, điều đó khiến cả hai vị linh mục cảm thấy thất vọng vu vơ. Đức Cha Peregrine vừa lau mặt vừa nói:

— Theo ý sư huynh thì nếu chúng ta gọi "Hello!" thật to thì chúng có đáp lời không?

— Ôi, thưa Đức Cha, chẳng bao giờ ngài nói chuyện nghiêm chỉnh được sao?

— Tôi vẫn cứ tiếp tục chùng nào Thượng Đế tốt lành vẫn còn đùa cợt. Này, đừng có vội sừng sốt hoảng kinh lên như thế. Thực đấy, Thượng Đế có nghiêm chỉnh đâu nào, thật khó mà hiểu rõ được Người ngoại trừ tình yêu bao la Người dành cho chúng ta. Và tình yêu thì thường gắn bó với óc khôi hài, phải không nào? Bởi vì chúng ta không thể yêu thương kẻ khác nếu không chịu đựng kẻ ấy, phải không? Và ta đâu thể chịu đựng kẻ khác mãi nếu như ta không thể trêu ghẹo kẻ ấy. Đúng chưa nào?

— Tôi chưa bao giờ cho rằng Thượng Đế có óc khôi hài cả.

— Ô hô, Đấng Sáng Thế đã tạo ra những con vật kỳ khôi như con kangu-ru, con lạc đà, con đà điểu, con người, vậy mà lại bảo Người là không hài hước ư? Thôi đi! – Cha Peregrine cười phá lên.

Nhưng ngay lúc ấy, từ giữa vùng đồi núi chập choạng hoàng hôn xuất hiện các sinh vật Hỏa Tinh giống như một chuỗi lồng đèn xanh lam được ai đó thả sáng soi đường. Linh mục Stone nhìn thấy chúng trước tiên:

— Nhìn kìa!

Đức Cha Peregrine quay lại, và tiếng cười tắt nghẹn trong cổ họng ngài.

Nhiều quả cầu lửa màu xanh tròn trịa lơ lửng giữa các vì sao lung linh, run rẩy xa xa.

— Quái vật! – Cha Stone nhảy phắt dậy.

Nhưng Đức Cha Peregrine đã kéo ông lại.

— Khoan đã!

— Lẽ ra ta phải vào thành phố mới đúng!

— Không đâu, hãy nghe tôi này! – Đức Cha Peregrine khẩn nài.

— Tôi sợ.

— Đừng sợ. Đó là tác phẩm của Chúa.

— Cửa quỷ thì có!

— Đừng, bình tĩnh nào! – Đức Cha Peregrine nhẹ nhàng thuyết phục và họ ngồi bệt xuống đất. Một quầng sáng màu xanh dịu hắt lên hai khuôn mặt đang ngược cao khi những quả cầu lửa tụ lại gần.

Và một lần nữa, đêm Lễ Quốc Khánh của tuổi thơ hiện về, Đức Cha Peregrine run rẩy nghĩ thầm. Ngài cảm thấy mình lại là thằng bé ngày nào chờ mong đêm hội, bầu trời như chùng nổ tung, vỡ tan tành thành muôn bụi sao li ti và muôn âm thanh vang động, những tiếng pháo dòn dã làm rung chuyển kiếng cửa sổ mọi nhà thành tiếng lanh canh tựa như tiếng băng nứt rạn trên hàng nghìn mặt hồ mùa đông. Những người cô, những người cậu, những anh em họ hàng hò reo "Ô kìa!" mỗi lần bầu trời nở hoa ngời sáng. Bầu trời mùa hạ muôn màu. Và những quả bóng bay, những chiếc bong bóng lửa được một người ông hiền hòa thả sáng lên trong đôi bàn tay ông rất to lớn nhưng cũng rất dịu dàng. Ôi, kỷ niệm về những quả bóng lửa đáng yêu, rời khỏi tay ông vút bay lên, bay lên, tỏa sáng mãi đến tương lai. Đức Cha Peregrine nhìn thấy lơ mơ nét mặt của những người thân yêu đã chết từ lâu. Những quả bóng lửa bay cao đánh dấu thêm một năm nữa đi qua cuộc đời, thêm một Lễ Quốc Khánh nữa cho tuổi thơ, thêm một Vẻ Đẹp nữa tan biến. Những quả bóng lửa vẫn bay cao, bay cao giữa các vì sao trong đêm mùa hạ

ấm và dạt trôi theo gió trong khi những đôi mắt trắng, đỏ, xanh, long lanh, dõi nhìn theo, câm nín. Những quả bóng lửa rời xa hàng hiên nhà ai, bay qua những dòng sông còn ngủ vùi trong sương, nhỏ dần, xa tít, ra đi mãi mãi...

Nước mắt dâng đầy trên mi Đức Cha Peregrine. Trên đầu Ngài là các sinh vật Hỏa Tinh đang lượn vòng lơ lửng, không chỉ một mà là hàng nghìn những quả bóng lửa đang thăm thò. Ngài ngỡ như bất cứ lúc nào ngài cũng có thể tìm thấy ông nội mình, người ông đã mất từ lâu, đang đứng ngay cạnh Ngài, cùng ngược mắt lên chiêm ngưỡng điều Tuyệt Mỹ.

Nhưng không, đây là linh mục Stone.

— Ta chạy đi thôi, xin Đức Cha!

— Ta phải nói chuyện với chúng, – Đức Cha Peregrine lao tới trước, không biết phải nói gì, vì mọi lời nói đều không tròn vẹn. Người đẹp tuyệt vời! Người đẹp tuyệt vời!... Không, không đủ ngôn từ để nói. Đức Cha chỉ có thể đưa hai cánh tay nặng trĩu lên cao và gọi với theo: Xin chào!!!...

Nhưng các quả cầu lửa chỉ bừng sáng lên như những ảo ảnh trên tấm gương đen huyền. Chúng dường như cố định, mờ ảo, diệu kỳ, vĩnh cửu. Đức Cha Peregrine nói với bầu trời:

— Chúng tôi đến cùng Thượng Đế.

— Thật là ngớ ngẩn, ngớ ngẩn! – Linh mục Stone kêu lên. – Nhân danh Chúa, xin Đức Cha thôi đi!

Nhưng lúc này, những quả cầu tỏa sáng ấy đã bay xa dần về những ngọn đồi. Trong một thoáng, chúng biến mất.

Đức Cha Peregrine lại gọi theo; tiếng gọi của ngài dội vào lòng đôi vang vọng ngân rền làm rung chuyển cả ngọn đồi sau lưng. Quay lui, ngài nhìn thấy một dòng đá lở tung bụi lao xuống, khựng lại một chốc rồi kéo theo một cơn lũ đá sỏi ầm ầm phóng vèo xuống chỗ ngài và Cha Stone đang đứng.

— Đức Cha đã thấy sai lầm của mình chưa nào! Linh mục Stone hét lên.

Gần như bị mê hoặc, Đức Cha Peregrine đứng sững nhìn và choàng tỉnh, ngài khiếp đảm quay người chạy, lòng đinh ninh cái chết chắc chắn đã gần kề sau lưng. Ngài còn đủ thời gian để thốt lên hai tiếng "Lạy Chúa!" và dòng lũ đá tràn tới!

— Đức Cha!

Một ánh biếc xanh lập lờ của những khối cầu. Một suối sao buốt lạnh xoay tít. Một tiếng gầm thét. Và rồi cả hai vị linh mục thấy mình đang ở trên một triền núi bằng phẳng cách vùng núi lở gần trăm thước, đứng nhìn nơi lẽ ra đã chôn vùi thi thể họ dưới hàng tấn đất đá.

Cái ánh sáng màu xanh ấy bốc thành hơi tan biến.

— Có chuyện gì thế? – Hai vị linh mục ôm chầm lấy nhau.

— Những ánh lửa kia đã nhắc nhở chúng ta lên!

— Đâu phải, chúng ta bỏ chạy kịp thời đấy!

— Không, chính những quả cầu ấy đã cứu chúng ta.

— Sao lại thế được!

— Được chứ sao không.

Bầu trời trống rỗng. Không gian lắng đọng lại như dường một hồi chuông vừa dứt tiếng ngân nga. Âm ba như còn vương vấn trong xương tủy hai người.

— Rồi khỏi nơi này mau, Đức Cha sẽ làm chúng tôi chết mất thôi.

— Từ rất nhiều năm qua, tôi không còn sợ hãi trước cái chết nữa, Cha Stone ạ.

— Chúng ta không chứng tỏ được gì. Ngay khi nghe ngài lên tiếng chào là những đốm lửa xanh ấy bỏ chạy hết cả. Thật là vô ích!

— Không đâu, – Đức Cha Peregrine vẫn bướng bỉnh. – Bằng cách nào

đó, chúng đã cứu mạng chúng ta. Điều đó chứng tỏ chúng có linh hồn.

— Ta chỉ chứng tỏ được mỗi một điều là chúng nó có thể đã cứu mạng ta. Mọi chuyện rồi tinh rồi mù lên cả. Cũng có thể chính chúng ta đã tự trốn thoát được lắm chứ.

— Chúng không phải loài thú đâu, chắc chắn như thế đấy, Cha Stone ạ. Thú vật đâu có cứu mạng kẻ lạ mặt. Điều đó chứng tỏ ở đây thật sự hiện hữu lòng nhân từ và cảm thông. Có lẽ ngày mai chúng ta sẽ chứng tỏ thêm nhiều điều khác.

— Chứng tỏ cái gì? Bằng cách nào? – Linh mục Stone đã kiệt sức quá rồi; sự mệt mỏi của tâm trí và cơ thể biểu lộ rõ trên nét mặt đờ đẫn của ông, – Vừa ngồi trực thăng đuổi theo chúng vừa đọc Thánh Kinh chẳng? Chúng chẳng phải người ta. Chúng chẳng có mắt mũi tay chân như chúng ta.

— Nhưng ở chúng, tôi cảm nhận được một cái gì đó khó xác định, – Đức Cha Peregrine đáp. – Tôi tin chắc một mặc khải vĩ đại sắp xảy ra. Chúng đã cứu ta. Vậy chúng có suy nghĩ. Chúng biết chọn lựa: mặc cho bọn ta chết quách đi hay là để bọn ta sống! Điều đó chứng tỏ một ý chí tự do! Sư huynh không thể nhận ra tính người dưới lớp không-phải-người sao?

— Tôi thà nhận dạng được cái không-phải-người dưới lớp con người còn hơn.

Đêm lạnh đi rất nhanh. Linh mục Stone bắt tay vào việc nhóm lửa, mắt nhìn đắm đắm vào những que củi trên tay, chốc chốc lại sặc sụa ho trên làn khói xám. Đức Cha Peregrine vẫn tiếp tục đề tài ưa thích của mình trong bữa ăn tối bất kể Cha Stone có buồn nghe hay không.

— Thật đáng tiếc thay, con người vẫn là con người, dù có mang hình hài nào đi nữa thì con người vẫn có khuynh hướng phạm tội...

Nhưng Cha Stone đã giả vờ ngáy để khỏi phải tranh luận.

Chương 5

Đức Cha Peregrine năm mãi không chớp mắt được.

Tất nhiên là họ có thể bỏ mặc cho cư dân Hỏa Tinh sa xuống địa ngục được chứ? Một khi đã thỏa hiệp với lương tâm của mình, họ có thể quay lại những thành phố con người đang xây dựng trên hành tinh này, những thành phố đầy những cốc rượu tội lỗi và những người đàn bà tội lỗi có đôi mắt tổng tình và tấm thân trắng muốt đang đùa vui trên chiếc giường của những gã lao công cô đơn? Chẳng lẽ đó không phải là nơi cần đến cha cố sao? Chẳng lẽ con đường dẫn đến dây đồi kia không phải là một ý tưởng ngông cuồng hoàn toàn của cá nhân ngài sao? Có thật là ngài vẫn luôn nghĩ đến Giáo Hội của Chúa, hay ngài chỉ muốn thỏa mãn lòng hiếu kỳ của mình? Ôi, những quả cầu xanh dịu dàng ấy; chúng cứ bừng sáng mãi trong tâm trí Đức Cha!

Điều cuối cùng ngài nhìn thấy trước khi thiếp ngủ đi chính là những đốm lửa xanh, những quả cầu ấy đã quay lại như một đoàn thiên thần ngồi sáng lạng lẽ hát ru ngài vào giấc điệp bất khoan.

Chương 6

Những giấc mơ lửa xanh ấy vẫn còn lơ lửng trên trời khi Đức Cha Peregrine tỉnh giấc lúc tinh sương. Linh mục Stone vẫn ngủ say như chết. Đức Cha Peregrine dõi nhìn theo những sinh vật Hỏa Tinh đang bành bồng trên cao quan sát ngài. Chúng là người – ngài biết mà. Nhưng Đức Cha phải chứng minh được điều đó, bằng không ngài phải đối đầu với một Đức Hồng Y khô khan gỗ đá; người sẽ hết sức từ tâm mời Đức Cha Peregrine tránh ra một bên. Nhưng chứng minh bằng cách nào đây?

Đức Cha Peregrine đứng dậy, len lỏi giữa những tảng đá, và bắt đầu trèo lên ngọn đồi gần nhất cho đến lúc ngài đặt chân tới một vách đá đâm thẳng đứng xuống một miệng vực hai trăm thước bên dưới. Cha Peregrine muốn ngạt thở sau đoạn đường nhọc nhằn dưới bầu không khí buốt giá, ngài cứ đứng thở dốc mãi.

— Nếu mình mà rơi xuống chỗ này thì chết là cái chắc.

Ngài buông một hòn sỏi xuống vực và nghe tiếng va chạm lạnh canh ở vực đá sâu dưới kia.

— Chúa sẽ không bao giờ tha tội cho ta.

Ngài thả một hòn sỏi nữa.

— Có lẽ không thể gọi việc đó là tự tử, nếu như... nếu như ta làm điều ấy chỉ vì lòng yêu thương...?- Vị giám mục ngược mắt nhìn những quả cầu xanh. _ nhưng trước hết ta cần phải gọi chúng thử lần nữa xem. Xin chào! Xin chào!

Những tiếng vọng của núi đồi va đập vào nhau nhưng những quả cầu lửa vẫn im lìm không động đậy.

Đức Cha Peregrine gọi chúng suốt năm phút liền. Lúc im tiếng, ngài ngoái nhìn xuống chân đồi và nhìn thấy Cha Stone vẫn còn ngủ thản nhiên

trong căn lều nhỏ. Đức Cha Peregrine bước ra bờ vách đá.

— Ta phải chứng minh tất cả. Ta là một lão già. Ta không sợ chết. Chắc là Chúa sẽ hiểu rằng việc ta toan làm chính là vì Chúa?

Đức Cha hít một hơi thật sâu. Cả cuộc đời ngài hiện về trong đôi mắt và ngài nghĩ thầm: Chỉ một phút nữa là ta sẽ chết chẳng? Ta e rằng ta yêu quý cuộc sống quá mức đó. Nhưng còn nhiều điều khác ta còn yêu quý hơn cả cuộc đời này.

Ngài bước chân ra khỏi bờ đá. Rơi vào khoảng không!

— Đồ xuân ngọc! Vị linh mục già kêu lên trong lúc ngã lộn nhào. – Mi nhảm lẫn rồi! – Vực đá lởm chồm dưới xa đang vun vút lao vọt lên thật gần. Đức Cha tin chắc mình sẽ đâm sầm vào chúng, gửi hồn về Chúa. – Sao ta lại làm như thế?

Ngay sau đó, ngài biết được câu trả lời. Một suối sao cuộn xoáy. Một ánh sáng lung linh dịu xanh. Và ngài thấy thân hình ngài được nâng đỡ, lơ lửng giữa màu xanh ấy. Một phút sau đó, Đức Cha được hạ xuống mặt đất nhẹ nhàng, sống sót. Ngài ngồi lặng người đi, sờ nắn cơ thể mình và ngẩng nhìn những đốm sáng màu xanh đang rút lui thật nhanh.

— Các bạn đã cứu tôi! – Đức Cha thì thào. – Các bạn không muốn cho tôi chết. Các bạn biết đó là điều sai lầm.

Ngài chạy ào về phía Cha Stone vẫn còn ngủ say.

— Dậy đi, sư huynh, dậy mau! – Cha Peregrine vừa gọi, vừa lay Cha Stone. – Sư huynh ơi, họ đã cứu tôi!

— Ai cứu ngài? – Cha Stone ngồi dậy, mắt nhấp nháy chưa tỉnh ngủ hẳn.

Đức Cha Stone kể lại cuộc phiêu lưu vừa qua.

— Giấc mơ đó thôi, một cơn ác mộng, ngủ tiếp đi nào, – Cha Stone cúi kinh bảo. – Ngài lúc nào cũng bị ám ảnh vì mấy quả bong bóng xanh biếc của ngài.

— Nhưng lúc đó tôi có ngủ đâu. Thực chứ không phải mơ!

— Bình tĩnh lại đi, thưa Đức Cha, xin bình tĩnh lại.

— Anh không tin tôi à? Anh có mang súng theo đó không? Tốt, đưa súng cho tôi.

— Ngài định làm gì thế? – Linh mục Stone trao cho Đức Cha Peregrine khẩu súng lục nhỏ họ đã mang theo để đề phòng rắn rết hay các con thú nguy hại bất ngờ.

— Tôi sẽ chứng minh ngay!

Cha Peregrine siết chặt khẩu súng, nhắm vào lòng bàn tay mình và bấm cò.

— Đừng!

Một quầng sáng lung linh xuất hiện và ngay trước mắt hai vị giáo sĩ, viên đạn đứng sững giữa không trung chỉ cách lòng bàn tay xòe rộng của Cha Peregrine có mấy phân. Bị bao bọc bởi một quầng sáng xanh lam, viên đạn lơ lửng một lúc rồi rơi vèo xuống mặt đất cát bụi.

Đức Cha Peregrine bắn ba phát đạn – một vào bàn tay, một vào cẳng chân, một vào ngay bụng mình. Cả ba viên đạn đều lơ lửng giữa khoảng không, lấp lánh sáng, và rơi xuống chân họ như những con côn trùng chết cứng.

— Thấy chưa? – Đức Cha Peregrine buông thõng tay xuống, khẩu súng lục rơi xuống đất. – Họ biết. Họ hiểu. Họ không phải thú vật đâu. Họ biết suy nghĩ, biết phán xét, và biết sống trong bầu không khí đức độ. Có con thú nào có thể cứu được tôi khỏi bị sát hại bởi chính tôi không? Không con thú nào làm được điều đó. Chỉ có con người. Một con người trong hình vóc khác. Sư huynh ơi, anh đã tin tôi chưa?

Im lặng, Cha Stone quỳ một chân xuống, nhặt mấy viên đạn còn nóng ấm lên và siết chặt chúng trong lòng bàn tay.

Bình minh dâng lên sau lưng họ.

— Tôi nghĩ rằng chúng ta nên trở về với các bạn của chúng ta để nói cho họ biết điều này và đưa họ lên đây, – Đức Cha Peregrine lên tiếng.

Lúc mặt trời lên cao, hai vị linh mục đã về gần đến nơi chiếc hỏa tiễn Thập Giá đổ bộ.

Chương 7

Đức Cha Peregrine vẽ một vòng tròn ngay giữa bảng đen và nói:

— Đây là Jesus, con của Đức Chúa Trời.

Ngài vờ như không nghe thấy tiếng hít hơi thật dài đầy thẳng thốt của các vị linh mục đồng hành.

— Đây là Đấng Ki-Tô với tất cả Vinh Quang, – Cha Peregrine tiếp tục.

— Trông giống như một bài toán hình học, – Cha Stone nhận xét.

— Một so sánh rất đúng, bởi vì ở đây ta phải sử dụng các biểu tượng. Các bạn phải nhìn nhận rằng Đấng Ki-Tô vẫn là Đấng Ki-Tô, cho dù Người được biểu thị bằng một hình tròn hay một hình vuông cũng chẳng làm mất đi sự thiêng liêng của Người. Suốt bao thế kỷ, chiếc thập giá đã là biểu tượng của yêu thương và đau khổ của Người. Cho nên, vòng tròn này sẽ là Đấng Ki-Tô của Hỏa Tinh. Chúng ta sẽ gieo rắc Chân Lý của Người trên Hỏa Tinh dưới biểu tượng này.

Các linh mục nhìn nhau, xầm xì to nhỏ đầy vẻ bức tức.

— Nay sư huynh Mathias, anh sẽ làm một bình thủy tinh, thả lửa bên trong Chúng ta sẽ đặt nó trên bàn thờ.

— Một xảo thuật rẻ tiền, – Cha Stone thốt lên.

— Trái lại là khác, – Cha Peregrine kiên nhẫn thuyết phục. – Chúng ta đang đem Chúa đến với họ trong một hình ảnh dễ hiểu. Nếu xưa kia dưới Trái Đất, Đấng Cứu Thế đến với ta dưới hình dáng một con bạch tuộc thì chúng ta có sẵn lòng chấp nhận Người hay không? – Cha Peregrine giang rộng hai cánh tay. – Như vậy việc Đức Chúa Trời đã cho Jesus đến với chúng ta trong hình vóc con người có phải là một xảo thuật rẻ tiền không? Sau khi đã ban phúc cho ngôi nhà thờ ta xây ở đây và lâm phép thánh hóa cho bàn thờ

và biểu tượng này thì các bạn có cho rằng Đấng Ki-Tô sẽ từ chối không ngự vào cái hình thể trước mặt chúng ta đây sao? Trong thâm tâm các bạn đều biết rằng Người sẽ không từ chối.

— Nhưng đây là thân xác của một loài thú không linh hồn cơ mà? – Sư huynh Mathias phản đối.

— Từ sáng đến giờ chúng tôi đã chứng minh điều đó biết bao nhiêu lần rồi, sư huynh Mathias. Các sinh vật đó đã cứu chúng tôi thoát khỏi trận núi lửa. Họ biết được việc tự hủy mình là tội lỗi nên đã ngăn cản tôi đến mấy lần. Vì vậy ta phải xây dựng một giáo đường trong dãy đồi kia, phải sống với họ để tìm hiểu những cách phạm tội đặc biệt của họ; những cách phạm tội rất xa lạ với chúng ta, và giúp họ tìm đến Chúa.

Cái viễn cảnh ấy dường như không làm cho các linh mục hài lòng.

— Hình thù thì có ý nghĩa gì nào? – Đức Cha Peregrine tiếp tục. – Chỉ là một chiếc bình chứa đựng linh hồn cháy bỏng mà Thượng Đế đã ban cho tất cả chúng ta.

Nhưng sao ngài lại đặt trên bàn thờ cái bình cầu thủy tinh ấy? Cha Stone phản đối.

— Ồ, anh bạn thử nhớ lại xem, người Trung Hoa Công Giáo họ thờ phụng Đấng Ki—Tô nào? Một Đấng Ki-Tô Đông Phương, tất nhiên. Anh đã từng thấy các ảnh thánh của người Trung Hoa rồi đấy. Họ vẽ Chúa Jesus mặc áo gì? Áo bào Đông Phương. Họ vẽ Người ở đâu? Trong bối cảnh Trung Hoa với núi mờ sương với rừng trúc với cội tùng vạn vẹo. Họ vẽ Chúa Jesus mắt xếch, gò má cao. Mỗi chủng tộc. mỗi đất nước đều thêm thắt một cái gì đó cho Thượng Đế của chúng ta. Tôi nhớ tới Đức mẹ Đồng Trinh Guadalupe mà dân Mehico ai cũng đều sùng bái. Da Đức Mẹ màu gì? Anh có thấy những ảnh thánh vẽ Đức Bà bao giờ chưa? Đức Mẹ da đen như màu da của những người thờ phụng Bà. Hình thù không thành vấn đề. Nội dung mới đáng kể. Chúng ta không thể chờ đợi các sinh vật Hỏa Tinh chấp nhận một hình thù xa lạ với họ. Chúng ta phải mang đến cho họ một Đấng Ki-Tô trong hình dáng của chính họ.

— Có một lầm lẫn trong lý luận của ngài, thưa Đức Cha, – Linh mục

Stone bắt bẻ. – Chẳng lẽ các sinh vật Hỏa Tinh không hồ nghi rằng chúng ta là những kẻ đạo đức giả sao? Chúng sẽ nhận ra là chúng ta không hề thờ phụng một Đấng Ki-Tô hình cầu tròn trịa mà là thờ phụng một con người với đầu mình tứ chi. Ngài giải thích sự khác biệt này như thế nào?

— Bằng cách chứng tỏ không có gì khác biệt. Mọi thân xác đều là những bình cầu có ngài hiện hữu, và mỗi thân xác sẽ cùng thờ phụng chung một Thượng Đế dưới nhiều hình dạng khác nhau. Hơn nữa, chính chúng ta phải tin vào chiếc bình cầu ta sẽ mang đến cho sinh vật Hỏa Tinh. Chúng ta phải tin rằng mọi vóc dáng, hình hài đều vô nghĩa đối chúng ta. Quả cầu này sẽ là Đấng Ki-Tô. Và cần phải nhớ rằng, chính chúng ta đây trong hình dáng con người và một Đấng Ki-Tô Địa Cầu cũng có thể là vô nghĩa, dị hợm, buồn cười đối với các sinh vật Hỏa Tinh.

Đức Cha Peregrine đặt viên phấn sang một bên.

— Bây giờ chúng ta hãy đi lên đồi mà xây dựng nhà thờ.

Các linh mục bắt đầu thu xếp trang bị.

Chương 8

Nhà thờ ấy không phải nhà thờ mà chỉ là một vùng đá núi được dọn quang, một bình nguyên trên một triền núi thấp được cào sạch bụi đất, và một bàn thờ đã được dựng lên, bên trên đặt một quả cầu thủy tinh tỏa sáng do sư huynh Mathias thiết kế.

Đến cuối ngày làm việc thứ sáu thì "giáo đường" đã sẵn sàng hoạt động.

— Chúng ta sẽ làm gì với cái này? Cha Stone búng tay vào một quả chuông sắt mà họ đã mang theo từ Trái Đất. — Cái chuông này có ý nghĩa gì với chúng?

— Tôi nghĩ rằng tôi mang quả chuông theo vì sự thoải mái của chúng ta, — Đức Cha Peregrine thú nhận. — Chúng ta cần một vài vật dụng quen thuộc. Ngôi giáo đường này thật sự không giống giáo đường mấy cho nên ở đây chúng ta cảm thấy hơi dị hợm... ngay cả tôi cũng vậy; bởi vì công việc này mới mẻ quá, truyền đạo cho các sinh vật của thế giới khác...

Nhiều linh mục trong Đoàn đang bất mãn đấy. Một số còn chế giễu tất cả ý định của ngài nữa kia, Đức Cha Peregrine.

— Tôi biết. Dù sao thì ta cũng treo quả chuông này lên một tháp nhỏ đi, vì sự thoải mái của họ...

— Còn chiếc đàn phong cầm...

— Chúng ta sẽ chơi đàn vào buổi lễ đầu tiên, sáng ngày mai.

— Nhưng các sinh vật Hỏa Tinh...

— Tôi biết rồi, khỏi nói. Tôi cũng nghĩ rằng âm nhạc cần thiết cho sự thoải mái của chúng ta. Sau này biết đâu ta lại chẳng tìm ra âm nhạc của Hỏa Tinh.

Chương 9

Họ thức dậy rất sớm sáng Chúa Nhật hôm ấy và xếp hàng đi trong sương giá âm thầm như những bóng ma. Các linh mục đi đến khu vực bằng phẳng, rộng rãi của "giáo đường". Họ quỳ xuống, môi xanh tái. Đức Cha Peregrine đọc một bài kinh ngắn và đặt những ngón tay lạnh lên phím đàn phong cầm. Âm nhạc vút bay lên như một đàn chim. Đôi bàn tay Đức Cha thoăn thoắt trên hàng phím trắng đen, gom nhặt những mỹ miều tung bỗng lên cho núi đồi. Tiếng nhạc thơm mùi sáng tinh sương, dạt trôi vào núi, lay động những vụn vỡ của khoáng chất và đổ xuống trần một cơn mưa bụi.

Các linh mục đợi chờ. Cha Stone quan sát khoảng trời trống trải nơi vầng dương đang ló dạng, đỏ ngầu.

— Vẫn chưa thấy những người bạn của chúng ta đến.

— Để tôi thử lại lần nữa xem, – Cha Peregrine toát mồ hôi.

Ông bắt đầu đàn kết những kiến trúc hòa âm của Bach, từng viên đá giai điệu chồng lấp vào nhau, vươn cao thành một thánh đường âm nhạc mênh mông vút tận đỉnh trời. Khi âm ba đã lắng, giai điệu trùng trùng kia không đổ sụp thành đồng điệu tàn mà hòa nhập vào những tầng mây trắng, lướt đi, bay về những miền đất khác.

Bầu trời vẫn trống rỗng.

— Họ sẽ đến mà! – Cha Peregrine cảm thấy trong ngực mình niềm hốt hoảng nhỏ nhoi đang vụt lớn. – Ta hãy cầu nguyện đi. Ta hãy yêu cầu họ đến. Họ đọc được ý nghĩ mà; họ sẽ hiểu.

Các linh mục lại quỳ xuống. Họ cầu nguyện.

Và từ phương Đông, những quả cầu lửa sáng dịu dàng hiện ra sau những đỉnh núi giá băng. Chúng lơ lửng, lượn vòng rồi hạ xuống đầy khoảng đất trống bao quanh đoàn linh mục.

— Ôi, tạ ơn Chúa! – Cha Peregrine nhắm chặt đôi mắt và những ngón tay lại nhấn xuống phím đàn. Một tiếng nói vang vọng trong tâm trí Đức Cha Peregrine:

— Chúng tôi chỉ đến đây một lát rồi đi.

— Các bạn có thể ở lại, – Cha Peregrine kêu lên.

— Chỉ một lát thôi, – tiếng nói ấy âm vang lặng lẽ. – Chúng tôi đến để nói với các người đôi điều. Chúng tôi là những Cổ Nhân. những sinh vật xa xưa của Hòa Tinh, chúng tôi đã rời bỏ những thành phố cẩm thạch của mình để vào đồi núi sống, tử bỏ luôn cuộc đời vật dục. Ngày xưa chúng tôi cũng là người như các bạn. Huyền thoại kể lại rằng có một người thánh thiện đã khám phá được cách thức giải thoát linh hồn và trí tuệ ra khỏi thân xác, giải thoát khỏi những bệnh tật, phiền não, sầu bi, khỏi cái chết và biến thái; thế là chúng tôi từ đó mang hình dáng những đốm lửa xanh, sống bình yên trong gió ngàn, trời lộng và những núi đồi kia, không kiêu hãnh hay ngang tàng, không giàu không nghèo, và cũng không đam mê hay nguội lạnh. Nhưng chúng tôi sẽ không bao giờ chết mà cũng không làm hại ai. Chúng tôi đã giữ bỏ tội lỗi của xác thân và sống trong hồng ân Thượng Đế. Chúng tôi không chiếm đoạt tài sản vì chúng tôi không hề có tài sản. Chúng tôi không ăn cắp, không giết người, không dục vọng, không ghen ghét...

Đức Cha Peregrine từ từ đứng thẳng người lên, vì tiếng nói ấy lồng lộng bên trong ngài ở một tần số cao đến mức muốn làm tê liệt mọi giác quan. Luôn lởn vởn trong cơ thể Đức Cha là một ngọn lửa bỏng cháy niềm hạnh phúc hân hoan.

— Chúng tôi rất cảm ơn các người đã xây dựng nơi này cho chúng tôi, nhưng chúng tôi không cần đến nó, bởi vì mỗi chúng tôi là một đền thờ của chính mình và chúng tôi không cần nơi nào khác để gột rửa bản thân cho trong sạch. Cho nên chúng tôi đề nghị các người hãy dời những thiết bị này vào thành phố mới mà làm trong sạch cho những con người đang ở đó. Và hãy an lòng rằng chúng tôi mãi mãi yên vui.

Các vị linh mục quỳ gối trong vầng hào quang xanh lam vĩ đại ấy. Cha Peregrine cũng khụy chân quỳ xuống và tất cả khóc òa. Những quả cầu xanh thăm thẳm, chao động rồi bắt đầu nường theo một luồng gió mạnh bay bổng

lên.

— Cho phép tôi... – Đức Cha Peregrine bật kêu to, đôi mắt nhắm nghiền, ngần ngại không dám yêu cầu. – Cho phép tôi trở lại đây một ngày nào đó, để có thể học hỏi các bạn...?

Những ngọn lửa xanh lòe sáng. Bầu trời rùng mình xao xuyến.

Vâng. Một ngày nào đó ông có thể trở lại. Một ngày nào đó.

Và rồi những quả bóng lửa bay đi khuất dạng. Như một đứa bé mắt nhắm lệ, Cha Peregrine vẫn quỳ, đôi tay vươn lên trời, gọi thầm: "Trở lại! TRỞ LẠI!"; ngài tưởng chừng bên cạnh ngài, người ông thân yêu sẽ bế ngài lên lầu, đặt vào chiếc giường ấu thơ của quê nhà Ohio xa vời tự bao giờ...

Chương 10

Họ xếp hàng một đi xuống đồi lúc hoàng hôn. Ngoái nhìn lại, Đức Cha Peregrine trông thấy những ngọn lửa xanh lập lòe. Không, ông nghĩ thầm, chúng tôi không thể nào xây dựng giáo đường cho những người thánh thiện như các bạn. Các bạn chính là điều Tuyệt Mỹ. Có ngôi giáo đường nào dám sánh với những hoa pháo huy hoàng của linh hồn thanh khiết?

Linh mục Stone lặng lẽ đi sau lưng ngài. Cuối cùng ông lên tiếng:

— Thừa Đức Cha, tôi đã hiểu ra; trên mỗi hành tinh đều tồn tại một chân lý. Tất cả đều là thành phần của cái Chân Lý Vĩnh Cửu. Một ngày nào đó, tất cả các phần sẽ gắn khít lại với nhau thành Toàn Vẹn. Tôi sẽ không bao giờ hoài nghi nữa, thưa Đức Cha...

— Ồ...

— Xét về mặt nào đó, bây giờ tôi đâm tiếc là phải quay về thành phố để cứu rỗi linh hồn cho đồng loại chúng ta. Những ánh sáng xanh lam ấy... khi những đốm lửa dịu dàng ấy tụ quanh chúng ta. Và tiếng nói ấy...

Cha Stone run rẩy bỏ dở câu nói. Đức Cha Peregrine vươn tay nắm lấy cánh tay người bạn đồng hành. Họ cùng đi bên nhau.

— Và Đức Cha biết đấy, – Cha Stone lại lên tiếng, mắt nhìn sững về phía sư huynh Mathias đang đi đằng trước với quả cầu thủy tinh ôm trên tay. Quả cầu mang trong lòng một ánh sáng xanh lam dịu dàng vĩnh hằng tỏa chiếu, – Thưa Cha Peregrine, quả cầu kia...

— Sao?

— Chính là Người. Chính là Đấng Cứu Thế!

Nơi Không Kẻ Vãng Lai

Dù ngày hay đêm, chạy bằng lục địa nước Mỹ bằng tàu hoả là anh lao vút qua hết thị trấn hoang vu này đến tỉnh lỵ đìu hiu khác nơi không kẻ vãng lai. Hay nói đúng hơn, anh lướt ngang những nơi mà ai chẳng có liên quan, ai chẳng còn cội rễ lưu giữ trong năm mộ làng quê, thì chẳng ai mất công thăm viếng những ga xếp lẻ loi hay lui tới những bối cảnh quanh quẽ chốn ấy.

Tôi nói điều đó với một bạn đồng hành, một người chào hàng cũng giống như tôi, trên chuyến tàu Chicago-Los Angeles khi chúng tôi băng qua tiểu bang Iowa. Anh ta đồng ý:

- Đúng vậy, người ta thường ghé đến Chicago, ghé New York, ghé Boston, ghé Los Angeles. Ai không sống ở các vùng đó thì ghé chơi để về kể lại. Chớ có du khách nào lại xuống tàu ở Fox Hill, ở Nebraska để xem thử nó ra làm sao bao giờ? Anh hả? Tôi hả? Không đời nào! Tôi chẳng quen biết ai, chẳng có công việc gì ở đó, nó cũng chẳng phải khu nghỉ dưỡng, việc gì phải mất công mò tới?

- Nhưng một năm nào đó thử làm một chuyến nghỉ mát thật sự khác biệt cũng là một thay đổi hấp dẫn đấy chứ? – Tôi nói. – Chọn một làng quê hẻo lánh nào đấy ở đồng bằng nơi anh chẳng quen biết một mống nào cả và tới đó thử chơi?

- Anh sẽ chán ngấy cho xem.

- Tôi vẫn khoái thử một lần đấy chứ! – Tôi ghé mắt nhìn qua cửa sổ. – Tuyến đường này sắp dẫn tới thị trấn nào vậy?

- Rampart Junction.

Tôi mỉm cười.

- Coi bộ hay đấy. Chắc tôi xuống tàu ở đấy.

- Anh vừa xạo vừa ngốc. Anh cần cái gì chứ? Phiêu lưu ư? Lãng mạn ư? Cứ việc nhảy xuống tàu đi. Chỉ mười giây sau thôi là anh sẽ tự chửi mình đồ ngu, vồ lấy tắc-xi và rượt theo chúng tôi đến nhà ga kế tiếp.

- Có thể.

Tôi nhìn những cột điện vút ngang, vút ngang, vút ngang. Xa xa trước mặt, tôi lơ mơ nhận ra những đường nét đầu tiên của một thị trấn.

- Nhưng tôi không nghĩ thế đâu, – tôi nghe chính mình đang nói.

Người chào hàng đối diện nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên.

Bởi vì, chậm rãi, rất chậm rãi, tôi đang dợm đứng lên. Tôi với tay lấy nón. Tôi thấy bàn tay mình mò mẫm tới chiếc va-li. Chính tôi cũng ngạc nhiên.

- Khoan đã! – Người chào hàng kêu lên. – Anh định làm gì thế?

Đoàn tàu đột ngột vòng qua một khúc quanh. Tôi lao đảo. Tôi nhìn thấy ở đằng xa một tháp chuông nhà thờ, một cánh rừng trải rộng, một đồng lúa mùa hè.

- Chắc là tôi sắp xuống tàu đấy, – tôi đáp.

- Ngồi xuống đi.

- Không. Thị trấn đằng kia có cái gì đó khiến tôi muốn ghé xem. Tôi còn nhiều thời gian. Thật sự là đến thứ Hai tới tôi mới cần có mặt ở Los Angeles. Nếu tôi không xuống tàu bây giờ thì tôi sẽ mãi thắc mắc không biết mình đã bỏ qua điều gì, một cơ hội nào đó tôi đã để vuột mất trong khi mình đã có dịp chứng kiến.

- Thì bọn ta vừa mới nói chuyện rồi. Có gì ở đó đâu mà xem.

- Anh đã lầm. Có chứ.

Tôi đặt nón lên đầu và tay nhấc va-li lên. Người chào hàng sững sốt:

- Trời đất. Giờ thì tôi tin rằng anh dám làm thật.

Tim tôi đập dồn. Mặt tôi bừng đỏ.

Đoàn tàu kéo còi. Đoàn tàu lao nhanh trên đường ray. Thị trấn ấy đã gần kề!

- Hãy chúc tôi gặp may mắn đi nào, – tôi bảo.

- Chúc may mắn! – Anh bạn đồng hành kêu to.

Tôi vừa hò hét vừa chạy đi tìm nhân viên trực toa.

Một chiếc ghế tróc sơn cũ kỹ ngã lưng tựa vào bức tường sân ga. Trên ghế là một ông già khoảng bảy mươi ngời thông thọt, cả thân hình chìm lún trong mớ áo quần, dáng điệu bất động như đường tử chi đã bị đóng đinh vào đó từ khi nhà ga này được dựng lên. Mặt trời hun sạm gương mặt ông và cày sâu trên má những luống hằn như da rắn mỗi cùng những nếp nhăn ghì giữ đôi mi trong một cái nheo mắt bất tận. Mái tóc trắng màu tro như bốc khói trong gió hè. Chiếc áo sơ-mi mở phanh khoe cần cổ xoắn vặn xương xẩu, chiếc áo vốn màu xanh giờ bạc thếp màu trời chiều nắng loá. Đôi giày phòng rộp cứ như ông đã tàn nhẫn dí chặt chúng vĩnh viễn ngay miệng bếp lò. Và dưới chiếc ghế là cái bóng tô đậm một vùng đen triền miên.

Khi tôi bước xuống ga, ánh mắt ông già lia nhanh qua mọi cánh cửa của đoàn tàu và dừng sững, ngờ ngàng, ở hướng tôi.

Tôi nghĩ chắc ông sẽ vẫy tay chào.

Nhưng chỉ có một thoáng biến sắc bất ngờ trong đôi mắt bí mật của ông ta, một phản ứng thay cho sự nhìn nhận. Thế nhưng ông già vẫn không hề máy động một khoé mép, một mi mắt, một ngón tay. Một khối tảng vô hình nào đó vừa chuyển dịch trong con người ấy.

Đoàn tàu đang rời ga cho tôi cái cơ để đưa mắt nhìn theo. Không còn ai khác nữa trên sân ga này. Không chiếc ô-tô nào chực chờ bên văn phòng nhện giăng cửa khoá. Chỉ mình tôi rời khỏi con quái vật kim khí gầm vang kia để đặt chân xuống những đợt sóng nứt rạn của sân ga lát gỗ.

Tiếng còi tàu rú vọng qua đồi.

Ồ ngu! Tôi nghĩ thầm. Anh bạn đồng hành đã nói đúng. Chắc tôi sẽ phát

hoảng lên trước nỗi buồn chán mà giờ tôi đã cảm nhận được ở chốn này. Được rồi, tôi ngu, nhưng bỏ chạy ư? Không!

Tôi xách va-li băng qua sân ga, phớt lờ ông cụ. Lúc đi ngang, tôi nghe rõ tiếng thân hình gầy còm của ông ta xê dịch lần nữa, lần này cố tình cho tôi nhận biết. Hai bàn chân ông đang hạ xuống, sờ soạng rồi đập khê xuống lớp ván sàn nhộp nháp.

Tôi cứ đi.

- Xin chào, – một tiếng nói loáng thoáng.

Tôi biết ông ta đâu có nhìn tôi mà chỉ nhìn lên mảng trống lớn không mây trên bầu trời lung linh.

- Xin chào, – tôi đáp lại.

Tôi bắt đầu đi lên con đường bụi bặm dẫn vào thị trấn. Đi được trăm thước, tôi liếc nhìn phía sau.

Ông già vẫn ngồi đó, trân trối nhìn mặt trời như dường đang đặt một câu hỏi.

Tôi vội vàng đi tiếp.

Tôi đi xuyên thị trấn mờ màng buổi chiều, hoàn toàn vô danh và cô độc, một con cá lội ngược dòng không với được tới bờ nước trong lành của nguồn đời trôi chảy chung quanh.

Những ngờ vực của tôi đã được xác định. Đây là một thị trấn chẳng có gì xảy ra, nơi mà những biến cố tôi bắt gặp chỉ là những chuyện này:

Đúng bốn giờ, cánh cửa của tiệm buôn Honneger Hardware đóng sầm khi một con chó đi ra ngoài xù lông giữ bụi trên đường lộ. Bốn giờ rưỡi, một chiếc ống hút nút cạn tới đáy một ly sô-đa, bật ra một tiếng nấc menh mông trong tiệm tạp hoá im lìm. Năm giờ, lũ nhóc con cùng những viên đá cuội lao mình xuống con sông thị trấn. Năm giờ mười lăm, đàn kiến diễu hành trong ánh nắng đổ nghiêng dưới mấy tàng cây.

Tuy nhiên – tôi chậm chậm quay một vòng – đâu đó quanh đây nhất định

phải có cái gì đó đáng quan tâm. Tôi biết chắc là có. Tôi biết tôi phải tiếp tục đi và nhìn ngắm. Tôi biết tôi sẽ tìm ra.

Tôi đi. Tôi nhìn.

Trọn buổi chiều này, chỉ có độc nhất một yếu tố là bất biến và thường trực: ông già trong bộ đồ xanh bạc màu luôn luôn theo tôi. Lúc tôi ngồi trong tiệm tạp hoá thì ông ta đứng trước hiên phun vèo những búng thuốc lá lăn tròn như con bọ hung trên đường bụi. Lúc tôi ra đứng bên sông thì ông ta ngồi thụp phía dưới dòng nước rửa tay với vẻ trịnh trọng cố tình.

Cho đến khoảng bảy giờ rưỡi tối, tôi đã đi qua đi lại đến bảy tám lần trong những con phố trầm lặng của thị trấn này thì tôi nghe tiếng bước chân bên cạnh mình. Tôi ngoái nhìn, và chính ông già ấy đang sánh bước cùng tôi, mắt nhìn thẳng phía trước, một phiến cỏ héo cằn giữa hai hàm răng vàng ố.

- Đã lâu lắm rồi, – ông ta lên tiếng rất khẽ.

Chúng tôi đi cạnh nhau trong ánh trời chập choạng.

- Lâu lắm rồi, – ông ta lại nói, – đợi chờ ở sân ga đó.

- Ông hả? – Tôi hỏi.

- Chính tôi, – ông già gật đầu trong bóng tối rặng cây.

- Thế ông chờ ai ở nhà ga à?

- Ủ. Chờ cậu đấy.

- Chờ tôi? – Nỗi sùng sốt chắc đã lộ rõ trong giọng nói tôi. – Nhưng tại sao...? Ông chưa bao giờ gặp tôi trong đời cơ mà?

- Tôi có nói tôi đã gặp cậu đâu? Tôi chỉ nói tôi đã đợi chờ.

Bây giờ chúng tôi đã đến rìa thị trấn. Ông già quay gót và tôi cũng đã trở bước theo ông đi men theo bờ sông đang dần tối, về phía trụ cầu xe lửa nơi những chuyến tàu đêm thường băng ngang, đi đông, về tây, nhưng hiếm khi dừng lại chốn này.

- Ông muốn biết gì về tôi nào? – Tôi đột nhiên hỏi. – Ông là cảnh sát trưởng ở đây?

- Không, không phải cảnh sát trưởng. Mà tôi cũng chẳng muốn biết gì về cậu cả. – Ông già cho hai tay vào túi. Mặt trời đã lặn khuất. Trời mát lạnh bất ngờ. – Tôi chỉ ngạc nhiên là rốt cuộc cậu đã tới đây, thế thôi.

- Ngạc nhiên?

- Ngạc nhiên, và... hài lòng.

Tôi đứng phắt lại, nhìn thẳng vào mặt ông ta.

- Ông đã ngồi đợi ở sân ga ấy bao lâu rồi?

- Hai mươi năm, hay khoảng chừng đó.

Tôi biết ông già nói thật; tiếng ông lặng lẽ và trôi chảy như dòng sông.

- Để chờ tôi? – tôi hỏi.

- Hay kẻ nào đó giống như cậu, – ông già đáp.

Chúng tôi tiếp tục đi trong bóng tối loang dần.

- Cậu thấy thị trấn này sao?

- Trầm lặng, hiền hoà.

- Trầm lặng, hiền hoà, – ông cụ gật đầu. – Còn dân chúng thì sao?

- Dân miền này trông cũng trầm lặng, hiền hoà.

- Đúng thế. Trầm lặng, hiền hoà.

Tôi đã định quay lại nhưng ông ta vẫn tiếp tục nói. Để lắng nghe và tỏ ra lịch sự, tôi phải đi theo ông vào vùng bóng tối rộng lớn hơn, bước vào những đợt sóng rập rờn của đồng lúa bên ngoài thị trấn. Ông già vẫn nói:

- À, cái ngày tôi về hưu hai mươi năm trước, tôi đã ngồi ở sân ga đó và cứ ngồi đấy, không làm gì hết, cứ đợi chờ một chuyện gì đó xảy ra, tôi không hề biết mình chờ mong cái gì nữa. Nhưng khi cuối cùng nó xảy ra thì tôi biết, tôi nhìn nó và bảo, à, đúng là cái mình đợi chờ bấy lâu. Tàu lửa lật chẳng? Không phải. Một bà bạn già trở về thị trấn sau năm mươi năm chẳng? Không phải. Thật khó nói. Một kẻ nào đó. Một chuyện gì đó. Ước gì tôi có thể nói được...

- Sao ông không cố bày tỏ xem? – tôi bảo.

Những vì sao đã hiện ra. Chúng tôi tiếp tục đi.

- Chà, – ông già nói chậm rãi, – cậu có hiểu rõ những gì bên trong cậu không?

- Ý ông muốn nói cái bao tử của tôi hay là về tâm lý?

- Đó đó! Ý tôi muốn nói đến đầu óc của cậu đấy, cậu có hiểu rõ nó không?

Lá cỏ thì thềm dưới chân tôi.

- Đôi chút.

- Trong đời cậu có căm ghét nhiều người không?

- Vài người.

- Chúng ta ai cũng thế. Căm ghét ai đó cũng là chuyện thường tình, phải không, và không chỉ căm ghét mà những khi không bộc lộ ra, chúng ta thậm chí còn có lúc muốn đánh những kẻ đã làm ta đau khổ, hay hơn thế nữa, ta muốn giết chết chúng?

- Cái cảm giác ấy chúng ta gặp như cơm bữa đấy thôi, – tôi nói, – và ta luôn gạt bỏ những ý tưởng đó đi.

- Chúng ta gạt bỏ những ý tưởng ấy suốt cuộc đời mình. Xóm làng bảo thế này, thế nọ. Bố mẹ khuyên răn điều này, điều kia. Luật pháp nghiêm cấm đủ thứ. Thế là cậu cứ gạt bỏ hết chuyện giết người này đến chuyện giết người khác. Đến khi cậu già như tôi thì hai lỗ tai cậu đã đầy ứ không biết bao nhiêu

điều tương tự. Và trừ phi cậu lao ra chiến trường thì không có gì tổng khứ được cái ý tưởng giết người đó ra khỏi đầu.

- Một số người chơi môn bắn súng, hay đi săn vịt, – tôi nói. – Số khác thì chơi quyền Anh hay đấu vật.

- Nhưng có một số khác thì không làm thế. Tôi muốn nói với cậu về những kẻ như thế. Tôi nè. Cả đời tôi đã xát muối vào những xác chết đó để ướp trong ngăn lạnh của cái đầu này nè. Nhiều khi cậu nổi khùng với cả thành phố và tất cả những con người chung quanh vì chúng đã buộc cậu phải gạt bỏ cái mong muốn giết người sang một bên. Cậu thấy mình như một người tiền sử già man rợ cứ muốn gào rú lên và vùng đập nát đầu ai đó.

- Kết luận là...?

- Kết luận là ai ai cũng muốn giết người một lần trong đời để giải toả phần nào cái gánh nặng đó; những ý tưởng khát máu đè trĩu tâm trí mà hắn ta không có gan thi hành. Và đôi khi ta có được một cơ hội. Một kẻ nào đó chạy ngang trước mũi xe hơi của chúng ta và ta quên đạp thắng và cứ phóng tới. Không ai chứng minh được gì trong những chuyện như thế. Ngay cả kẻ giết người cũng không thừa nhận với bản thân. Hắn ta chỉ không kịp đạp thắng thôi mà. Nhưng cậu biết và tôi biết chuyện gì đã thực sự xảy ra, phải không?

- Đúng, – tôi đáp.

Thị trấn giờ đã xa khuất. Chúng tôi đi lên một chiếc cầu gỗ bắc ngang một dòng suối nhỏ, gần ngay dốc đường ray.

- Đây, – ông già vừa nói vừa cúi nhìn xuống mặt nước, – chỉ có một lối giết người duy nhất đáng ra tay là giết ở một nơi không ai có thể đoán ra ai giết hay tại sao giết hay ai bị giết, đúng không? Chà chà, tôi có ý tưởng đó có lẽ đã hai mươi năm rồi. Tôi không thường xuyên nghĩ tới nhưng nó vẫn còn nguyên vẹn. Này nhé; chỉ có một chuyến tàu độc nhất ghé lại đây mỗi ngày, nhiều khi tàu cũng chẳng buồn dừng nữa kia. Đây, nếu cậu muốn giết một người nào đó thì cậu phải chờ đợi, phải không, hết năm này qua năm khác, cho đến lúc một kẻ hoàn toàn xa lạ mò đến thị trấn này, một kẻ xa lạ xuống tàu ở đây không vì lý do nào cả, một người không quen biết ai và không ai ở đây quen biết hắn. Lúc đó, và chỉ lúc đó thôi, tôi cứ ngồi ở cái ghế ngoài ga

mà nghĩ mãi như thế, lúc đó cậu chỉ cần đi tới và khi chung quanh vắng vẻ, giết ngay hắn ta rồi ném xác xuống dòng sông. Người ta chỉ tìm thấy xác hắn hàng mấy dặm dưới hạ lưu. Có thể là người ta chẳng bao giờ tìm thấy. Sẽ không ai nghĩ đến chuyện mò tới thị trấn Rampart này mà kiếm hắn ta. Hắn đâu có đi đến đây. Hắn lên đường đến nơi nào khác kia. Đó, toàn bộ ý tưởng của tôi là thế. Và tôi nhận ra ngay nạn nhân của mình ngay giây phút hắn bước xuống tàu. Nhận ra hắn rõ ràng như thế...

Tôi ngừng bước. Trời tối sầm rồi. Phải một giờ nữa trăng mới lên.

- Thế à? – tôi lên tiếng.

- Phải, – ông già đáp, Đầu ông ngược lên nhìn sao trời. – Nói thế đủ lắm rồi. – Ông già bước tới rụt rè bước tới nắm lấy cánh tay tôi. Bàn tay ông nóng hực chẳng khác chi đã hong trên bếp lò trước khi chạm vào tôi. Còn bàn tay kia, bàn tay phải, vẫn dấu khuất, nắm chặt, trong túi quần. – Nói thế đủ lắm rồi.

Một tiếng gào rú.

Tôi ngẩng phắt lên.

Trên cao, một đoàn tàu đêm tốc hành đâm toạc không gian theo những đường ray không nhìn thấy được, ánh đèn pha vãi tung trên rú rừng, nông trang, thị trấn, ruộng đồng, hào rãnh và mặt nước; rồi, gầm thét, vút đi xa, kêu rít, mất dạng. Những thanh tà-vẹt bản bật rung rền. Rồi, im lặng.

Ông già và tôi đứng nhìn nhau trong bóng tối. Bàn tay trái ông ta vẫn còn nắm khuỷu tay tôi. Bàn tay kia vẫn dấu kín.

- Tôi nói đôi điều được không? – Sau cùng, tôi lên tiếng.

Ông già gật đầu.

- Nói về bản thân, – tôi ngập ngừng. Tôi bỗng thấy khó thở. Tôi buộc mình phải tiếp tục. – Lạ thật, Tôi cũng hay nghĩ giống như ông. Đặc biệt là hôm nay, ngồi trên tàu tôi đã nghĩ: Hoàn hảo quá, hoàn hảo quá, thật không còn gì hơn được nữa. Chuyện làm ăn dạo này chẳng ra chi. Vợ thì bình hoạn. Thăng bạn tốt chết mất tuần qua. Thế giới chiến tranh khắp nơi. Thử hỏi sao không

giận sôi gan! Tôi sẽ thấy dễ chịu biết bao nếu như...

- Nếu sao? – ông già hỏi, bàn tay vẫn nắm cánh tay tôi.

- Nếu như tôi xuống tàu ở một thị trấn nhỏ nào đó, khẩu súng mang dưới nách, nơi không một ai quen biết tôi, rồi tìm ai đó, bắn chết, chôn xác xong quay ngược lại nhà ga đón tàu đi tiếp, về nhà, và không ai hay biết gì hơn, không ai biết được gì bao giờ. Thật hoàn hảo, tôi đã nghĩ, một tội ác hoàn hảo. Và thế là tôi đã xuống tàu.

Chúng tôi lại đứng trong bóng tối trùng trùng nhìn nhau một hồi. Có lẽ chúng tôi đang lắng nghe tiếng tim người kia đập dồn, rất nhanh, rất vội.

Thế giới xoay chuyển dưới chân tôi. Tôi ghì chặt hai năm đấm. Tôi muốn ngã gục. Tôi muốn gào rú lên như đoàn tàu vừa chạy qua.

Bởi vì đột nhiên tôi nhận biết tất cả những gì tôi vừa nói ra không phải là những lời dối trá để cứu lấy thân.

Tất cả những gì tôi nói với ông già đều là sự thật.

Bây giờ tôi đã hiểu vì sao mình lại xuống tàu và đi rảo quanh cái thị trấn này. Tôi đã hiểu tôi tìm kiếm cái gì.

Tôi nghe tiếng ông già thở hắt ra gấp gáp. Bàn tay ông níu cứng cánh tay tôi như dường sợ té ngã. Hai hàm răng nghiến chặt, ông chồm về phía tôi cùng lúc tôi chồm tới ông ta. Một khoảnh khắc im lặng kinh hoàng của nỗi căng thẳng tột cùng trước một sự bùng nổ.

Ông già gắng gượng thốt ra lời. Đó là tiếng nói của một kẻ bị nghiền nát dưới một gánh nặng ghê gớm.

- Làm sao tao tin được là mày giấu súng dưới nách?

- Làm sao ông biết chứ? – Giọng tôi lạc hẳn đi. – Làm sao ông biết được!

Ông già chờ đợi. Tôi tưởng chừng ông ta sắp ngắt đi.

- Có thật thế không? – ông ta hỏi.

- Thật thế đấy! – tôi đáp.

Ông già nhắm nghiền đôi mắt. Ông mím chặt đôi môi.

Thêm một lúc im lặng kéo dài nữa rồi rất chậm, rất nặng nhọc, ông gắng sức nhấc bàn tay khỏi cánh tay trĩu nặng của chính tôi. Ông nhìn xuống bàn tay phải của mình và rút ra khỏi túi quần, trống rỗng.

Chậm chạp, nặng nề, chúng tôi mỗi người quay về một hướng và dậm chân đi từng bước mù loà trong bóng tối.

Bảng đèn báo hiệu đón khách lập loè trên đường tàu nửa đêm. Mãi đến lúc đoàn tàu rời ga tôi mới chồm người qua khung cửa mở của toa tàu hạng nhất nhìn lại phía sau.

Ông già ấy đã ngồi xuống chỗ cũ, chiếc ghế ngả lưng tựa vào tường nhà ga, vẫn bộ đồ xanh bạc thếp, vẫn gương mặt khô nẻ, vẫn đôi mắt nhạt nhoà. Ông già không liếc nhìn tôi khi đoàn tàu lướt ngang. Ông đang chăm chăm nhìn về hướng đông dọc theo đường ray trống vắng nơi ngày mai, ngày kia hay một ngày nào đó, một đoàn tàu, bất kỳ đoàn tàu nào, có thể vút qua, có thể chậm lại, có thể ngừng bánh. Gương mặt bất động, đôi mắt trừng trừng mù quáng dõi theo hướng đông. Trông ông như già đã trăm năm.

Còi tàu rền rĩ.

Bỗng dưng thấy mình cũng già cỗi, tôi toài người ra cố nheo mắt nhìn.

Giờ đây cái bóng tối đem chúng tôi lại gần nhau đã đứng chắn ở giữa. Ông già, nhà ga, thị trấn, cánh rừng lợt thỏm trong đêm.

Suốt một giờ liền, tôi cứ đứng đó trong tiếng gào rú của đoàn tàu trên trời nhìn vào còi tăm tối ấy.

Thời Không Huyền Thoại

(Nguyên tác: The Dragon)

Đêm lặng lẽ không chút xô xao ngoại trừ bước gió lùa qua những phiến cỏ cụt trên đồng hoang. Đã nhiều năm rồi kể từ ngày một cánh chim cô lẻ lướt ngang vòm trời mù mịt bao la này. Đã xa xưa từ khi vài viên đá cuội vỡ nát thành cát bụi nuôi đời sinh sôi. Bây giờ chỉ có màn đêm xao động trong lòng hai người đang nghiêng mình bên ngọn lửa trơ vơ giữa hoang vu; hai bóng tối âm thầm len lỏi vào mạch máu và lặng lẽ phập phồng hai bên thái dương họ, trên hai cườm tay họ.

Ánh lửa nhấp nhô hắt bóng trên hai gương mặt hoang dã và nhuộm đỏ ánh mắt của hai người. Họ lắng nghe hơi thở khẽ khàng của nhau, nghe tiếng thạch sùng nháy mắt chong đêm. Cuối cùng, một người đàn ông đưa mũi kiếm khêu cao ngọn lửa.

- Dừng! Đồ ngốc; anh làm lộ tông tích chúng ta mất.

- Không hề gì đâu, – người kia đáp. – Chẳng nào thì con rồng ấy cũng có thể đánh hơi được chúng ta từ xa nhiều dặm kia. Lạy Chúa, lạnh quá. Ước gì tôi đã ở lại lâu dài.

- Chúng ta đâu có theo đuổi giấc ngủ, mà chính là cái chết...

- Tại sao? Tại sao? Con rồng ấy không hề đặt chân vào thành phố kia mà!

- Im đi, đồ ngốc! Nó ăn thịt những kẻ nào đi lại một mình giữa thành phố ta và thành phố lân cận đó!

- Cứ để mặc cho họ bị ăn thịt đi, còn chúng ta về nhà!

- Chờ đã, nghe kìa!

Hai người đàn ông đứng lặng.

Họ chờ đợi một lúc lâu nhưng chỉ nghe thấy tiếng hai con ngựa của họ bồn chồn cựa quậy tấm thân nhưng đen làm cho các bàn đĩnh thúc ngựa va lanh canh vào nhau, rất khê, rất khê.

- Aaa..., – người thứ hai thở hắt ra. – Đúng là một xứ sở ác mộng! Chuyện gì cũng xảy ra ở đây cả. Ái chà chà! Người ta đồn con rồng này có đôi mắt là lửa đỏ, hơi thở nó là khói trắng mù mịt; anh có thể nhìn thấy nhiều dải đất đã bị nó thiêu cháy đen kịt. Nó phóng đi cùng với diêm sinh, sấm chớp và châm lửa khắp đồng cỏ. Những con cừu khiếp đảm và chết vì phát rồ. Phụ nữ sinh ra toàn những con quái vật. Sự thịnh nộ của con rồng ấy ghê gớm đến mức các bức tường lâu đài phải vỡ nát như cám. Mỗi bình minh là lại thấy xác các nạn nhân của nó vương vãi đến tận dãy núi kia. Anh thử nói xem, có bao nhiêu hiệp sĩ đã tấn công con quái vật ấy và đã thất bại, kể cả chúng ta luôn nữa.

- Thôi, đủ rồi!

- Chưa đâu! Ở giữa cái nơi cô quạnh này tôi không làm sao biết được cả thời gian, cả năm tháng nữa!

- Bây giờ là năm chín trăm kể từ ngày Giáng Trần.

- Không đâu, – người kia thì thào, đôi mắt nhắm nghiền. – Trên đồng hoang này làm gì có Thời Gian, chỉ có Vĩnh Cửu mà thôi. Tôi tưởng chừng như nếu tôi chạy ngược lại con đường này để trở về thì cả thành phố sẽ biến mất, con người vẫn chưa ra đời, mọi vật đã đổi thay, các lâu đài vẫn còn nằm sâu trong lòng đá tảng chưa xây, các xúc gỗ vẫn còn nằm nguyên trong rừng chưa đốn; anh đừng có hỏi tôi tại sao; chính cánh đồng hoang này đã khiến tôi có linh cảm như thế đấy. Và chúng ta thì lại ngồi ở đây, ngay trong giang sơn của con rồng lửa, xin Chúa cứu giúp chúng con!

- Nếu anh sợ, hãy vận giáp phục vào đi!

- Có ích gì? Con rồng có thể xuất hiện từ bất cứ hướng nào, chúng ta không thể đoán được xuất xứ của nó đâu. Nó tan biến trong sương mù; chẳng biết nó đi về đâu. Chà, cứ mặc giáp phục vào vậy, ít ra thì chúng ta cũng được chết

khỏi lỏa lồ.

Chưa mặc xong chiếc áo chên màu bạc, người thứ hai đã ngưng lại, ngoái đầu nhìn.

Bên kia dải đất lờ mờ tràn ngập bóng đêm và hư không, một cơn gió bốc lên từ giữa lòng đồng hoang mịt mù những lớp cát bụi mà những chiếc đồng hồ cổ xưa đã dùng để đếm thời gian. Những mặt trời đen ngòm bùng cháy trong tim cơn gió mới và hàng triệu chiếc lá cháy thiêu giũ mình rời xa một thân cây mùa thu nào đó cuối chân trời. Cơn gió làm tan loãng cảnh vật, kéo dài những cốt xương như kéo dài một thỏi sáp trắng, làm cho bầu máu sôi sục đặc quánh thành một quặng bùn lầy trong bộ óc. Cơn gió ấy chính là cả nghìn linh hồn hấp hối và tất cả thời gian hỗn độn đang băng qua. Đó là mù sương trong bóng tối và đây không phải là nơi chốn của con người. Không còn tồn tại tháng năm lẫn giờ phút mà chỉ còn hai kẻ lẻ loi ấy giữa sự trống rỗng vô danh của cơn buốt giá bất ngờ, của bão tố và sấm chớp đang di động phía sau một bức tường xanh lè trong suốt đang sụp đổ: Chớp lòe! Một cơn mưa đông ướt đầm mặt đất; tất cả nhạt nhòa đi, lịm tắt dần cho đến lúc chỉ còn một sự tĩnh mịch ngột thở, và hai người đàn ông chờ đợi cô độc.

- Kia kìa, người thứ nhất thì thăm. – Ô, kia...

Từ xa nhiều dặm, con rồng đang lao tới trong tiếng gầm rống chen lẫn tiếng kinh cầu vang dội.

Im lặng, hai người cài giáp sắt rồi lên ngựa. Sự hoang vu của đêm khuya bị chẻ toạc bởi một tràng âm thanh ghê rợn lúc con rồng gầm thét tiến gần hơn, gần hơn; ánh mắt vàng hực của nó phóng lửa tràn qua một ngọn đồi và rồi, từng khúc cuộn của thân hình con quái vật lờ mờ hiện ra, trườn qua đồi, nhào xuống thung lũng mất dạng.

- Mau lên!

Bàn tay bọc giáp sắt siết chặt thanh trường thương, hai người hất những mảnh sắt chắn cho buồng sụp xuống mắt hai con ngựa.

- Chúa ơi!

- Vâng, hãy nhân danh Chúa mà liều mạng thôi.

Trong chớp nhoáng, con rồng đã vòng qua trái đồi. Con mắt vàng rực của nó nhìn trừng trừng vào họ, khắc những tia lửa đỏ vào giáp sắt của hai hiệp sĩ. Với một tiếng gào rền rĩ kinh rợn, con quái vật lao bắn tới trước.

- Xin chúa xót thương!

Mũi trường thương đâm vào dưới con mắt màu vàng không mi ấy, cong oằn, hất tung chàng hiệp sĩ lên không. Con rồng trờ tới hích anh ta lộn nhào xuống đất và nghiền nát kẻ đáng thương dưới thân hình khổng lồ. Bỗng vèo qua, một bờ vai đen đúa của nó giáng vào vào con ngựa còn lại và người kỵ mã bị hất tung đi cả trăm thước, va sầm vào một khối đá núi, rên siết. Con rồng rít lên, lửa bắn tứ tung khắp nơi, ngọn lửa mặt trời hồng, vàng, đỏ rực với những cuộn khói khổng lồ uốn lượn, che phủ đất trời.

- Anh có thấy nó không? – Một tiếng nói thốt lên. – Đúng y như tôi nói với anh mà!

- Đúng thật! Đúng thật! Một hiệp sĩ vận giáp phục! Lạy Chúa! Chúng ta đã cán phải hãn!

- Anh có ngừng lại không?

- Trước kia tôi có thử ngừng lại rồi; chả thấy gì hết. Tôi không muốn ngừng trên dải đồng hoang này đâu. Tôi ngán lắm. Có cảm giác gì đó rờn rợn...

- Nhưng chúng ta đã cán phải một cái gì đó!

- Cứ giống còi cho đã đời đi, nó không nhúc nhích đâu!

Một hồi còi inh ỏi vút lên trời xua sương mù tản mạn.

- Chúng ta sẽ đến Stokley đúng giờ. Ê, cho thêm than vào lò đi, Fred ơi!

Một hồi còi nữa giữ sạch sương đêm khỏi bầu trời trống rỗng. Chuyến tàu hỏa đêm, lửa hừng hực trong lò, giận dữ chạy băng băng qua một khe núi, vọt lên một gò cao, rồi khuất bóng dần về hướng bắc, để lại đằng sau những luồng hơi nước và khói đen lảng đảng tan biến trong bầu không khí tê buốt

sau khi đoàn tàu đã vượt qua và ra đi mãi mãi.

Biển Lặng Một Mùa Nào Đó

(Nguyên tác: In A Season Of Calm Weather)

Vợ chồng George và Alice Smith xuống tàu ở Biarritz một trưa hè và trong vòng một giờ đã chạy băng từ khách sạn ra bãi biển nhào xuống sóng nước rồi quay lại phơi mình trên cát.

Nhìn George Smith nằm dài, người đỏ hồng, hẳn bạn sẽ cho rằng anh ta chỉ là một du khách mới đến châu Âu lần đầu và chẳng bao lâu sẽ quay về chốn cũ. Nhưng đây là một con người yêu hội họa còn hơn cả cuộc đời này.

- Thế đấy... – George thở dài. Thêm một chút mồ hôi nữa chảy dài trên ngực anh. Hãy đun cho sôi cạn nguồn nước máy Ohio trong người, anh nghĩ thầm, rồi uống cho đầy loại rượu Bordeaux ngon nhất. Hãy để cho cạn rượu nồng đất Pháp ngấm trong máu để ta có thể nhìn thấy bằng đôi mắt dân bản xứ!

Tại sao? Sao lại phải ăn, uống, hít, thở mọi thứ của Pháp chứ? Phải làm thế để anh có thể thật sự hiểu được thiên tài của một con người duy nhất, nếu có thời gian.

Môi anh mấp máy hình thành một cái tên.

- George? – Bóng vợ anh chồn vờn bên trên. – Em biết anh đang nghĩ gì rồi. Em biết anh thầm gọi ai.

Anh nằm yên như tượng, đợi chờ.

- Ai?

- Picasso.

Anh nhắm mắt. Rồi có ngày vợ anh phải học cách gọi cái tên ấy.

- Thôi mà, – vợ anh nói. – Thoải mái đi anh. Em biết anh đã nghe tin đồn ấy sáng nay, nhưng giá như anh thấy được ánh mắt của chính mình... Anh lại bồn chồn rồi kìa! Được rồi, Picasso đang ở đây, xuống dưới kia mấy dặm, ông ta viếng thăm bạn bè tại một làng chài nhỏ nào đó. Nhưng anh phải quên chuyện ấy đi chứ không thì uống phí cả kỳ nghỉ mát của chúng ta.

- Ước gì anh đừng bao giờ nghe tin đồn ấy, – anh nói thật lòng.

- Giá như anh yêu thích các họa sĩ khác.

Những người khác? Đúng, còn nhiều người khác. Anh có thể dùng bữa sáng hết sức tương đắc với những bức tĩnh vật Caravaggio vẽ những trái lê mùa thu và những quả mận nửa khuya. Cho bữa trưa: mấy đoá hướng dương Van Gogh oằn oại như những con giun căng phình, phụt lửa, những đoá hoa mà một người mù cũng nhìn thấy được chỉ bằng cách vuốt nhanh mấy ngón tay nóng bỏng dọc theo khung vải rực cháy. Nhưng còn đại tiệc? Còn những bức tranh mà anh đã dành cho một khẩu vị riêng? Kia, tràn lấp chân trời như thủy thần Neptune đội sóng, tóc vương rêu rong, cầm thạch, san hô, mớ bút vẽ lăm lăm như những cây đinh ba trong hai nắm tay móng sừng, và với chiếc đuôi cá mên mê đủ sức quật tung những cơn mưa rào mùa hạ trên khắp eo biển Gibranta. Còn ai nữa ngoài người sáng tạo ra Guernica và Cô Gái Trước Gương Soi?

- Alice ơi, – anh nhả nài nói, – làm sao anh giải thích được? Bước chân xuống ga là anh đã nghĩ ngay: Trời ơi, đúng là xứ sở Picasso!

Nhưng có thực vậy chẳng? Anh băn khoăn. Trời này, đất này, những con người này, những viên gạch hồng màu má thắm ở đây, những ban công bằng thép lá cuộn vòng ánh biếc xanh năm kia, cây đàn măng-đô-lin mọng tròn như trái chín hằn in cả ngàn dấu tay ai đó, những tờ thông cáo rách tơi bay tung trong gió đêm như công-fet-ti rơi – còn bao Picasso, còn bao George Smith đang nhìn thế giới với đôi mắt Picasso? Không làm sao anh trả lời được. Ông già ấy đã chưng cất trọn tinh túy của dầu thông và nhựa lạnh qua con người George Smith để hình thành nên sự sống của chính anh, trọn Thời Kỳ Xanh chạng vạng, trọn Thời Kỳ Hồng hừng đông.

- Anh cứ suy tính mãi, – anh nói lớn, – nếu như ta đã dành dụm...

- Chúng ta chả bao giờ có được năm nghìn đô-la.

- Anh biết, – giọng anh trầm lại. – Nhưng cứ nghĩ là một ngày nào đó ta sẽ xoay sở được cũng thích chứ. Sẽ tuyệt vời biết bao nếu như ta có thể bước thẳng tới trước mặt ông ta và nói "Pablo ơi, năm nghìn đô-la đây! Hãy cho chúng tôi đại dương, bãi cát, bầu trời, hay bất cứ thứ cũ kỹ nào ông muốn, chúng tôi sẽ rất vui sướng..."

Sau một lúc im lặng vợ anh nắm lấy cánh tay anh.

- Em nghĩ anh nên xuống tắm biển thì hay hơn.

- Ừ, thà là thế, – anh lẩm bẩm.

Những tia lửa trắng tung toé lên khi anh lao mình xuống nước.

Suốt buổi chiều George Smith lại đi ra biển, hoà mình trong dòng chuyển động tràn ngập, bao la của đám người hết phơi nắng lại xuống nước; những kẻ cuối cùng cũng lê bước trở về các khách sạn cao tầng lúc mặt trời xế bóng, tắm thân đỏ hồng màu tôm luộc hay nâu dòn màu gà rán.

Bãi biển năm hoang vắng hàng dặm chập chùng chỉ còn lại hai người. George Smith là một; khăn tắm choàng vai, anh sùng kính dạo quanh một lần chót. Cách đó một khoảng, một người đàn ông khác, vóc người thâm thấp, mặc quần bơi, lang thang một mình trong tiết trời yên ả. Da nhuộm thâm màu nắng, mặt trời hun đỏ mái tóc húi cao, và trên gương mặt ông là đôi mắt trong sáng như mặt nước.

Thế là một kịch trường đã được dựng lên trên bãi biển, và trong một vài phút nữa hai người ấy sẽ gặp nhau. Một lần nữa, Định Mệnh đã ấn định khuôn thước cho bao sự sống sót cùng ngạc nhiên, bao lần ra đi và về đến. Trong khi đó, hai kẻ lang thang cô độc kia không một phút nào nghĩ tới sự ngẫu nhiên – cái dòng chảy vô hình đưa đẩy bước chân mỗi người trong mọi đám đông trong mọi phố phường. Họ cũng không nghĩ rằng nếu một người dám lao mình vào dòng chảy ấy, hẳn sẽ vô được trong mỗi bàn tay một sự diệu kỳ. Giống như mọi người, họ nhún vai trước những trò điên rồ như thế rồi đứng tránh thật xa trên bờ kéo Định Mệnh sẽ xô nhào họ xuống.

Người lạ mặt đứng một mình. Đảo mắt một vòng, ông nhìn sự đơn độc của mình, nhìn những con sóng trên vịnh biển yêu kiều, nhìn vầng dương đang buông trôi những sắc màu cuối cùng trong ngày, và rồi, dợm quay lưng, chợt bắt gặp một que gỗ nhỏ trên cát. Nó chẳng lớn hơn gì chiếc que mảnh dẻ cắm vào một miếng cà-rem hương chanh ngon ngọt đã tan chảy từ lâu. Mỉm cười, ông nhặt chiếc que lên. Thêm một lần nữa đảo mắt nhìn quanh để yên tâm là vẫn một mình, ông lại khom người, nhẹ nhàng cầm giữ chiếc que. Bằng những đường múa bay bổng của bàn tay, ông bắt đầu làm điều duy nhất trên đời ông biết cách làm hoàn hảo nhất.

Ông bắt đầu vẽ những đường nét lạ thường dọc theo bờ cát. Ông phác hoạ một hình tượng rồi nhích người sang một bên, mắt vẫn cúi nhìn xuống, bây giờ hoàn toàn tập trung vào công việc, vẽ thêm xuống cát hình thứ hai, thứ ba, và cứ thế vẽ mê mải hình thứ tư, thứ năm, thứ sáu.

George Smith bước đi, bàn chân in dấu trên bãi biển, mắt dôi nhìn đây đó và trông thấy người đàn ông ở phía trước. Tiến lại gần, anh nhận ra vóc dáng lom khom của người đàn ông da sạm nắng. Gần hơn nữa, giờ thì đã rõ ông ta đang làm gì. George Smith cười thầm. Tất nhiên, tất nhiên... dọc theo bãi cát, người đàn ông ấy – bao nhiêu tuổi nhỉ? Sáu mươi lăm? Bảy mươi? – đang hí hoáy, nguệch ngoạc vẽ. Ôi, cát biển tung bay! Ôi, những bức chân dung man dại ném mình ra phô bày trên bờ biển! Ôi...

George Smith tiến thêm một bước và dừng lại, đứng lặng.

Người lạ mặt kia vẫn vẽ mãi không thôi, dường như chẳng hề nhận biết có ai đó đang đứng ngay sau lưng ông và cái thế giới ông đang hoạ hình trên cát. Đến lúc này thì niềm sáng tạo cô độc đã cuốn hút ông ta miệt mài đến độ những quả bom có nổ tung trong lòng vịnh cũng không thể ngăn được bàn tay bay bổng của ông hay buộc ông phải ngoái nhìn lui.

George Smith cúi nhìn xuống cát. Và sau một hồi lâu nhìn ngắm, anh bắt đầu run rẩy.

Vì trên bờ biển phẳng phiu kia là hình tượng của những con sư tử Hy Lạp và đàn dê Địa Trung Hải; những trinh nữ thịt da bằng cát mịn óng vàng; những dương thần thổi chiếc tù và gọt đẽo thô sơ; bầy trẻ nhỏ đang nhảy múa, đang rải hoa dọc theo bờ cát với đàn cừu lon ton theo sau; rồi tới các nhạc công

nhảy nhót theo tiếng đàn lyre, đàn harp; lũ kỳ lân đuổi theo đám thanh niên về đồng lúa, rừng rú xa xôi; những hoả diệm sơn cùng bao thành quách điêu tàn. Dọc theo bờ biển này, bàn tay, chiếc que gỗ của người đàn ông đang cúi gập trong cơn sốt và tuổi mờ hôi nhể nhại, cứ không ngừng chuyển động, vẽ, vạch, ngoằn ngoèo, vút ngang, xoắn dọc, vào, ra, nhấn nhá, vuốt ve, trì hoãn, rồi hồi hải bay tiếp như đường cơn say sưa phiêu lãng này phải bùng vỡ đến tận cùng trước khi mặt trời chìm lún trong lòng biển.

Hai mươi, ba mươi thước hay còn hơn thế, các nữ thủy thần và những rừng sồi và những nguồn suối mùa hè hiện ra trong những ký tự tượng hình tách bạch. Bãi cát trong ánh nắng hấp hối ánh rực lên màu đồng nung chảy, trên mình cát giờ đây đã được rạch sâu một thông điệp mà bất kỳ ai, vào bất kỳ lúc nào, cũng có thể đọc và nghiền ngẫm cả đời. Mọi vật quay cuồng, lừng lơ bằng chính luồng gió và trọng lực tự thân. Này rượu vang đang bị nghiền nát dưới những bàn chân tươm máu nho của đám con gái người buôn rượu đang nhảy múa, này biển cả mịt mù đã khai sinh ra những con quái vật phủ giáp đồng trong khi những cánh điều đầy hoa rải rắc hương thơm trên mây tầng mây phiêu bạt... này... này... này...

Người hoạ sĩ ngừng tay.

George Smith thối lui và tránh xa một khoảng.

Người hoạ sĩ ngược lên, ngõ ngàng khi nhận ra có kẻ đứng kề bên. Rồi ông chỉ đứng đó, hết nhìn George Smith lại quay sang nhìn những sáng tạo của mình ngổn ngang như những dấu chân tha thần trên cát. Sau cùng ông nhún vai và mỉm cười như muốn nói: Hãy xem tôi đã làm trò gì kia; thật trẻ con quá phải không? Anh thứ lỗi cho tôi nhé? Đôi khi tất cả chúng ta đều cư xử như những kẻ ngốc... Cả anh có lúc cũng thế...? Vậy bỏ qua cho lão già ngốc này nhé? Tốt! Tốt!

Nhưng George Smith chỉ có thể đứng nhìn người đàn ông thấp bé kia, nhìn màu da sạm nắng, nhìn đôi mắt tinh anh, và thầm gọi tên ông chỉ một lần, rất khẽ, cho riêng mình.

Họ cứ đứng như thế một hồi lâu. George Smith dăm dăm nhìn xuống mặt cát và người hoạ sĩ quan sát anh với vẻ tò mò thích thú. Mỗi George Smith mấp máy không nên lời, bàn tay anh đưa ra rồi ngượng ngùng rút về. Anh tiến đến

gần những bức tranh rồi lại lùi xa. Sau đó anh lại đi men theo những hình tượng trải dài trên cát như một người đang chiêm ngưỡng một sưu tập quý báu toàn những pho tượng cẩm thạch bị phế bỏ trong chốn điêu tàn cổ đại nào đó trên bãi biển này. Đôi mắt anh không chớp, bàn tay khao khát được chạm vào nhưng không dám. Anh muốn bỏ chạy nhưng vẫn đứng đó.

Anh đột ngột nhìn về khách sạn. Chạy mau, đúng! Chạy mau! Làm gì? Vớ lấy một cái mai, cái xẻng nào đó, đào, quật, cứu lấy một tảng cát quá đổi mong manh này? Tìm một người thợ gốm, xua anh ta tới đây với bột thạch cao để đổ khuôn lưu lại một phần nhỏ nhoi của những hình tượng này? Không, không. Ngớ ngẩn, ngớ ngẩn. Hay là...? Mắt anh liếc nhanh về hướng cửa sổ khách sạn. Máy ảnh! Mau, chạy đi, mang nó lại đây rồi cuống cuống men theo bờ cát, bấm máy, thay phim, bấm máy, cho đến khi...

George Smith quay phắt lại đối diện với mặt trời. Năng tà đang tàn lụi trên mặt anh, châm bùng hai ngọn lửa còn con trong đôi mắt. Mặt trời đã chìm nửa thân dưới sóng, và khi anh ngoái nhìn, nó vội ngụp lặn mất tăm trong khoảng khắc.

Người hoạ sĩ bước lại gần anh và bây giờ đang dăm dăm theo dõi nét mặt George Smith với vẻ thân thiện tốt cùng chẳng khác nào ông đã đoán được mọi ý nghĩ trong tâm trí anh. Giờ ông gật đầu khẽ chào. Giờ chiếc que kem hững hờ rơi tuột qua mấy ngón tay ông. Giờ ông ta đang nói lời tạm biệt, tạm biệt. Giờ ông ta đã bỏ đi, quay ngược lại theo bãi biển xuôi về hướng nam.

George Smith đứng lặng nhìn theo. Rồi sau đó, anh không còn biết làm gì hơn là quay lại chỗ bức tranh kỳ ảo đầu tiên vẽ các dương thần và trinh nữ tắm trong rượu nho, vẽ lũ kỳ lân nhảy nhót và đám trai trẻ thối sáo. Và anh cứ chậm rãi men theo bờ biển. Chân cứ bước, mắt cứ nhìn xuống niềm say mê phóng túng chảy tràn dưới cát. Khi đã đi tới những con người, con thú cuối cùng, anh lại quanh lưng và bắt đầu đi ngược lại, mắt vẫn dăm dăm nhìn xuống cứ như anh vừa đánh mất vật gì mà không biết phải tìm kiếm nơi đâu. Anh cứ đi đi lại lại như thế cho đến khi không còn ánh sáng trên bầu trời hay trên bãi cát để soi rọi cho anh nhìn thấy.

Anh ngồi vào bàn ăn.

- Anh về muộn quá, – vợ anh nói. – Em đành phải xuống đây một mình. Em

đói lắm rồi.

- Không hề chi, – anh nói bằng quơ.

- Đi dạo có gì thú vị không, anh?

- Không.

- Trông anh lạ thật đấy, George, anh không có bơi ra quá xa đấy chứ, không suýt chết đuối đấy chứ? Nhìn mặt anh là em biết ngay mà. Đúng là anh đã bơi ra quá xa, phải không?

- Ủ, – anh đáp gọn.

- Này, – vợ anh nhìn chăm chú. – Đừng có dại thế nữa nhé. Nào..., anh dùng món gì đây?

Anh cầm tờ thực đơn lên định đọc rồi bất giác ngồi yên.

- Có chuyện gì thế? – Vợ anh hỏi.

Anh nghiêng đầu và nhắm mắt hồi lâu.

- Nghe kìa.

Vợ anh lắng nghe.

- Em có thấy gì đâu nào? – Vợ anh thốt lên.

- Không à?

- Không. Cái gì vậy?

- Thủy triều đấy mà, – anh trả lời sau một lúc im lặng ngồi đó, mắt vẫn nhắm nghiền. – Chỉ là một cơn thủy triều đang tiến vào bờ.

Đây Chỗn Thiên Đường

(Nguyên tác: Mars Is Heaven)

Từ những vì sao và những vận tốc đen ngòm, từ những chuyển động sáng ngời và những vực thẳm im lìm của không gian, con tàu hạ cánh xuống đây. Đó là một con tàu mới; thân chứa lửa và khoang bụng thép chứa người, du hành trong tĩnh mịch tinh tuyền cùng sức nóng cuồng điên. Trong con tàu là mười bảy người, kể cả phi đoàn trưởng. Đám đông trên cánh đồng Ohio đã hò hét, vẫy tay trong nắng chào con tàu nở bừng những cánh hoa khổng lồ rực nóng, đang lao vào không gian trong cuộc viễn chinh thứ ba đến Hoả Tinh.

Bây giờ con tàu dần dần giảm tốc, khối sắt thép lướt êm vào những tầng khí quyển bên trên Hoả Tinh. Một biểu tượng của vẻ đẹp và sức mạnh. Như một con thủy quái nhợt nhạt, con tàu đã băng qua những dòng chảy đêm đen của vũ trụ, lướt ngang vầng trăng xa xưa và ném mình vào cõi hư vô nối tiếp hư vô. Những con người bên trong đã bị nhồi, lắc, kiệt sức, rồi hồi phục, tất cả không chữa một ai. Một người đã chết, mười sáu người còn lại. Họ tì mặt vào lớp thủy tinh dày của những cửa sổ con tàu, những đôi mắt sáng quắc ngăm nhìn Hoả Tinh dưới kia đang lao vọt lên đón tiếp.

- Hoả Tinh! Hoả Tinh! Ôi bạn cũ thân yêu, chúng tôi đây! – Hoa tiêu Lustig reo lên.

- Xin chào bạn xưa! – Nhà khảo cổ Samuel Hinkston hoan hỉ.

- A ha! – Tiếng Phi đoàn trưởng John Black.

Con tàu êm ái đáp xuống một thảm cỏ xanh tươi. Bên ngoài khung cửa, đứng trên cỏ là một con hươu bằng thép. Cuối bãi cỏ, một ngôi nhà kiểu thế kỷ 19 vươn cao, nâu bóng trong ánh nắng bình yên, chạm tro đầy hoa văn, với mấy vuông cửa sổ bằng thủy tinh nhuộm sắc lam, lục, vàng, hồng. Trên hàng hiên là mấy cột phong lữ thảo xoắn và một chiếc xích đu cũ kỹ móc trên đà

ngang đang dòng đưa, dòng đưa trong gió thoảng. Trên nóc là một vòm nhà có mấy cửa sổ hình thoi lấp lánh và một mái tròn như chiếc mũ chóp! Qua khung cửa sổ mặt tiền, người ta có thể nhìn thấy một chiếc dương cầm kiểu cổ với hàng phím ố vàng và bản nhạc "Beautiful Ohio^[1] nằm sẵn sàng trên giá.

Bốn phía quanh con tàu là một thành phố nhỏ trải dài tươi xanh và bất động trong mùa xuân Hoả Tinh. Những ngôi nhà sơn trắng, những ngôi nhà gạch đỏ, những cây du cao đứng thờ với gió, những cây phong, cây dẻ nhấp nhô. Và tháp chuông nhà thờ ôm ấp trong lòng những quả chuông vàng lặng lẽ.

Cả phi hành đoàn nhìn ra ngoài, quan sát cảnh tượng ấy. Rồi họ quay sang nhìn nhau rồi lại hướng mắt ra ngoài. Họ siết chặt cánh tay nhau, dường như bỗng bất ngờ ghen thờ. Gương mặt họ tái nhợt và đôi mắt nhấp nháy không ngừng, đảo từ khung cửa này sang khung cửa khác trên hông tàu.

- Thế có chết tôi không chứ! – Lustig thì thảo, mấy ngón tay tê chồn quệt ngang đôi mắt ướt lệ. – Thế này thì chết tôi mất, chao ôi!

- Không thể được, phi lý quá! – Hinkston kêu lên.

- Lạy Chúa tôi! – Phi đoàn trưởng John Black sửng sốt.

Tiếng chuyên viên hoá học vang lên:

- Thừa Phi đoàn trưởng, bầu khí quyển bên ngoài thích hợp cho việc hô hấp của chúng ta.

- Anh có chắc không đấy? – John Black từ từ quay người lại hỏi.

- Không còn nghi ngờ gì nữa, thưa Phi đoàn trưởng.

- Thế thì chúng mình ra đi, – Lustig nói.

- Vâng, ra ngay đi! – Hinkston tán thành.

- Khoan đã, – Black ngăn họ lại. – Chờ một chút. Chưa có lệnh cơ mà.

- Nhưng, thưa...

- Không nhưng nhị gì hết. Làm sao chúng ta biết chắc được những gì ở ngoài kia?

- Ta biết chứ, – nhà hoá học lên tiếng. – Đó là một thành phố nhỏ với không khí trong lành, Phi đoàn trưởng.

- Và là một thành phố nhỏ y hệt như dưới Địa Cầu, – nhà khảo cổ Hinkston góp ý. – Thiệt không sao tin nổi. Phi lý quá chừng thế mà lại có thiệt.

Phi đoàn trưởng nhìn Hinkston với vẻ uể oải:

- Vậy anh cho là nền văn minh của cả hai hành tinh này có thể phát triển với cùng một tốc độ và tiến hoá theo cùng một kiểu sao, Hinkston?

- Lẽ ra tôi không nên nghĩ thế mới phải, xin lỗi.

Black đứng bên cửa sổ hồi lâu.

- Các anh hãy nhìn đằng kia kìa. Nhìn mấy cây phong lữ thảo ấy. Đó là một giống phong lữ đặc biệt, chỉ mới phát triển ở Địa Cầu chừng năm mươi năm nay mà thôi. Hãy nghĩ đến thời gian hàng nghìn năm cần thiết để thực vật tiến hoá đi. Rồi nói thử xem có hợp lý không? Hoả Tinh mà lại có cửa sổ lắp kính này nhé, xích đu này nhé, một cái gì đó giống như đàn dương cầm này nhé, mà có lẽ là dương cầm thật đấy, và nếu các anh nhìn cho kỹ sẽ thấy một nhạc sĩ Hoả Tinh nào đó lại xuất bản cả bài nhạc đặt tên là "Beautiful Ohio" nữa mới lạ chứ. Như vậy chẳng khác nào trên Hoả Tinh này còn có nguyên cả dòng sông Ohio đấy!

- Đúng là kỳ lạ thật.

- Hoàn toàn phi lý chứ kỳ lạ cái gì! Tôi nghi ngờ toàn bộ cái màn dàn cảnh thân thiện này, và tôi sẽ không rời tàu cho đến khi nào đã xác định rõ môi trường.

- Ôi, Phi đoàn trưởng! – Lustig buồn bã kêu lên.

- Chà chà! – Hinkston đề nghị. – Xin cho tôi được trực tiếp điều tra. Rất có thể là trên mọi hành tinh trong thái dương hệ này đều tồn tại một số dạng thức tư duy, hay biểu đồ văn minh tương tự nhau. Có thể chúng ta đang chạm

tới ngưỡng một khám phá siêu hình học và tâm lý học kỳ vĩ nhất của thời đại này!

- Tôi thì muốn chờ thêm tí nữa, – John Black nói.

- Có thể là chúng ta đang chứng kiến một hiện tượng mà, lần đầu tiên trong lịch sử, chắc chắn chứng minh được sự tồn tại của một Đấng Tối Cao, Phi đoàn trưởng ơi.

- Có nhiều người không hề cần tới bằng chứng nào cả mà vẫn giữ vững niềm tin ấy, Hinkston à.

- Có tôi trong số đó, thưa Phi đoàn trưởng, – Hinkston nói. – Nhưng một điều như thế này, ở ngoài kia, nhất định không thể xảy ra nếu không có một sự can thiệp thiêng liêng. Điều đó khiến tôi vừa kinh sợ vừa hoan hỉ đến mức không biết mình nên khóc hay nên cười đây.

- Đừng khóc và cũng đừng cười khi ta chưa biết mình đang đương đầu với điều gì.

- Đương đầu ư, thưa Phi đoàn trưởng? – Lustig thắc mắc. – Tôi chẳng thấy chúng ta phải đương đầu với thứ gì cả. Đây là một thành phố xanh tươi, bình yên, giống cái thành phố nơi tôi chào đời lắm, và tôi thích cái kiểu cách ấy của nó.

- Thế anh sinh năm nào, Lustig?

- Năm 1910, thưa Phi đoàn trưởng.

- Như vậy anh bây giờ đã năm mươi tuổi rồi, phải không?

- Năm nay là năm 1960 mà, đúng vậy đó.

- Còn anh, Hinkston?

- Tôi sinh năm 1920 ở Illinois. Và khung cảnh nay đúng là rất tuyệt đối với tôi, Phi đoàn trưởng ơi.

- Đây không phải Thiên Đường đâu, – người chỉ huy nói với vẻ châm biếm. –

Dù vậy tôi cũng phải công nhận rằng trông nơi này bình yên và tươi mát thật, lại rất giống vùng Green Bluff, nơi tôi ra đời năm 1915. – John Black quay sang hỏi nhà hoá học. – Không khí bên ngoài tốt đấy chứ?

- Tốt, thưa Phi đoàn trưởng.

- Chà, vậy thì thế này nhé, Lustig, anh với Hinkston và tôi sẽ đi khảo sát thành phố này trước. Mười ba người kia phải ở lại con tàu. Nếu có gì rủi ro cứ cho tàu cất cánh và chuồn thẳng. Anh đã nghe tôi nói gì chưa, Craner?

- Rồi ạ. Chúng tôi phải chuồn thẳng. Bỏ Phi đoàn trưởng lại?

- Thà mất ba người còn hơn là mất trọn con tàu. Nếu có nguy hiểm, anh cứ cho tàu bay ngược về Địa Cầu báo cho chuyển bay kế tiếp rõ mọi chuyện. Có lẽ lúc đó con tàu Lingle's Rocket đã hoàn tất và sẵn sàng cất cánh trong khoảng mùa Giáng Sinh tới. Nếu có gì đó thù địch trên Hoả Tinh thì chúng ta chắc chắn sẽ muốn cuộc viễn chinh kế tiếp trang bị vũ khí chu đáo hơn.

- Chúng ta cũng có vũ trang đấy chứ, Phi đoàn trưởng. Có cả kho súng đạn trên tàu.

- Bảo tất cả sẵn sàng vũ khí khi tôi, Hinkston và Lustig đi ra ngoài.

- Rồi!

- Đi nào, Lustig, Hinkston.

Ba người cùng bước đi, khuất dạng dưới các bậc thang của con tàu.

Một ngày xuân tuyệt đẹp. Chú chim sẻ đậu trên cành táo nở hoa đang hót líu lo không ngừng. Gió đùa qua lá hất những cụm tuyết trắng nõn bay la đà và hương hoa thơm ngọt bảng lảng trong không khí. Đâu đó trong thành phố, có ai đang chơi dương cầm và tiếng nhạc mơ hồ, loáng thoáng, khe khẽ như mơ. Đó là ca khúc "Beautiful Dreamer"[\[2\]](#). Từ một nơi nào, chiếc máy hát đĩa cũ mềm rọt rọt phát ra một bài tình ca đầu thế kỷ 20, bài "Roamin' In The Gloamin'" qua giọng ca Harry Lauder[\[3\]](#).

Ba người đứng ngoài con tàu. Cánh cửa đã khép chặt sau lưng họ. Ở mỗi cửa sổ là một gương mặt áp sát vào ô kính nhìn ra. Những khẩu súng kim khí to

lớn lắm lắm hờm sẵn. Tiếng hát từ máy đĩa bây giờ rõ từng chữ từng lời:

Ôi, xin cho tôi đêm mùa hạ

Với ánh trăng và em...

Người Lustig bỗng run rẩy. Cả Hinkston cũng thế.

Tiếng nói của Hinkston đậm ra yếu ớt và rời rạc đến mức John Black phải yêu cầu anh ta lập lại.

- Thừa phi đoàn trưởng, tôi nghĩ rằng tôi đã chứng minh được tất cả những hiện tượng này.

- Thế anh chứng minh thế nào, Hinkston?

Một cơn gió nhẹ. Bầu trời trong vắt, lặng yên. Một nguồn nước nào đó róc rách len lỏi qua những hang hốc, khe đá rợp bóng cây. Tiếng vó câu khắp khênh, tiếng bánh xe gặp ghềnh...

- Ồ, chỉ có một cách chứng minh duy nhất mà thôi! Đó là... đó là con người đã chế tạo được những con tàu bay lên Hoả Tinh từ rất nhiều năm trước Thế chiến thứ nhất, thừa phi đoàn trưởng!

- Vô lý! – John Black nhìn chăm chập vào nhà khảo cổ.

- Không, có lý chứ! Hãy nhìn tất cả những cảnh tượng này xem! Nhà cửa, bãi cỏ, con hươu bằng thép, hoa trái, dương cầm, âm nhạc! Anh phải thừa nhận điều đó thôi!

- Ôi, Hinkston ơi! – Người chỉ huy vừa lắc đầu vừa đưa hay tay lên che mặt, hai bàn tay ông run rẩy, đôi môi tái xanh.

Hinkston nắm cánh tay John Black, cố sức thuyết phục:

- Xin hãy nghe tôi, Phi đoàn trưởng. Giả sử là vào năm 1905 chẳng hạn, có một số người căm ghét chiến tranh và muốn tránh xa Địa Cầu. Thế là họ tụ họp nhau lại, một nhóm khoa học gia nào đó, rồi bí mật chế tạo một con tàu bay lên Hoả Tinh này.

- Không thể nào, Hinkston ơi.

- Sao lại không? Thế giới vào năm 1905 hoàn toàn khác xa về sau này, lúc đó người ta có thể giấu kín một bí mật dễ dàng hơn nhiều.

- Nhưng còn việc chế tạo thì sao, Hinkston? Đâu dễ gì giấu kín việc chế tạo một thứ hết sức phức tạp và khổng lồ như một chiếc hoả tiễn, ồ, không thể được. – Người chỉ huy hết nhìn xuống chân lại nhìn hai bàn tay, hết nhìn mấy ngôi nhà lại quay sang nhìn Hinkston.

Nhà khảo cổ vẫn say sưa với giả thuyết của mình:

- Và họ lên đây, đương nhiên là họ phải xây những ngôi nhà tương tự như dưới Địa Cầu bởi vì họ đã mang theo nền văn hoá kiến trúc của loài người, và đây là kết quả!

- Thế họ sống ở đây suốt bao nhiêu năm qua sao? – John Black hỏi.

- Tất nhiên, sống bình yên và thâm lặng, thưa Phi đoàn trưởng. Có thể họ đã thực hiện vài chuyến bay nữa để mang thêm người lên đây cho đủ một thành phố nhỏ rồi ngưng, vì sợ bị phát hiện ra. Chính vì thế mà thành phố này có vẻ cổ kính. Riêng tôi, tôi chưa thấy một vật nào ở đây lâu đời hơn năm 1927. Còn anh thì sao?

- Thành thật mà nói thì tôi cũng thấy như anh, Hinkston ạ.

- Đây là đồng bào của ta, Phi đoàn trưởng. Đây là một thành phố Mỹ; nhất định không phải của châu Âu đâu!

- Điều đó... điều đó cũng đúng đấy, Hinkston.

- Biết đâu, ờ, biết đâu kỹ thuật du hành không gian đã có từ lâu mà ta không biết. Có lẽ ở nơi nào đó trên thế giới đã có tên lửa từ nhiều trăm năm trước, do một số ít người phát minh ra và giữ bí mật, và họ đã lên Hoả Tinh rồi vài thế kỷ mới về thăm Địa Cầu một lần.

- Anh nói sao mà hợp lý quá?

- Chứ gì nữa, Phi đoàn trưởng. Nhất định là thế. Bằng cứ đang nằm ngay

trước mắt chúng ta, chỉ cần tìm gặp vài người dân ở đây để kiểm chứng là xong!

- Anh có lý. Tất nhiên rồi, chúng ta không thể cứ đứng đây bàn tán mãi. Anh có mang theo súng đấy chứ?

- Có, nhưng chắc là ta sẽ không cần đến thứ ấy đâu.

- Để rồi xem. Đi đi, ta sẽ nhấn chuông ngôi nhà kia xem có ai không.

Những đôi giày của họ bước êm ru trên thảm cỏ xanh dày. Bất giác, John Black nhận ra một sự bình an xâm chiếm tâm hồn. Đã ba mươi năm rồi ông chưa bước vào một thành phố nhỏ nào, tiếng vo ve của những chú ong mùa xuân giờ đây như ru ngủ, như vỗ về ông, và quang cảnh mát tươi như đang ướp lòng ông hương ngát.

Những tiếng vọng âm âm luôn lở dưới ván sàn, khi họ bước qua hàng hiên, tiến đến cánh cửa lưới nhìn thấu bên trong. Họ nhìn thấy một bức màn kết bằng hạt cườm rủ xuống lối vào tiền sảnh, một chân nến bằng pha lê và một bức tranh của Maxfield Parrish^[4] lồng khung treo bên trên một chiếc ghế bành êm ái. Ngôi nhà toát ra hương vị cũ kỹ của một gác xép, một hương vị dễ chịu vô cùng. Ta nghe thấy tiếng lanh canh của những viên nước đá va chạm trong bình nước chanh. Từ một nhà bếp xa khuất, ai đó đang sửa soạn một món ăn nhanh giải nhiệt buổi trưa.

John Black nhấn chuông.

Những bước chân khê khàng duyên dáng đi dọc hành lang và một người đàn bà độ tuổi bốn mươi, mặc chiếc váy dài theo kiểu thời trang của năm 1909, ghé mắt nhìn ra.

- Quý ông cần gì ạ?

- Xin lỗi bà, – người chỉ huy lúng túng nói. – Chúng tôi đang tìm... chà, tôi muốn nói là..., – ông im bặt. Người đàn bà nhìn ông với đôi mắt đen ngờ ngàng.

- Nếu các ông là người bán đạo thì rất tiếc, tôi đang bận, không có thời gian

mua sắm gì đâu. – Bà ta dợm bước quay đi.

- Khoan đã, xin bà! – John Black bối rối kêu lên. – Đây là thành phố nào vậy?

Bà đưa mắt nhìn nhà phi hành từ đầu đến chân như thể ông là một kẻ điên.

- Đây là thành phố nào? Thế là sao cơ chứ? Ông đang sống trong một thành phố mà không biết nó tên là gì à?

Trông bộ dạng phi đoàn trưởng bồn chồn cứ như muốn chạy đi trú nắng dưới tàng cây táo râm mát. Ông ấp úng:

- Xin lỗi bà. Nhưng... nhưng chúng tôi là người lạ mới đến đây. Chúng tôi từ Địa Cầu tới và chúng tôi muốn biết làm sao ở đây lại có thành phố này và... làm sao bà lên đây được.

- Ông là nhân viên thống kê hả?

- Không đâu.

- Thế ông muốn cái gì? – Người đàn bà hỏi.

- Ôi chao! – John Black thốt lên.

- Ôi chao cái gì? – Người đàn bà cắn vắn.

- Thế thành phố này đã có ở đây lâu chưa?

- Nó được xây dựng từ năm 1868, – bà nói như quất vào mặt người chỉ huy. – Ông giởn mặt tôi đấy hả?

- Không đâu, không đâu, thưa bà, – John Black nài nỉ. – Lạy Chúa! Hãy nghe này, chúng tôi từ Địa Cầu đến!

- Từ đâu?

- Từ Địa Cầu!

- Nó ở đâu thế?

- Nó ở Trái Đất. – John Black bắt lực hét lên.

- Ông muốn nói là từ dưới đất chui lên đấy hử?

- Không, từ hành tinh Địa Cầu! – Ông khẩn khoản nói với bà chủ nhà. – Đây này, mời bà ra hàng hiên và tôi chỉ bà xem.

- Không đi đâu cả, các ông đúng là say nắng phát khùng hết rồi.

Lustig và Hinkston đứng sau lưng người chỉ huy. Hinkston giờ mới lên tiếng.

- Thưa bà, chúng tôi từ một chiếc phi thuyền vượt qua không gian, bay qua các vì sao đến đây. Chúng tôi từ hành tinh thứ ba tính từ Mặt Trời, tức là Địa Cầu, bay đến hành tinh này, tức là Hoả Tinh. Bây giờ bà hiểu rồi chứ ạ?

- Say nắng phát khùng rồi! – Người đàn bà lớn tiếng, tay nắm chặt cánh cửa. – Có đi ngay không tôi gọi chồng tôi xuống đây! Ông đang nghỉ trưa trên lầu. Ông mà ra tay thì các người ốm đòn!

- Nhưng... – Hinkston ấp úng, – ... nhưng đây không phải Hoả Tinh sao?

- Nghe này, – người đàn bà giảng giải cứ như đang dạy dỗ một đứa trẻ. – Đây là thành phố Green Lake, bang Wisconsin, nằm trên lục địa Mỹ Châu, được bao quanh bởi Thái Bình Dương và Đại Tây Dương, ở một nơi gọi là thế giới, hay đôi khi còn gọi là Địa Cầu! Bây giờ các ông đi đi! Tạm biệt!

Bà ta đóng sầm cửa lại.

Ba nhà phi hành đứng sững trước cánh cửa, tay giơ cao lên trời như thể van nài chủ nhà mở cửa ra lần nữa.

Họ nhìn nhau. Lustig nói:

- Ta phá cửa xông vào đi.

- Không được, – phi đoàn trưởng thở dài.

- Sao lại không?

- Bà ta có làm gì nguy hại đâu chứ? Đây là nhà riêng của bà ta cơ mà. Chúng ta là người xa lạ. Ôi! Lạy Chúa! – John Black ngồi phịch xuống bậc thềm. – Hinkston này!

- Tôi đây, Phi đoàn trưởng.

- Có khi nào anh nảy ra ý tưởng là chúng ta, bằng cách nào đó, vì lý do nào đó, đã bị rối loạn không? Và do ngẫu nhiên, ta đã đi ngược đường và lại hạ cánh xuống Địa Cầu!

- Ôi, không, thưa Phi đoàn trưởng! – Hinkston điếng người ngồi xuống suy nghĩ.

- Lẽ nào lại thế? – Lustig vẫn đứng trong nắng.

- Tôi không biết, để tôi suy nghĩ đã. – Hinkston trầm ngâm hồi lâu rồi nói tiếp. – Chúng ta đã kiểm soát kỹ từng dặm đường, mọi đồng hồ đo đều chỉ đúng phương hướng. Chúng ta đã nhìn thấy Hoả Tinh, đã bay ngang mặt trăng, tiến sâu vào không gian và đáp xuống đây, trên Hoả Tinh này. Tôi tin chắc đây là Hoả Tinh, thưa phi đoàn trưởng.

Lustig góp ý:

- Nhưng giả sử là do ngẫu nhiên, trong thời gian hay trong không gian, hay cái gì đó, chúng ta đã đến một hành tinh vào một thời điểm nghịch đảo. Biết đâu đây lại là Địa Cầu của ba mươi năm hay năm mươi năm trước? Biết đâu chúng ta đã đi lạc trong chiều thứ tư, chiều của thời gian?

- Đi hỏi thử xem, – Phi đoàn trưởng ra lệnh cho Lustig rồi quay sang Hinkston. – Những người trên tàu vẫn quan sát chúng ta đấy chứ?

- Họ vẫn sẵn sàng vũ khí.

Lustig đi tới cửa nhấn chuông. Cánh cửa mở ra, người đàn bà lúc nãy lại xuất hiện.

- Thưa bà, năm này là năm nào ạ?

- Năm 1926 chứ còn hỏi gì nữa! – Bà ta giận dữ quát ầm lên và đóng sầm cửa lại lần nữa.

- Các anh đã nghe rõ chưa nào? – Lustig hồi hải quay ra. – Bà ta bảo năm 1926! Chúng ta đã đi ngược thời gian. Đây chính là Địa Cầu!

Lustig ngồi xuống và cả ba người phó mặc tâm trí cho những ý tưởng kinh hoàng lẫn ngạc nhiên xâm chiếm. Những bàn tay run rẩy ôm vòng lấy đầu gối. Gió thổi qua, lật lay những lọn tóc mềm trên trán. Người chỉ huy đứng phắt dậy, tay phủi bụi bám trên quần.

- Tôi thật không ngờ cơ sự lại thế này. Làm sao lại xảy ra chuyện ngược đời đến thế? Tôi sợ muốn hết vía đây này!

- Không biết cả thành phố này có ai tin lời chúng ta chẳng? – Hinkston thắc mắc. – Có phải chúng ta đang đùa bỡn một trò chơi nguy hiểm với Thời Gian? Hay là chúng ta cất cánh bay về ngay đi?

- Không. Hãy thử gõ cửa một ngôi nhà khác.

Họ tiến đến một ngôi nhà gỗ nhỏ sơn trắng dưới bóng cây sồi cách đó ba căn. Vừa đi, John Black vừa nói:

- Tôi muốn càng hợp lý càng tốt. – Người chỉ huy ra dấu về phía thành phố. – Anh thấy cái thành phố này ra sao, Hinkston? Như anh nói lúc này, giả sử kỹ thuật du hành không gian đã ra đời từ nhiều thế kỷ trước. Và khi những con người Địa Cầu lên đây sống nhiều năm rồi, họ bắt đầu nhớ quê hương. Thoạt tiên là một cơn loạn thần kinh chức năng nhẹ vì nhớ nhà, rồi đến cả tình thần hoàn toàn rối loạn và có nguy cơ mất trí nữa. Nếu anh là chuyên gia tâm thần, anh sẽ làm gì khi đương đầu với vấn đề này?

- Chà, chà – Hinkston ngẫm nghĩ, – nếu thế tôi sẽ tái thiết trên Hoả Tinh này một nền văn minh sao cho mỗi ngày càng thêm giống Địa Cầu. Tôi sẽ tìm cách nào đó tái tạo mọi giống cây cỏ, mọi con đường, mọi ao hồ, thậm chí cả đại dương nữa. Sau đó, bằng cách tự kỷ ám thị tập thể, mọi người trong một thành phố như thế này đều tin rằng đây chính là Địa Cầu chứ chẳng phải Hoả Tinh nào cả. Đó là một giả thuyết.

- Lý luận khá đầy, Hinkston. Tôi nghĩ rằng chúng ta đã dò đúng hướng. Người đàn bà trong ngôi nhà đằng kia chỉ tưởng tượng là mình đang sống ở Địa Cầu. Điều đó giúp bà ta khỏi phát điên. Bà ấy cùng tất cả dân số ở thành phố này đều là những bệnh nhân của một thí nghiệm về phương thức di dân và thời miên vĩ đại nhất mà ta chưa từng thấy xưa nay.

- Hợp lý quá! – Lustig tán đồng.

- A! – Nhà phi hành thử hắt ra – Ít nhất thì chúng ta cũng đi đến được một kết luận nào đó. Tôi bây giờ cảm thấy bình tĩnh hơn. Giả thuyết này nghe có vẻ hợp lý hơn. Chứ còn chuyện du hành ngược thời gian làm tôi phát rét lên vì sợ đấy... – Cả tháng qua, đây là lần đầu tiên John Black nở nụ cười. – Chà chà, coi bộ nơi này sẽ đón tiếp chúng ta khá nồng hậu đấy.

- Thật thế ư, phi đoàn trưởng? – Lustig hỏi – Nói cho cùng thì dân chúng ở đây là những kẻ muốn trốn khỏi Địa Cầu. Có lẽ gặp chúng ta họ chẳng vui mừng gì mấy. Biết đâu họ lại cố tình xua đuổi hay giết chúng ta?

- Nếu xảy ra chuyện đó thì chúng ta đã có những vũ khí siêu việt. Dù sao chúng ta cũng phải tìm hiểu thêm. Thử nhấn chuông ngôi nhà kế tiếp xem. Tới đó đi.

Nhưng họ chưa băng qua bãi cỏ thì Lustig đã dừng sững lại, hướng mắt về bên kia thành phố, dọc theo con đường buổi trưa ngái ngủ, im lìm. Lustig thốt lên:

- Phi đoàn trưởng!

- Có chuyện gì thế, Lustig? – John Black ngạc nhiên.

- Ôi, thưa Phi đoàn trưởng, tôi nhận ra... nhận ra, ôi, ôi... – Lustig bật khóc. Mấy ngón tay anh ta cứ duỗi ra rồi lại xoắn vào nhau, run lấy bầy và nét mặt lộ rõ sự kinh ngạc lẫn mừng vui cùng vẻ hồ nghi. Trông anh ta cứ như sẽ phát điên lên vì sung sướng bất cứ lúc nào. Lustig nhìn dọc theo con đường rồi bắt đầu chạy, loạng choạng, vấp ngã, luống cuống chồm dậy chạy tiếp. – Ôi, lạy Chúa, xin cảm ơn Ngài! Lạy Chúa tôi!

- Ngăn anh ta lại mau! – Phi đoàn trưởng chạy đuổi theo.

Lustig cứ hò hét, chân chạy băng băng vào một mảnh sân ở lưng chừng một ngã rẽ rợp bóng cây rồi nhảy phắt qua hàng hiên của một ngôi nhà sơn xanh có con gà trống băng sắt trên mái.

Anh ta đập liên hồi vào cửa, vừa khóc vừa kêu la lúc Hinkston và người chỉ huy chạy tới và đứng ngoài sân nhìn.

Cánh cửa xịch mở. Lustig đẩy bật ra và thét một tiếng lạnh lạnh, một phát hiện sung sướng:

- Ông nội ơi! Bà nội ơi!

Hai cụ già đứng trên ngưỡng cửa, mặt rạng rỡ:

- Ôi, cháu Albert! – Hai người đồng thanh kêu lên và lao ra ôm ghì lấy Lustig, hết vồ vào lưng lại xoay vòng vòng quanh nhà phi hành. – Albert, ôi, Albert, mấy năm rồi mới gặp lại cháu! Lâu lắm rồi! Cháu của tôi, ôi, sao mà lớn quá chừng! Ôi, Albert! Cháu mạnh giỏi không?

- Ông nội, bà nội! – Albert Lustig nói trong tiếng nức. – Gặp ông bà con mừng quá! Trông ông bà vẫn khoẻ mạnh như xưa! – Lustig siết chặt từng người, hôn họ, ôm ghì họ, gọi rồi rít, rồi lại lùi ra xa, nháy mắt cười với hai cụ già thấp bé. Mặt trời trên cao, gió thoảng, cỏ xanh, cánh cửa mở rộng.

- Vào nhà đi, cháu, vào đi, có sẵn nước chanh cho cháu đây, nước chanh tươi rói, ê hề!

- Nội ơi! Có hai người bạn đi với con! Họ đây này! – Lustig quay lại, vẫy tay loạn xạ với John Black và Hinkston; hai nhà phi hành ấy nãy giờ đứng nắm chặt tay nhau dưới một tàng cây, sững sờ theo dõi cuộc hội ngộ quá sức bất ngờ ở hành tinh xa lạ này. – Phi đoàn trưởng ơi, đến đây đi, đến đây đi! Tôi xin giới thiệu đây là ông bà nội của tôi!

- Xin chào hai cậu. – Hai cụ già nói. – Ai là bạn cháu Albert đều là bạn của chúng tôi luôn! Thôi, đừng có đứng há hốc mồm ở đó nữa! Xin mời vào nhà!

Phòng khách của ngôi nhà cổ kính thật thoáng mát. Một chiếc đồng hồ xưa có quả lắc bằng đồng đang đều đều tích tắc, kính coong ở một góc phòng. Trên

chiếc tràng kỷ cỡ lớn là mấy chiếc gối mềm, sách báo chất đầy các bức tường, dưới sàn là một tấm thảm dệt đầy hình hoa hồng, và những tấm vải bọc phủ lên các lưng ghế. Cốc nước chanh lạnh ướt trên bàn tay, mát rượi những cuống họng khát.

- Xin uống mừng sức khoẻ mọi người. – Bà cụ nâng chiếc cốc lên đôi môi móm mém.

- Nội ơi, nội sống ở đây bao lâu rồi hở nội? – Lustig hỏi.

- Lâu lắm rồi. – Bà cụ đáp thản nhiên. – Ngay từ khi ông bà chết.

- Ngay từ khi ông bà ra làm sao? – Phi đoàn trưởng John Black giật mình đặt cốc nước xuống bàn.

- À, tôi quên chưa cho anh hay. – Lustig nhìn người chỉ huy. – Ông bà nội tôi chết đã ba mươi năm rồi.

- Vậy mà anh ngồi đó tỉnh bơ! – John Black kêu lên.

Bà cụ chắc lưỡi, con mắt liến láu nháy với John Black:

- Ai mà thắc mắc những gì đã an bài làm chi? Chúng tôi ở đây. Mà cuộc sống là cái gì kia chứ? Là ai làm chuyện gì vì lý do gì ở đâu đó à? Chúng tôi chỉ biết là mình đang ở đây, đang sống như xưa, và không ai hỏi han gì hết. Một cơ hội thứ hai, thế thôi. – Bà cụ nghiêng người trên bàn chìa cườm tay gầy gò của cụ về phía John Black. – Cậu sờ thử xem. – Ông làm theo. – Vẫn rắn chắc, phải không? – John Black gật đầu. – Anh nghe rõ lời tôi nói phải không?

Đúng thế thật.

- A ha, – bà cụ đắc thắng nói, – thế thì cậu thắc mắc lung tung chi nữa?

- Ồ, ồ..., cháu thật không ngờ là lên Hoả Tinh lại khám phá ra điều này. – John Black bàng hoàng thốt lên.

- Giờ cậu thấy rồi đó. Tôi dám nói là trên hành tinh nào cũng có nhiều điều minh chứng cho vô vàn cách biểu hiện của Chúa.

- Đây là Thiên Đường chẳng? – Hinkston hỏi.

- Tầm phào, Thiên Đường nào! Đây là một thế giới và chúng tôi có cơ hội sống lần thứ hai. Không ai cho chúng tôi biết tại sao lại thế, mà cũng chẳng có ai nói cho hay tại sao chúng tôi đã từng sống ở Địa Cầu. Tôi muốn nói Địa Cầu của các cậu đấy. Biết đâu lại không có thêm một Địa Cầu khác từng tồn tại trước cả Địa Cầu của các cậu?

- Một câu hỏi hay! – John Black tỏ vẻ thán phục rồi vỗ đùi, đứng dậy. – Thừa hai cụ, chúng cháu phải đi đây. Được gặp các cụ quả là quý hoá vô cùng. Xin cảm ơn các cụ đã đãi nước chanh...

Anh bỗng im bật, giật mình quay ra cửa. Ngoài kia, dưới nắng trưa là tiếng người lao xao, là đám đông đang hò hét chào mừng chuyện gì đó.

- Cái gì thế? – Hinkston kinh ngạc.

- Rồi ta sẽ biết ngay thôi! – John Black lao mình ra cửa, chạy ào qua bãi cỏ xanh trước hiên, phóng mình xuống đường phố thị trấn Hoả Tinh này.

Ông đứng nhìn con tàu vũ trụ. Các cánh cửa trên tàu đã mở toang và phi hành đoàn đang ủa ra, vẫy tay rồi rút. Một đám đông dân chúng bu quanh, chen chúc; các thành viên trong phi hành đoàn của ông vừa chạy lẫn trong đám người vừa cười vừa bắt tay. Dân chúng kéo tới đông đúc thêm và bắt đầu nhẩy múa. Chiếc hoả tiễn từ Địa Cầu bị bỏ mặc trơ vơ, hoang vắng.

Một ban nhạc kèn đồng lanh lảnh thét lên trong nắng, tung vào không trung một giai điệu vui tươi của kèn tuba và trômpét. Tiếng trống thì thùm dậm nhịp, tiếng sáo vút cao phụ hoạ. Những cô bé tóc vàng nhún chân theo điệu nhảy. Những cậu bé hét lên reo mừng. Một người đàn ông mập béo phân phát cho mọi người những điều xì gà rẻ tiền. Ông thị trưởng của thành phố đọc một bài diễn từ. Rồi sau đó, mỗi nhà phi hành trong đội bay một tay ôm một bà mẹ, một tay ôm một ông bố hay một bà chị, cô em, hôn hờ nhào xuống đường phố, tản mạn về những ngôi nhà và các cánh cửa âm thầm khép lại.

Một cánh gió rít ngang bầu trời xuân trong veo rồi tắt cả lại im lìm. Ban nhạc đã xập xình đi xa dần và khuất dạng sau một góc phố để lại lẻ loi con tàu vũ

trụ sáng ngồi lấp loá dưới nắng.

- Họ bỏ tàu! – Người chỉ huy kêu lên. – Họ bỏ tàu! Chúa ơi, họ bất tuân mệnh lệnh! Tôi sẽ cho họ biết tay!

- Phi đoàn trưởng, – Lustig nói, – xin đừng quá khắt khe. Họ gặp toàn thân quấy và bạn bè xưa mà.

- Đó đâu phải cái cơ để bỏ nhiệm vụ!

- Thử nghĩ xem các anh sẽ mừng vui đến thế nào khi nhìn ra những khuôn mặt thân quen bên ngoài con tàu!

- Nếu là tôi thì tôi vẫn chấp hành mệnh lệnh! Tôi vẫn... – Tiếng nói vụt tan biết trên đôi môi há hốc của người chỉ huy.

Dưới ánh nắng Hoả Tinh, đang sải bước về phía họ là một thanh niên chừng hai mươi sáu tuổi, cao lớn, mắt xanh, da rám nắng, miệng tươi cười hân hoan.

- John! – Chàng thanh niên thét to và chạy ào đến.

- Trời ơi! – John Black ôm mặt, lão đảo.

- Kìa, John, thẳng khí con, mày đó ư!

Chàng trai chạy đến, vung tay đâm mạnh một cái thân thiện vào lưng phi đoàn trưởng.

- Anh đấy sao! – John Black ngỡ ngàng.

- Thế mày tưởng tao là ai mới được chứ?

- Ôi, anh Edward! – Phi đoàn trưởng nắm chặt tay người lạ mặt, quay sang nói với Lustig và Hinkston. – Đây là anh ruột tôi. Anh Ed, đây là bạn em, Lustig, Hinkston! Anh tôi!

Hai anh em giật tay, kéo áo nhau rồi cuối cùng ôm choàng.

- Trời ơi, anh Ed!

- Ui cha, thăng khí.

- Trông anh khoẻ quá, Ed, nhưng sao lại có chuyện này? Suốt bao nhiêu năm rồi mà anh chẳng đổi thay gì cả. Em nhớ là anh đã chết rồi cơ mà, lúc anh hai mươi sáu tuổi còn em mới mười chín? Ôi, lạy Chúa! Chuyện gì đã xảy ra?

Edward Black véo vào cằm người em trai.

- Mẹ đang chờ đấy, chú mày.

- Mẹ ư?

- Cả Bố nữa đấy.

- Cả Bố nữa? – Nhà phi hành thiếu điều muốn ngã quỵ xuống đất như thể bị trúng đạn ngay tim. Ông loạng choạng dẫn bước, cơ hồ không giữ nổi thăng bằng, chốc chốc lại thì thầm, lẩm bẩm, nhắc đi nhắc lại mỗi một câu hỏi:

- Mẹ vẫn còn sống? Cả Bố nữa? Ở đâu?

- Ở ngôi nhà cũ của chúng ta trên Đại lộ Oak Knoll.

- Ngôi nhà cũ? – John Black trợn tròn mắt trong niềm kinh ngạc hân hoan. – Lustig, Hinkston, các bạn ơi, có nghe thấy không?

- Tôi biết điều này thật khó tin vô cùng đối với anh.

- Nhưng họ vẫn còn sống. Thật sự.

- Thật sờ sờ ra đấy chứ còn gì nữa. – Cánh tay Edward lực lưỡng, nắm tay mạnh mẽ, nụ cười nhe hết cả hai hàm răng, mái tóc xoăn màu sáng...

Hinkston đã đi mất. Anh ta vừa tìm ra ngôi nhà ấu thơ của chính mình ở cuối con đường này và đang chạy tới. Lustig cười toe toét bảo John Black:

- Bây giờ thì phi đoàn trưởng đã hiểu chưa? Các bạn bỏ mặc con tàu là điều tất nhiên thôi. Làm sao họ kiểm chế được chứ.

- Tôi đã hiểu, tôi đã hiểu. – Mắt nhắm nghiền, người chỉ huy run run nói –

Khi tôi mở mắt ra thì chắc là anh sẽ biến mất phải không, Edward? – John Black mở mắt. – Ôi, anh vẫn còn đó. Lạy Chúa, trong anh tươi trẻ quá, Edward ơi!

- Đi thôi, bữa ăn đang chờ đợi ta. Tao đã báo cho mẹ hay rồi.

Lustig nói với John Black:

- Phi đoàn trưởng ơi, tôi về với ông bà nội tôi đây. Báo cho anh biết luôn.

- Sao? À, à, hay đấy! Gặp lại sau nhé.

- Chắc tao phải đỡ mày đi quá, – Edward nắm cánh tay em trai và dìu từng bước.

- Chắc vậy. Hai đầu gối em cứ bủn rủn ra, kỳ ghê. Còn bụng thì còn cào nữa chứ. Úi chà!

- Nhà mình kia kìa. Còn nhớ không?

- Sao lại không? Em cá là em sẽ chạy đến hàng hiên trước anh cho mà coi! Đua nào!

Chạy. Gió rú trong tai John Black. Đất rú dưới chân John Black. Trong giấc mơ lạ thường của hiện thực, ông nhìn thấy vóc dáng Edward rực vàng trong nắng vượt qua mặt chạy lên trước. Ông thấy ngôi nhà thân yêu vụt tiến gần, cánh cửa xịch mở.

- Tao thắng rồi! – Edward hét to, nhảy phắt lên thềm nhà.

- Em bây giờ là một lão già rồi, – nhà phi hành hỗn hển nói, – còn anh vẫn còn trai trẻ. Nhưng anh lúc nào mà chẳng thắng em, em nhớ mà!

Trên ngưỡng cửa, Mẹ hồng hào, mập mạnh, rạng rỡ cười. Sau lưng bà, Bố đứng tóc hoa râm, trên tay là bầu thuốc.

- Mẹ! Bố!

John Black lao lên mấy bậc thềm như một đứa trẻ, nhào vào vòng tay chờ

đón.

Buổi trưa trôi chậm chậm tuyệt vời. Xong bữa ăn, họ ngồi trong phòng khách và John Black kể cho tất cả nghe về chuyến bay, về nhiệm vụ phi đoàn trưởng của ông, và mọi người gật gù lắng nghe vui thú. Mẹ vẫn như ngày nào, Bố vẫn căn đót xì-gà và châm lửa theo thói quen trước kia. Đến xế trưa, Mẹ mang vào ít nước trà đá lạnh. Rồi một con gà tây to lớn cho bữa ăn tối và thời gian cứ êm đềm trôi. Khi cái đùi gà đã được gặm sạch trơ xương trên đĩa, nhà phi hành ngả người ra lưng ghế, thở hắt một tiếng đầy thoải mãn. Bố rót cho John Black một cốc rượu đào. Đã bảy giờ rưỡi tối. Bóng đêm giăng mắc trên những ngọn cây và những ngọn đèn hắt hào quang dịu dịu khắp ngôi nhà êm ả. Từ những ngôi nhà khác dọc các con đường, loáng thoáng vọng đến tai ông tiếng nhạc, tiếng dương cầm, và tiếng cười vui.

Mẹ đặt một đĩa nhạc lên máy hát rồi bà cùng John Black khiêu vũ. Mẹ vẫn dùng thứ nước hoa ngày xưa, nhà phi hành còn nhớ bà đã mua lọ nước hoa ấy vào mùa hè khi cả Bố lẫn Mẹ đều chết trong một tai nạn xe lửa. Trong cánh tay John Black, Mẹ thật sự hiện hữu, những bước chân nhẹ nhàng đưa đẩy theo tiếng nhạc. Nhà phi hành nói:

- Sáng mai ngủ dậy là con lại phải về hoà tiễn, phải quay lại Địa Cầu và tất cả khung cảnh hạnh phúc này sẽ tan biến.

- Đừng nghĩ như thế, con ơi, – Mẹ khe khẽ kêu lên như nài nỉ, – Chúng ta đang ở đây. Đừng nên băn khoăn gì cả. Chúa đã ban phúc thì cứ tận hưởng đi.

Vung tàu thuốc, Bố lên tiếng khi đĩa nhạc chấm dứt:

- Con mệt nhọc rồi đấy, John. Con đi với Ed lên lầu ngủ nhé. Cái phòng ngủ ngày xưa vẫn chờ con đấy.

- Phòng ngày xưa?

- Vẫn còn nguyên cái giường bằng đồng và mọi thứ, – Edward cười to.

- Nhưng em cần phải tập hợp phi hành đoàn lại.

- Để làm gì cơ chứ? – Mẹ thắc mắc.

- Làm gì ư? Chà, con cũng chẳng biết nữa. Có lẽ đâu có lý do nào để tập hợp? Không, hoàn toàn không... – John Black lắc đầu. – Dạo này sao đầu óc chẳng minh mẫn gì cả.

- Thôi, con ngủ ngon nhé. – Bà hôn lên má nhà phi hành.

- Ngủ ngon nhé, Mẹ.

Bố cũng đưa tay ra bắt.

- Thật mừng có con về nhà.

- Con cũng mừng là được về nhà.

John Black rời khỏi thế giới của khói xì-gà, nước hoa, sách cũ cùng ánh đèn mờ dịu để đi lên lầu, vừa đi vừa trò chuyện với Edward. Người anh đẩy một cánh cửa rộng mở và kìa, vẫn chiếc giường bằng đồng màu vàng, vẫn những lá cờ đánh tín hiệu của thời sinh viên, vẫn chiếc áo khoác lông gấu mèo hôi mốc. John Black vuốt ve chiếc áo cũ ấy với cảm xúc trù mến thâm lặng thật lạ lùng, miệng cứ lẩm bẩm:

- Không thể tả. Cứ như mắc phải cơn mưa giông mà không mang ô dù. Cảm xúc thấm đẫm từng thớ thịt khiến mình tê tái... và mệt lả...

- Chăn ấm nệm êm đây cứ chui vào mà ngủ cho đã đi, thẳng khí, – Edward kéo xoạc tấm khăn trải giường trắng phau và vung vẩy mấy chiếc gối. Rồi anh ta mở cửa sổ và hương hoa nhài theo đêm tràn vào phòng. Ngoài kia là ánh trăng và tiếng người thầm thì, tiếng múa hát xa vắng.

- Hoả Tinh là thế này đây, – nhà phi hành vừa thay áo quần vừa lẩm bẩm.

- Hoả Tinh là thế đấy, – Edward vừa đáp vừa kéo chiếc áo qua khỏi đầu; những động tác chậm rãi, thư thái phô bày bờ vai vàng màu trắng và chiếc cổ đầy cơ bắp.

Đèn tắt, hai anh em vào giường nằm bên nhau, như ngày xưa, bao nhiêu năm đã qua đi? John Black buông lỏng người và đắm mình trong làn gió đêm đang

vén mấy tấm màn đăng-ten ủa vào căn phòng âm u. Giữa những hàng cây ngoài kia, trên bãi cỏ nào đó, có ai vặn máy hát đĩa và một tiếng hát vang lên khe khẽ.

Anh sẽ yêu em, mãi mãi

Một tình yêu chân thành, mãi mãi...

John Black chợt nghĩ đến Anna.

- Anna có sống ở đây không nhỉ?

Người anh nằm duỗi thẳng trong ánh trăng hắt qua cửa sổ, chờ đợi và lên tiếng:

- Có, cô ấy đi khỏi thành phố rồi. Nhưng sáng mai là có ở đây rồi.

Nhà phi hành nhắm chặt đôi mắt.

- Mình muốn gặp Anna quá!

Căn phòng vuông vức lặng thinh, chỉ có tiếng hai anh em thở.

- Ngủ ngon, Ed.

Một khoảng lặng.

- Ngủ ngon, John.

John Black nằm yên, để mặc bao ý nghĩ đi qua tâm trí. Suốt cả ngày căng thẳng, bây giờ mọi phần kích thích mới lắng dịu và ông mới được bình tâm. Lúc này ông có thể suy nghĩ sáng suốt thật sự. Tất cả những gì vừa xảy ra chỉ toàn là cảm xúc. Ban nhạc kèn đồng, những gương mặt thân quen, nhịp tim đập vội. Nhưng còn bây giờ thì...

Thế nào? Làm sao lại xảy ra những điều này? Vì lý do gì, mục đích gì cơ chứ? Vì lòng nhân từ của một Đấng Tối Cao nào đó luôn chăm sóc, quan tâm đến người phạm chẳng? Nhưng tại sao và để làm gì?

Ông nghĩ đến đủ thứ giả thuyết mà Hinkston và Lustig đã đưa ra trong cơn nóng đầu tiên của buổi trưa. Ông để cho đủ thứ giả thuyết mới cứ lần lượt nảy sinh trong đầu như những hòn sỏi lười biếng rơi xuyên qua dòng nước tắm tối, và rồi xoay tròn, toé ra những tia sáng trắng đục, lơ lờ. Hoả Tinh. Địa Cầu. Bố. Mẹ. Edward. Hoả Tinh. Sinh vật Hoả Tinh...

Ai đã sống trên Hoả Tinh này từ cả nghìn năm trước? Những sinh vật Hoả Tinh? Hay lúc nào cũng giống như thế này? Sinh vật Hoả Tinh. Ông thầm nhắc lại mấy từ đó trong lòng.

Suýt nữa ông đã bật cười thành tiếng. Ông bỗng dưng có một ý tưởng kỳ cục. Cái ý tưởng khiến ông lạnh mình nhưng chắc là chẳng có gì đáng bận tâm. Hết sức vô lý. Ngốc nghếch. Quên đi. Nực cười quá.

Nhưng ông cứ suy nghĩ mãi. Giả sử... chỉ giả sử thôi, có những sinh vật trên Hoả Tinh này đã phát hiện ra con tàu đang đến, đã nhìn thấy chúng ta trong con tàu và căm ghét chúng ta, những kẻ xâm lấn, những kẻ không ai mong muốn. Giả sử, vì lòng căm ghét đó, họ muốn tiêu diệt chúng ta và họ muốn thực hiện ý đồ một cách khéo léo để cho không một ai trong đoàn dễ phòng, cảnh giác được. Hừ, nếu thế thì họ, những sinh vật Hoả Tinh, có thể sử dụng vũ khí nào hữu hiệu nhất để đương đầu với vũ khí nguyên tử của những người Địa Cầu?

Một câu trả lời thú vị. Thần giao cách cảm, thôi miên, ký ức và tưởng tượng.

Giả sử tất cả nhà cửa này đều không có thật, cái giường này cũng không có thật, mà chỉ là sản phẩm từ chính trí tưởng tượng của ta, đã được biến thành vật chất do những phương thức thần giao cách cảm và thôi miên của sinh vật Hoả Tinh?

Giả sử những căn nhà này thực tế mang hình dạng khác, những hình dạng của Hoả Tinh... nhưng để đùa cợt với khát khao, với mong muốn của ta, các sinh vật ở đây đã biến chúng thành quê xưa của ta, nhà xưa của ta, để khiến ta quên hết ngờ vực? Cách hay nhất để đánh lừa một người là lợi dụng chính cảm xúc của hẳn.

Và giả sử hai con người đang ngủ ở phòng bên cạnh hoàn toàn chẳng phải là bố mẹ mình. Mà đó là hai sinh vật Hoả Tinh, cực kỳ thông minh, có khả năng

mê hoặc mình mãi mãi trong tình trạng mộng mị này?

Và cái ban nhạc kèn hôm nay? Một mưu đồ tài tình làm sao! Lúc đầu là mê hoặc Lustig, rồi đến Hinkston, rồi tụ tập một đám đông bao quanh con tàu vẫy chào. Rồi... toàn bộ phi hành đoàn ai cũng gặp lại những người mẹ, ông chú, bà cô, người yêu, đã chết từ hàng chục năm trước, thì đương nhiên họ sẽ bất tuân mệnh lệnh, sẽ chạy ủa ra, sẽ bỏ con tàu. Còn gì tự nhiên hơn? Còn gì đơn giản hơn? Còn gì dễ xua tan mọi hồ nghi hơn? Người ta đâu có thắc mắc, bản khoán chi nhiều khi thấy bà mẹ thân yêu của mình bất ngờ sống lại; người ấy sẽ mừng vui quá đi thôi. Rồi... ban nhạc cứ chơi và từng người một được đưa về những gia đình riêng. Và đêm nay, chúng ta mỗi người ở một nhà, mỗi người ngủ một giường, không còn vũ khí tự vệ, bỏ mặc con tàu trống rỗng dưới ánh trăng...

...Sẽ thật khủng khiếp lắm nếu phát hiện ra tất cả những điều này chỉ là một kế hoạch chia để trị hết sức tài tình của sinh vật Hoả Tinh nhằm giết chết chúng ta. Biết đâu trong đêm, người anh đang nằm ngủ bên cạnh mình sẽ thay hình đổi dạng, sẽ tan chảy, sẽ biến thành con quái vật một mắt mặt xanh nanh vàng? Chuyện trở mình đâm một lưỡi dao thấu tim ta sẽ là chuyện dễ dàng vô cùng? Và trong những ngôi nhà khác, cả chục người anh, người cha cũng đột ngột tan biến và rút dao giết chết những người em, người con từ Địa Cầu đến đang ngủ say không chút hồ nghi?

Bàn tay ông run lẩy bẩy dưới mấy lớp chăn. Ông lạnh toát khắp người. Đột nhiên, ý nghĩ của ông không còn là giả thuyết nữa. Và ông bỗng sợ hãi. Ông nhắc mình ngồi dậy, nghe ngóng. Đêm tĩnh lặng. Tiếng nhạc đã tắt. Gió đã ngừng. Người anh trai (?) đang nằm ngủ bên cạnh.

Hết sức thận trọng, ông giữ chân, cuộn lại. Len lén bước xuống giường, ông nhón gót vừa dợm chân đi mấy bước thì đã nghe tiếng người anh:

- Mày đi đâu đấy?

- Sao ạ?

- Tao hỏi mày tính đi đâu đấy? – Giọng nói lạnh như băng.

- Đi uống nước.

- Mày đâu có khát
- Có, khát nước thật mà.
- Không, mày không khát.

Phi đoàn trưởng John Black vùng chạy băng qua phòng. Ông rú lên. Một tiếng. Hai tiếng.

Không bao giờ ông với tới cửa.

Buổi sáng, ban nhạc kèn tấu một bi khúc ai oán. Từ những ngôi nhà trên đường phố, từng nhóm người buồn bã tiến ra con đường ngập nắng, khênh theo mười sáu chiếc quan tài; những người ông, người bà, những bà mẹ, những người chị, người anh, vừa khóc nức nở vừa bước đến nghĩa trang. Ở đó là mười sáu huyết đất mới đào và mười sáu mộ bia mới dựng. Ba mộ bia trong số đó mang tên: JOHN BLACK, ALBERT LUSTIG và SAMUEL HINKSTON.

Ông thị trưởng đọc một bài ai điếu, gương mặt lúc thì giống ông thị trưởng, lúc thì biến đổi thành cái gì khác hẳn.

Bố mẹ của John Black có mặt ở đó cùng với Edward, họ khóc oà, những đường nét trên mặt họ lúc này đang chảy nhão ra, từ quen thuộc trở thành xa lạ.

Ông bà nội của Lustig cũng đứng trước huyết anh khóc nức nở; gương mặt họ biến dạng như sáp nặn, rung rinh như một thứ gì đang tan chảy dưới sức nóng ngày hè.

Những chiếc quan tài được hạ xuống. Có ai đó thầm thì về "cái chết đột ngột không mong đợi của mười sáu con người cường tráng trong đêm qua...".

Đất lấp đập rơi trên nắp áo quan.

Sau tang lễ, ban nhạc giống kèn khua trống đi vào thành phố. Đám đông đứng quanh hò hét, vỗ tay khi chiếc hoả tiễn nổ tan tành thành muôn mảnh vụn tung toé.

Hồ Thu

(Nguyên tác: The Lake)

Sóng ngăn cách tôi với thế giới, với lũ chim trên trời, bầy trẻ trên bãi cát, với mẹ tôi trên bờ. Một thoáng im lặng màu lục. Rồi sóng trả lại tôi bầu trời, bãi cát, bầy trẻ la ó. Tôi rời khỏi hồ và thế giới vẫn đang chờ đón, không xê dịch mảy may từ khi tôi bỏ đi.

Tôi chạy lên bãi cát.

Mẹ lấy khăn lông lau cho tôi. Bà nói:

- Đứng đó cho khô người.

Tôi đứng ngắm nghía ánh nắng lấy đi những hạt nước trên cánh tay. Tôi điền vào chỗ trống bằng những đốm gai ốc nổi sần trên da.

- Ồ, trời trở gió kìa, – Mẹ nói. – Mặc áo vào đi con.

- Chờ chút, con muốn xem con nổi da gà, – tôi nói.

- Harold, – Mẹ nhắc nhở.

Tôi mặc áo vào và nhìn những con sóng hết tiến vào lại lùi xa trên bãi cát. Rất đều đặn. Có chủ đích, một nhịp đều đều xanh xanh điệu dàng. Ngay cả một người say cũng không thể nào ngã quy xuống điệu dàng như những con sóng ấy.

Lúc đó là tháng Chín. Vào những ngày cuối cùng khi mọi thứ đâm ra buồn buồn chẳng có nguyên do. Bãi cát hun hút và hiu quạnh chỉ có sáu bóng người. Mấy đứa nhỏ đã thôi nhồi bóng vì không hiểu sao làn gió cũng khiến chúng buồn, khi gió cứ rít vi vu như thế, và đám trẻ con ngồi xuống cảm nhận mùa thu đang đến trên bờ hồ vô tận này.

Mọi quây sạp bán xúc xích đã đóng kín bằng những tấm ván sơn sọc vàng, khoá chặt bên trong bao mùi vị thịt thà, hành tây, mù tạt của mùa hè vui thú dài lâu. Cứ như mùa hè đã bị đóng đinh nhốt trong một dây quan tài. Từng cái một, các quây sạp đóng sập mái che, móc khoá vào cửa, và gió tới vuốt ve mặt cát, thổi tan đi cả hàng triệu dấu chân của tháng Bảy và tháng Tám. Cứ như thế tới giờ, đến tháng Chín, chẳng còn gì ngoài dấu giày thể thao cao su của tôi và dấu chân của Donald và Delaus Arnold mon men xuống gần gợn nước.

Cát bay tung lớp lớp trên các vỉa hè, và vòng đu quay đã trùm kín trong vải bạt, tất cả những con ngựa gỗ đứng sững giữa trời trên những cột đồng, nhe răng, trong nước kiệu bất động. Luồn qua tấm vải bạt chỉ có gió làm tiếng nhạc.

Tôi đứng đó. Mọi người khác đã đến trường. Tôi thì không. Ngày mai tôi sẽ lên đường xuyên nước Mỹ về miền tây bằng tàu lửa. Mẹ và tôi đến bờ hồ này chỉ một lần ngắn ngủi cuối cùng.

Cảnh cô tịch này có cái gì đó khiến tôi cứ muốn được tránh xa một mình.

- Mẹ, con muốn chạy ngược theo bờ hồ này ra đằng xa, – tôi nói.

- Được, nhưng quay về cho mau, và tránh xa bờ nước.

Tôi chạy. Cát xoay tít dưới chân tôi và gió nâng tôi lên. Bạn biết cảm giác đó mà, chạy nhanh, hai cánh tay giang ra để ta nhận thấy gió như đang giăng màn giữa các ngón tay mình. Như chim tung cánh.

Mẹ ngồi đó, thu nhỏ dần theo khoảng cách. Chẳng mấy chốc bà chỉ còn là một đốm nâu và chỉ mình tôi đơn độc.

Được một mình là cái cảm giác mới mẻ đối với một đứa trẻ mười hai. Nó đã quá quen có nhiều người chung quanh. Cách duy nhất để nó được một mình là tưởng tượng. Có quá nhiều con người thực ở khắp nơi, bảo ban lũ trẻ phải làm gì và làm sao, tới mức một thằng bé phải chạy thật xa ngoài bờ hồ, cho dù chỉ chạy trong đầu, thì mới được ở một mình trong thế giới của riêng nó.

Vậy là bây giờ tôi thật sự một mình.

Tôi đi xuống nước và để cho nước mát ngập tới bụng. Mọi lần trước đây, khi có đám đông, tôi không dám nhìn, không dám tới chỗ này để tìm quanh mặt nước và gọi một cái tên ai đó. Nhưng bây giờ...

Nước giống như nhà ảo thuật. Cửa đôi người ta ra. Ta có cảm tưởng như bị cắt làm hai nửa, một phần của ta, phần bên dưới, là đường, tan chảy, biến mất. Nước mát, và đôi khi một gợn sóng xô rất điệu dàng rủ xuống một màn lụa nước rập rờn.

Tôi gọi tên cô bé. Hơn chục lần, tôi gọi mãi.

- Tally! Tally! Tally ơi!

Khi ta còn nhỏ thì ta thật sự mong mỗi tiếng gọi của mình được đáp lời. Ta tưởng như bất cứ thứ gì ta nghĩ ra cũng đều có thể có thật. Và có khi điều đó hẳn cũng không sai.

Tôi nhớ Tally đã bơi ra ở khoảng hồ này tháng Năm vừa rồi, hai bím tóc lướt thướt đằng sau, tóc vàng. Cô bé vừa đi vừa cười vang, và nắng rọi trên hai bờ vai mười hai nhỏ nhắn. Tôi nhớ mặt nước này khép lại im lìm, nhớ người cứu hộ đã lao xuống hồ, nhớ tiếng gào của mẹ Tally, và nhớ Tally đã trốn biệt tăm ra sao...

Người cứu hộ đã cố sức thuyết phục cô bé đi ra, nhưng cô vẫn trốn. Ông ta quay lại, trong mấy ngón tay đầy khớp đốt to lớn chỉ có mấy nhánh rong, còn Tally biến mất. Cô bé không còn ngồi ngay trước mặt tôi ở trường, mà cũng không còn chạy đuổi theo những quả bóng con trên hè phố lát gạch những đêm hè nữa. Cô bé đã đi ra quá xa, và hồ nước đã không cho cô trở về.

Và bây giờ trong mùa thu dịu hiu này khi bầu trời mênh mông và mặt nước mênh mông và bờ cát lê thê, tôi đã đi xuống chỗ đó lần cuối cùng, một mình.

Tôi gọi tên cô bé mãi. Tally ơi, Tally!

Gió thổi rất khê bên tai tôi, giống như cách gió thổi qua miệng các vỏ sò để làm cho chúng rung ngân thì thầm. Nước dâng lên, ôm choàng lấy ngực tôi, rồi hai đầu gối, lên rồi xuống, hết dâng lại rút, hút lấy hai gót chân tôi.

- Tally! Về đi, Tally!

Tôi chỉ mới mười hai. Nhưng tôi biết tôi yêu cô bé biết bao. Đó là thứ tình yêu nảy sinh trước mọi ý nghĩa của thân thể và đạo lý. Đó là thứ tình yêu chẳng khác gì gió và biển và cát mãi mãi nằm bên nhau. Tình yêu ấy hình thành từ những ngày dài ấm áp cùng chơi trên bờ hồ này, và những ngày ảm ừ lặng lẽ của những bài học ê a ở trường. Từ suốt những ngày thu nắng đặc mấy năm qua khi tôi mang cặp sách cho cô bé từ nhà đến trường.

Tally!

Tôi gọi tên cô bé lần cuối cùng. Tôi rùng mình. Tôi cảm thấy nước ướt mặt mình và không hiểu sao nước lại bám ở đó. Sóng hồ đâu vỗ cao đến vậy.

Quay lại, tôi rút lui lên bãi cát và đứng đó cả nửa giờ, mong mỗi một thoáng hiện, một dấu hiệu, một chút gì của Tally để nhớ. Rồi, tôi quỳ xuống và đắp một lâu đài cát, tạo hình thật đẹp, vun đắp nó như Tally và tôi đã từng xây biết bao lâu đài. Nhưng lần này, tôi chỉ đắp một nửa. Rồi tôi đứng lên.

- Tally, nếu bạn nghe mình thì hãy vào đây đắp phần còn lại.

Tôi đi về phía cái đống nhỏ xa tít là Mẹ ngồi kia. Sóng tràn vào, hoà tan lâu đài cát với từng vòng nước cuốn xoay tròn, từng chút một nghiền nát lâu đài trở thành mặt cát phẳng phiu như cũ.

Lặng lẽ tôi đi ven bờ hồ.

Xa xa, vòng đu quay kêu lanh canh, nhưng đó chỉ là tiếng gió khua.

Ngày hôm sau, tôi lên tàu ra đi.

Đoàn tàu không nhớ được lâu; nó nhanh chóng bỏ hết tất cả đằng sau. Nó quên mất những cánh đồng ngô Illinois, những dòng sông tuổi thơ, quên những chiếc cầu, hồ ao, thung lũng, mái tranh, quên bao nỗi đau và niềm vui. Nó vung vãi chúng sau lưng và chúng rơi rụng dưới chân trời.

Tôi giãn xương giãn cốt, thêm thịt thêm da, đầu óc trẻ thơ trở thành già dặn, vứt bỏ bao quần áo không còn mặc vừa, chuyển từ trường cơ sở lên trung học, rồi đại học. Và rồi xuất hiện một cô gái ở Sacramento. Tôi quen nàng

một thời gian dài, và chúng tôi cưới nhau. Đến lúc tôi hai mươi hai tuổi thì tôi hầu như đã quên mất miền Đông ngày trước ra sao.

Margaret đề nghị rằng chúng tôi nên đi ngược về hướng đó hưởng tuần trăng mật đã trì hoãn lâu nay.

Giống như ký ức, đoàn tàu hoạt động cả hai chiều. Một đoàn tàu có thể ào ào gom về tất cả những gì ta đã bỏ lại đằng sau biết bao năm trước.

Lake Bluff, dân số mười nghìn người, hiện ra cuối trời. Margaret trông thật ưa nhìn trong áo xống mới đẹp xinh. Nàng quan sát tôi trong khi tôi nhận ra thế giới ngày xưa đang đón nhận mình vào cuộc sống cũ. Nàng nắm lấy cánh tay tôi khi đoàn tàu lướt vào ga Bluff Station và hành lý được chuyển ra.

Bao nhiêu năm, và bao đổi thay trên gương mặt và thân xác bao người. Khi chúng tôi dạo khắp thị trấn cùng nhau, tôi không gặp một ai mà mình có thể nhận quen. Có những gương mặt mang nhiều dư âm. Dư âm của những chuyến cuộc bộ dã ngoại trên các đường mòn hẻm núi. Nhiều gương mặt hồi vọng những tiếng cười khúc khích từ các trường tiểu học đã đóng cửa, từ vòng đong đưa của những chiếc đu treo bằng chuỗi xích sắt, và từ nhịp vút lên hạ xuống của những chiếc bập bênh. Nhưng tôi không bắt chuyện. Tôi cứ dạo bước và nhìn và lấp đầy cõi lòng với mọi hồi niệm, như những chiếc lá chất đống chờ thiêu huỷ những mùa thu.

Chúng tôi ở lại tổng cộng hai tuần, cùng nhau thăm viếng lại mọi nơi. Những ngày hạnh phúc. Tôi thấy mình yêu Margaret lắm. Ít nhất thì tôi cũng tưởng như thế.

Vào một trong những ngày cuối cùng, chúng tôi đi dạo xuống bờ hồ. Mùa này trong năm chưa muộn như cái ngày ấy bao năm trước, nhưng những dấu hiệu ruồng bỏ đầu tiên đang xuất hiện trên bãi cát. Người đã thừa thốt hẳn, nhiều quây bán xúc xích đã sập mái xuống đóng đinh chặt, và gió, như mọi khi, vẫn chờ đó vì vu hát cho chúng tôi nghe.

Tôi cơ hồ nhìn thấy Mẹ đang ngồi trên cát như bà ngày ấy thường ngồi. Tôi lại có cái cảm giác muốn được một mình. Nhưng tôi không thể buộc mình phải nói điều đó với Margaret. Tôi chỉ đi sát bên nàng và chờ đợi.

Ngày đã dần tàn. Hầu hết lũ trẻ đã về nhà, chỉ còn vài người đàn ông và đàn bà vẫn phơi nắng trong ánh chiều lộng gió.

Chiếc thuyền của người cứu hộ tấp vào bờ. Người cứu hộ bước ra, chậm chậm, ôm cái gì đó trong tay.

Tôi đứng sững. Tôi nín thở và thấy mình nhỏ lại, mới tuổi mười hai, rất nhỏ; bé bỏng vô cùng và đầy sợ hãi. Gió hú. Tôi không còn nhìn thấy Margaret. Tôi chỉ thấy được bãi cát, thấy người cứu hộ từ trên thuyền chậm chậm hiện ra với một bao tải màu xám trong hai bàn tay, không nặng lắm, và gương mặt ông cũng xám xịt, nhẵn nhụi như vậy.

- Cứ đứng ở đây, Margaret, – tôi nói. Tôi không hiểu tại sao mình nói thế.

- Nhưng sao vậy?

- Cứ đứng đây, chỉ vậy thôi...

Tôi từ từ đi xuống bờ cát tới chỗ người cứu hộ đứng. Ông ta nhìn tôi.

- Chuyện gì thế? – Tôi hỏi.

- Là thật, – ông nói khe khẽ. – Chuyện lạ nhất tôi từng gặp. Cháu gái này chết lâu rồi.

Tôi lặp lại lời ông ta. Ông gật đầu.

- Mười năm, tôi dám chắc. Năm nay không có trẻ em nào chết đuối ở đây. Từ năm 1933 tới giờ ở đây có mười hai trẻ chết đuối, nhưng chúng tôi tìm ra được hết chỉ sau vài tiếng đồng hồ. Tìm được hết, tôi nhớ rõ, chỉ trừ một vụ. Cái xác này đây, ồ, nó hẳn phải ở dưới nước cả mười năm. Thật là... khó chịu.

Tôi dán mắt vào chiếc bao tải xám trong tay ông.

- Mở ra đi, – tôi nói. Tôi không hiểu sao mình nói thế. Gió hú mạnh hơn.

Ông lóng ngóng với chiếc bao.

- Mau lên, ông ơi, mở ra đi! – Tôi kêu lên.

- Tôi không muốn mở ra, – ông nói. Rồi có lẽ ông nhìn thấy vẻ mặt của tôi lúc đó. – Cháu gái này bé nhỏ quá...

Ông chỉ mở hờ miệng bao. Vậy là đủ.

Bãi cát hoang vắng. Chỉ có bầu trời và gió và nước và mùa thu đang đến dần dần. Tôi nhìn xuống cô bé đó.

Tôi cứ lặp đi lặp lại lời nào đó. Một cái tên. Người cứu hộ nhìn tôi. Tôi hỏi:

- Ông tìm thấy cô bé ở đâu?

- Bãi cát đằng kia, hướng đó, trong vùng nước cạn. Cháu gái này ở đó quá lâu, quá lâu rồi, phải không?

Tôi lắc đầu nhưng lại nói:

- Vâng, đúng thế. Chúa ơi, đúng thế.

Tôi nghĩ: người ta lớn lên. Tôi đã lớn lên. Nhưng cô bé không thay đổi. Cô bé vẫn nhỏ. Cô bé vẫn mười hai. Cái chết không cho phép trưởng thành hay đổi thay. Cô bé vẫn có mái tóc vàng. Cô bé sẽ mãi mãi mười hai và tôi sẽ mãi mãi yêu cô, Chúa ơi, tôi sẽ mãi mãi yêu cô bé.

Người cứu hộ buộc chặt miệng bao lại.

Phía bờ cát dưới xa, mấy phút sau, tôi đi tới một mình. Tôi dừng lại, và cúi xuống nhìn điều gì đó. Đây là nơi người cứu hộ tìm ra cô bé, tôi nhủ thầm.

Ở đó, ngay bờ nước, là một lâu đài cát, chỉ đắp có một nửa. Giống như Tally và tôi ngày trước thường chơi. Cô bé một nửa và tôi một nửa.

Tôi nhìn lâu đài cát. Tôi quỳ xuống bên cạnh và nhận ra những dấu chân nhỏ từ dưới hồ đi lên và quay ngược lại xuống hồ và không trở về.

Và rồi... tôi biết.

- Mình sẽ giúp bạn làm cho xong, – tôi nói.

Tôi làm. Tôi đắp nửa lâu đài còn lại rất từ tốn, rồi tôi đứng lên, quay lưng, và đi thẳng, để không phải nhìn thấy lâu đài cát ấy sụp đổ trong sóng nước, như mọi thứ đều sụp đổ.

Tôi đi ngược lại bãi cát tới nơi có một người đàn bà xa lạ tên là Margaret đang tươi cười, đợi chờ tôi...

Mặt Trời Đen

(Nguyên tác: The Rocket Man)

Bầy đom đóm điện tử lượn vòng quanh mái tóc huyền thấp sáng đường mẹ đi. Mẹ đứng bên ngưỡng cửa phòng ngủ nhìn ra khi tôi đi ngang dãy hành lang tĩnh mịch. Mẹ bảo:

- Lần này thì con phải giúp mẹ giữ bố lại đây, con nhé?

- Con cũng tính vậy, – tôi đáp.

- Giúp mẹ đi con. – Bầy đom đóm hắt trên gương mặt trắng ngà của mẹ tôi những đốm sáng lung linh. – Lần này bố không được phép ra đi nữa đâu.

- Cũng được thôi, – tôi đáp sau một lúc đứng im lìm. – Nhưng rồi cũng phí công thôi, mẹ ơi; chẳng ích lợi gì đâu.

Mẹ bỏ đi và bầy đom đóm điện lập loè bay theo sau bà như một thiên toà phiêu bạt, soi bước chân người trong bóng đêm. Tôi nghe tiếng mẹ nói loáng thoáng:

- Dù sao thì chúng ta cũng phải cố gắng vậy.

Một bầy đom đóm khác đi theo tôi về phòng mình. Khi trọng lượng của thân hình tôi đè xuống giường, một mạch điện tự động ngắt và bầy đom đóm nhấp nháy tắt ngóm. Đã nửa đêm, tôi cùng mẹ nằm chờ đợi trong hai gian phòng bị bóng tối phân ly. Chiếc giường bắt đầu đu đưa phát ra một điệu nhạc ru ngủ. Tôi tìm công-tắc; tiếng nhạc và chuyển động của chiếc giường ngừng lại. Tôi không muốn ngủ. Tôi không muốn ngủ chút nào.

Đêm nay cũng giống như hàng nghìn đêm khác trong đời. Chúng tôi thường thức trắng nhiều đêm nằm nghe tiếng không khí lạnh hoá ẩm lên, nghe lửa bùng trong gió, hay nhìn thấy những bức tường chột bùng sáng huy hoàng

trong một thoáng, và khi đó chúng tôi biết hoả tiễn của bố vừa bay qua ngôi nhà này. Và tôi thường nằm đây, mắt mở to, thở dồn, và ở phòng bên kia mẹ tôi cũng thao thức. Bà thường nói chuyện với tôi qua hệ thống radio giữa các căn phòng:

- Con có nghe thấy không?

Và tôi thường trả lời:

- Chính là bố đó, không hề gì.

Đó là con tàu của bố tôi bay qua thành phố, một thành phố bé nhỏ nơi những phi thuyền không gian chẳng bao giờ ghé đến. Chúng tôi thường nằm trần trổ suốt hai tiếng đồng hồ sau đó mà nghĩ miên man. "Bây giờ chắc bố đã hạ cánh xuống Springfield, bây giờ chắc bố đang bước đi trên phi đạo tráng nhựa, chắc lúc này bố đang ký giấy tờ, còn bây giờ thì bố lên trực thăng rồi, bố đang bay qua dòng sông, vượt mấy trái đồi, bây giờ chắc bố đang cho trực thăng đáp xuống một phi trường nhỏ ở khu Green Village này..." Và trời thường đã quá nửa đêm khi tôi và mẹ nằm yên trên hai chiếc giường riêng biệt lắng nghe, lắng nghe. "Bây giờ chắc bố đang tản bộ xuống đường Bell Street. Bố luôn đi bộ... chẳng đời nào đón tắc-xi... giờ thì bố băng qua công viên rồi, giờ thì đi vòng qua góc phố Oakhurst và bây giờ..."

Tôi nhắc đầu khỏi gối. Từ tí cuối đường, tiếng bước chân càng lúc càng tiến gần hơn, thoăn thoắt, hối hả... Và rồi tiếng chân ấy rẽ vào hướng nhà tôi, bước lên bậc cấp. Cả mẹ lẫn tôi cùng mỉm cười trong bóng tối khi nghe tiếng mở cửa đã quá quen thuộc, bản lề cọt két khe khẽ chào mừng, và tiếng cửa khép lại dưới nhà...

Ba giờ sau đó, tôi nhẹ nhàng xoay nằm cửa căn phòng bố mẹ, nín thở, giữ thăng bằng trong bóng tối mê mông như khoảng không gian giữa các hành tinh, bàn tay tôi sờ soạng tìm chiếc va-li màu đen nhỏ nhắn dưới chân giường ngủ của bố mẹ. Nhấc va-li lên, tôi lặng lẽ chạy về phòng, lòng bồn chồn lo nghĩ. Bố không chịu nói cho mình biết, bố không muốn mình biết.

Và từ chiếc va-li mở tung, bộ đồng phục đen huyền của bố phô bày ra như một tinh vân, lấp lánh đây đó vài đốm sao. Tôi vò lớp vải nhung đen ấy trong lòng bàn tay ấm; tôi nhận ra mùi vị của Hoả Tinh (mùi của sắt thép) và mùi

của Kim Tinh (mùi của dây trường xuân ngát xanh), có cả mùi lưu huỳnh, mùi lửa khét của Thuỷ Tinh, và tôi nhận ra cả mùi sữa ngọt của trăng cùng mùi hăng hắc của các tinh cầu. Tôi nhét bộ đồng phục ấy vào chiếc máy ly tâm mà tôi đã lắp ráp tại xưởng trường từ hồi lớp chín và cho máy xoay. Ngay sau đó, một lớp bột mịn tích tụ lại ở bình ngưng đọng. Tôi đặt thứ bột này vào dưới kính hiển vi. Rồi trong lúc bố mẹ ngủ say không hay biết, trong lúc ngôi nhà tôi yên giấc, tất cả các công cụ nấu ăn tự động cùng các rô-bô giúp việc đang thêm thắt trong giấc điệp điện tử, tôi đắm đắm nhìn vào những đốm sáng lộng lẫy của bụi vẫn thạch, của đuôi sao chổi, của đất mùn từ Mộc Tinh xa vời. Những đốm sáng lấp lánh rực rỡ như chính các thế giới lạ kỳ kia tựa hồ muốn hút tôi vào lòng ống kính hiển vi và cuốn tôi dạt trôi hàng tỉ dặm vào sâu trong không gian với một gia tốc kinh hồn.

Trời tảng sáng, mệt nhoài vì chuyến du hành tưởng tượng và sợ bố mẹ bắt gặp, tôi trả lại chiếc va-li đồng phục về phòng hai người.

Rồi tôi ngủ thiếp đi, mãi đến khi chiếc xe của hiệu giặt ủi nhấn còi inh ỏi dưới sân nhà tôi mới choàng tỉnh. Người ta đến lấy chiếc va-li đồng phục mang đi. May mà mình không chần chờ, tôi nghĩ thầm. Bởi vì trong một giờ nữa, họ sẽ mang trả lại bộ đồng phục đã được tẩy sạch mọi dấu tích của chuyến hành trình.

Tôi lại ngủ tiếp; trong túi áo của tôi – ngay nơi trái tim đang đập – là một ve nhỏ chứa đựng lớp bụi thần kỳ.

Lúc tôi xuống nhà, bố đã ngồi ở bàn điểm tâm đang nhai bánh mì.

- Ngủ ngon không, con? – Bố nói cứ như là bố luôn có mặt ở nhà chứ không phải vừa trở về sau ba tháng rông xa cách.

- Bình thường thôi, bố ạ, – tôi đáp.

- Bánh mì nhé?

Bố nhấn nút và chiếc bàn tự động nướng cho tôi bốn lát bánh mì vàng xuộm, ròn tan.

Tôi còn nhớ chiều hôm đó bố tôi đào xới đất trong vườn, trông ông chẳng

khác chỉ một con thú đang lùng sục một vật gì. Bố tôi đẩy với đôi cánh tay dài chuyển động thoăn thoắt, trồng cây, nện đất, tia lá, xén cành, gương mặt ngăm đen của bố lúc nào cũng cúi gằm xuống đất theo dõi công việc đang làm, đôi mắt bố không hề ngước lên, không hề nhìn tôi, nhìn mẹ, trừ khi chúng tôi quỳ xuống bên ông để nghe hương đất ẩm thấm qua lớp vải quần nơi đầu gối, để vùi hai bàn tay vào lớp mùn đen, không nhìn lên bầu trời chói chang cuồng bạo. Lúc ấy, bố tôi thường liếc nhìn mẹ, nhìn tôi, nháy mắt âu yếm rồi tiếp tục công việc, khom lưng cúi mặt, bầu trời dội nắng xuống lưng người.

Đêm ấy chúng tôi ngồi trên xích đu bên hàng hiên; chiếc đu tự động đưa đẩy chúng tôi, quạt gió vào mặt mũi và phát tiếng nhạc du dương. Đêm hè trăng sáng, chúng tôi uống nước chanh giải khát, những chiếc cốc lạnh nằm trong bàn tay, và bố vừa hút thuốc vừa kể cho tôi nghe chuyện xưa – thuở bố còn là một chú bé vào năm 1997. Sau một lúc, bố nói với tôi; vẫn cái câu hỏi thường lệ:

- Sao dạo này con không ra đường chơi hờ con?

Tôi không nói gì cả; mẹ tôi lên tiếng trả lời thay tôi:

- Vẫn có đấy chứ, vào những đêm khi bố vắng nhà.

Bố nhìn tôi, và lần đầu tiên trong ngày, bố ngước nhìn bầu trời. Mẹ luôn luôn quan sát bố mỗi khi ông hướng mắt về các vì sao. Ngày và đêm đầu tiên trở về quê nhà, bố thường rất ít nhìn trời. Tôi nhớ mãi hình ảnh bố làm vườn, xới đất một cách thịnh nộ hết sức, gương mặt ông thiếu điều muốn cắm sâu vào đất đen. Nhưng sang đêm thứ hai, bố thỉnh thoảng cũng ngước lên nhìn sao trời. Bầu trời ban ngày không làm mẹ tôi lo sợ mấy, nhưng đến tối thì bà cứ mong mỏi cho những vì sao kia tắt phụt đi, và đôi lúc tôi tưởng chừng như mẹ đang dò tìm một nút công-tắc nào đó trong tâm trí để dập tắt tất cả ánh sao nhưng chẳng tìm ra. Và đến đêm thứ ba, bố thường ra ngồi ở hàng hiên mãi đến giờ đi ngủ cũng chưa vào nhà. Lúc ấy tôi thường nghe mẹ gọi bố nhắc nhở như mẹ đôi khi vẫn gọi với ra đường nhắc nhở tôi. Rồi sau đó, tôi cũng thường nghe tiếng bố thở dài, khép cửa. Thế là sáng hôm sau, lúc điểm tâm, tôi nhìn thấy chiếc va-li nhỏ màu đen nằm cạnh chân bố trong khi bố phết bơ vào bánh mì và mẹ còn ngủ muộn màng.

- Chà, hẹn gặp lại con, – bố nói khi người bắt tay tôi.

- Sau ba tháng nữa chứ gì?

- Đúng.

Và bố bước xuống đường, không đón trực thăng, tắc-xi hay xe buýt, mà chỉ đi bộ cùng bộ đồng phục dấu kín trong chiếc va-li con cặp dưới nách; bố không thích người ta cho là bố lên mặt vì được làm Nhà Phi Hành.

Mãi một giờ sau đó, mẹ mới ra khỏi phòng để dùng bữa sáng; chỉ một mẫu bánh mì nướng khô khan.

Nhưng đêm nay là đêm đầu tiên bố trở về, đêm hạnh phúc, và bố không nhìn ngắm trời sao quá lâu đâu.

- Ta đi xem hội chợ đi, bố, – tôi đề nghị.

- Ý kiến hay, – bố nói.

Mẹ nhìn tôi cười vui.

Và chúng tôi lên trực thăng bay vèo đến thành phố, đưa bố đi xem cả nghìn gian hàng trưng bày để bắt bố phải cúi đầu cùng chúng tôi ngắm nghía chứ không được nhìn đi đâu khác. Trong lúc chúng tôi cười phá lên trước những điều ngộ nghĩnh hay làm mặt nghiêm trước những điều trang trọng, tôi cứ nghĩ miên man: Bố mình thường xuyên bay đến Thổ Tinh, Hải Vương Tinh, Diêm Vương Tinh, thế mà chẳng đời nào bố mang quà về cho mình. Mấy đứa kia mỗi lần bố chúng từ không gian trở về đều mang cho chúng những mẫu quặng, những khối vụn thạch đen, hay ít cát màu xanh. Nhưng qua đổi chác với các bạn, mình cũng thu nhặt được một bộ sưu tập riêng và chất đầy phòng những viên đá Hoả Tinh cùng bột cát Thuỷ Tinh, vậy mà bố chẳng bao giờ bình phẩm gì đến những thứ đó.

Tôi nhớ bố đôi khi cũng mang quà về cho mẹ. Có một lần bố đã trồng trong nhà một cây hướng dương Hoả Tinh, nhưng sau khi bố ra đi được một tháng và mấy cây hướng dương ấy đã lớn mạnh thì một hôm mẹ tôi chạy ra chặt trụi tất cả.

Khi chúng tôi dừng chân bên một gian hàng trưng bày ba chiều, đột nhiên tôi buột miệng hỏi bố một câu mà tôi luôn thắc mắc:

- Được ra ngoài không gian thì như thế nào hở bố?

Mẹ ném cho tôi một cái nhìn sợ hãi. Quá muộn rồi.

Bố đứng lặng người hồi lâu cố tìm kiếm câu trả lời, rồi bố nhún vai.

- Đó là điều tuyệt vời nhất trong những điều tuyệt vời trên đời này. – Nói đến đó, bố vội lảng sang chuyện khác. – Ồ, thực ra cũng chẳng có gì đáng nói. Bình thường thôi. Chắc con không thích đâu. – Bố nhìn tôi với vẻ lo ngại.

- Nhưng chính bố luôn quay lại với không gian.

- Thói quen mà, con.

- Lần tới bố sẽ bay đi đâu?

- Bố vẫn chưa quyết định. Để bố tính xem.

Bố lúc nào cũng nghĩ đến điều đó. Vào thời ấy, phi công hoả tiễn còn hiếm nên bố có thể chọn lựa nhiệm vụ và làm việc theo ý thích. Vào đêm thứ ba mỗi lần trở về nhà, chúng tôi biết, bố đang lựa chọn cho mình một cái đích giữa ngàn sao.

- Đi đi, – mẹ lên tiếng, – ta về nhà thôi.

Về đến nhà trời vẫn chưa khuya, tôi muốn bố khoác bộ đồng phục vào. Lẽ ra tôi không nên yêu cầu điều đó – mẹ tôi chẳng bao giờ hài lòng đâu – nhưng tôi không làm sao kiềm chế được. Tôi kéo nài bố dù bố luôn chối từ. Tôi chưa lần nào được nhìn thấy bố trong bộ đồng phục ấy và sau rốt, ông nhượng bộ.

Chúng tôi chờ ở phòng khách trong lúc bố lên lầu. Mẹ thần thờ nhìn tôi như dường bà không sao tin được rằng chính con trai mình lại có thể gây cho bà niềm đau ấy.

- Con xin lỗi mẹ, – Tôi nói, không dám nhìn vào mắt mẹ.

- Con chẳng giúp mẹ chút nào, – mẹ bảo. – Không giúp được gì hết.

- Bố đây, – tiếng bố vang lên lặng lẽ.

Chúng tôi quay lại. Bố đứng đấy, trong bộ đồng phục đen huyền, bóng loáng với những chiếc khuy bạc và những đường viền bạc quanh gót đôi ủng màu đen; giống như ai đó đã tạc nên một thân hình với đôi tay, đôi chân từ một tinh vân âm u cùng những đốm sao nhạt nhoà toả sáng. Bộ đồng phục ôm sát lấy người bố tựa một chiếc găng bó khít một bàn tay thon mảnh; nó toát ra hương vị mát lạnh của bầu trời, của kim khí và của không gian.

Bố đứng ngay giữa phòng, mỉm cười gượng gạo.

- Xoay một vòng xem nào, – Mẹ nói.

Mắt mẹ nhìn bố, xa vời.

Những khi bố ra đi, mẹ không hề nhắc đến tên ông. Bà không hề thốt một lời nào trong mọi chuyện ngoại trừ những vấn đề thời tiết hay bệnh tật của tôi, hoặc việc bà mất ngủ nhiều đêm. Có lần mẹ than phiền rằng vào buổi tối ánh sáng lại quá chói chang.

- Nhưng tuần này đâu có trăng, mẹ ơi, – tôi ngạc nhiên.

- Nhưng còn ánh sao kìa.

Tôi ra cửa hàng mua cho mẹ một số mảnh cửa xanh hơn, sậm hơn. Mỗi tối lên giường nằm, tôi nghe rõ tiếng mẹ kéo mảnh sát tận đáy cửa sổ. Tiếng mảnh buông soàn soạt chói tai.

Một lần khác, tôi toan cắt cỏ ngoài sân. Mẹ đứng trên ngưỡng cửa ngăn lại.

- Đừng. Cắt cái máy cắt cỏ đi, con.

Thế là cỏ mọc lan tràn suốt ba tháng liền không ai cắt. Khi bố về, ông mới xén tỉa bãi cỏ gọn gàng.

Mẹ cũng không cho tôi làm bất cứ chuyện gì khác trong nhà. Mọi chuyện bà cứ để mặc đó như người ta dành dụm tiền chờ Lễ Giáng Sinh. Và rồi tôi

thường thấy bố hì hục nện búa, gò, đập, làm tất cả, miệng luôn tươi cười; và sau lưng bố, mẹ cũng tươi cười, hạnh phúc.

Không, mẹ chẳng đời nào nhắc đến bố khi bố vắng nhà. Còn bố ở ngoài triệu dặm xa cũng chẳng hề liên lạc với gia đình. Có dạo, bố bảo mẹ:

- Nếu anh gọi vô tuyến cho em thì anh lại muốn có em bên cạnh. Như vậy anh sẽ buồn nhớ lắm.

Một lần nọ, bố nói với tôi:

- Mẹ con đối xử cứ như là không có bố ở nhà vậy. Làm như bố vô hình không bằng.

Điều này thì đúng. Mẹ tôi thường nhìn xa xôi qua vai bố tôi, nhìn vào cằm hay vào đôi tay ông, nhưng không bao giờ nhìn vào đôi mắt. Nếu hoá hoãn có nhìn vào mắt bố đi nữa thì lúc đó ánh mắt của mẹ lại mờ hẳn đi chẳng khác chi một con thú ngái ngủ. Bà vâng dạ, bà mỉm cười với bố song những lời nói, những cử chỉ ấy lúc nào cũng có một vẻ ngại ngùng, miễn cưỡng.

Nhưng có nhiều hôm, cả bố lẫn mẹ đều khác hẳn mọi ngày. Hai người thường nắm tay nhau đi dạo vòng quanh khu phố hay đi chơi xa bằng xe hơi; mái tóc mẹ xoã dài bay trong gió như mái tóc thiếu nữ; và những lần ấy mẹ thường dọn hết các máy nấu ăn tự động trong bếp để chính tay bà làm cho bố những chiếc bánh ngọt tuyệt vời, mắt mẹ nhìn sâu trong mắt bố, nụ cười mẹ đích thực nụ cười. Nhưng khi kết thúc một ngày như thế, mẹ luôn luôn khóc oà. Còn bố lúc đó chỉ biết đứng bất lực, đảo mắt khắp phòng như dường muốn tìm một câu trả lời song không bao giờ tìm thấy được.

Trong bộ đồng phục, bố chậm chậm xoay tròn cho chúng tôi ngắm nghía.

- Xoay người một lần nữa đi, anh, – mẹ nói.

Sáng hôm sau, bố chạy ào vào nhà, hai tay nắm đầy những chiếc vé. Vé hoá tiền màu hồng đi California, vé màu xanh đi Mexico.

- Lên đường nào! – Bố reo lên. – Chúng ta sẽ mua áo quần tiện dụng, khi chúng đã dơ thì chỉ việc vứt đi. Này, chúng ta sẽ đi chuyển hoá tiền buổi trưa

bay đến Los Angeles, đón chuyển trực thăng hai giờ chiều đến Santa Barbara, lên chuyển máy bay chín giờ tối đến Ensenada, ngủ qua đêm!

Và chúng tôi đến California, bay ngang dọc khắp vùng duyên hải Thái Bình Dương suốt một ngày rưỡi, cuối cùng hạ cánh trên bãi cát Malibu để nướng xúc xích ăn tối. Bố luôn miệng hát nghêu ngao, hay lắng nghe, nhìn ngắm mọi chuyện chung quanh, tán gẫu đủ thứ chuyện trên đời cứ như thể thế giới này là một bộ máy ly tâm đang quay tít nhanh đến mức có thể bắn ông bay vèo xa rồi chúng tôi bất cứ lúc nào.

Buổi trưa hôm trước ở Malibu, mẹ lên phòng khách sạn nghỉ ngơi trong khi bố nằm dài trên bãi cát sưởi nắng ấm bên cạnh tôi rất lâu. Đôi mắt bố khép hờ; ông nằm ngửa lưng, tận hưởng mặt trời.

- A, thế đấy! – Bố bỗng thốt lên. – Mi nhớ nó rồi!

Đương nhiên, ông muốn nói đến "những chuyến bay". Nhưng không khi nào ông nói "hoả tiễn" hay đề cập tới những thiếu thốn trong những chuyến du hành không gian. Trên hoả tiễn, người ta không thể nếm hơi gió biển mặn nồng, bầu trời xanh, mặt trời vàng, hay thưởng thức tài nấu nướng của mẹ. Người ta đâu thể chuyện trò với đứa con trai mười bốn tuổi trong chuyến bay được.

- Con nghe bố nói này, – ông bảo tôi.

Và tôi biết ngay hai bố con như thường lệ sẽ trò chuyện một mạch luôn ba giờ đồng hồ. Suốt buổi trưa dưới ánh nắng biếng lười, chúng tôi cứ thủ thỉ qua lại về chuyện học hành của tôi, tôi nhảy cao chừng nào, tôi bơi nhanh bao nhiêu.

Vừa nghe tôi kể chuyện, bố vừa gật đầu, mỉm cười, hay âu yếm đập khẽ vào ngực tôi tỏ vẻ tán thành. Chúng tôi không nhắc đến hoả tiễn mà nói về Mexico, nơi đã có lần chúng tôi đến thăm bằng một chiếc xe hơi cổ lỗ sĩ, nhắc đến những cánh bướm chúng tôi bắt được trong rừng trưa Mexico nắng ấm ngát xanh – cả trăm con bướm đã bị hút cứng vào bộ máy tản nhiệt của xe hơi chúng tôi, chết luôn tại đó, những đôi cánh xanh tím, run bần bật, rất đẹp và rất buồn. Hai bố con cứ nói về những chuyện như vậy thay vì nhắc đến điều tôi khao khát muốn nói. Và bố lắng nghe tôi, lắng nghe hết sức chăm

chú như dường bố đang cố sức gom trọn vào lòng tất cả âm thanh ông có thể nghe thấy. Ông lắng nghe tiếng gió, tiếng biển giạt ròng, và tiếng nói tôi, với sự tập trung say mê tựa hồ mọi vật chất tự nhiên đều bị tiết trừ và chỉ có âm thanh là tồn tại. Bố nhắm nghiền mắt lại, lắng nghe. Tôi thường thấy bố lắng nghe tiếng máy cắt cỏ rầm rì những khi ông tự tay sửa sang lại bãi cỏ chứ không dùng dụng cụ điều khiển từ xa, và tôi thường bắt gặp bố tôi hít ngửi hương cỏ bay khi những vụn cỏ bị hút tọt vào lòng máy cắt phun vọt ra phía sau như suối biếc xanh.

- Con ơi, bố muốn con hứa với bố một điều, – Bố đã nói với tôi khoảng năm giờ chiều hôm đó, khi cả hai nhặt mấy chiếc khăn tắm và men theo con sóng ven bờ bước về.

- Điều gì, bố?

- Đừng bao giờ trở thành một Nhà Phi Hành.

Tôi ngừng lại. Bố tôi nói tiếp:

- Bố nói nghiêm túc đấy. Bởi vì khi con ra ngoài không gian con lại muốn có mặt ở quê nhà, và khi con trở về thì con lại khao khát ra đi. Đừng bắt đầu như thế. Đừng để nó chế ngự chính con.

- Nhưng...

- Con không biết rõ điều này như thế nào đâu. Mỗi lần bay vào không gian, bố lại nghĩ. Nếu bao giờ trở lại Địa Cầu thì mình sẽ ở lại đấy luôn; không đời nào ra đi nữa. Nhưng bố vẫn ra đi, và chắc rằng bố sẽ luôn đi nữa.

- Con đã nghĩ đến việc trở thành một Nhà Phi Hành suốt bấy lâu nay, – tôi nói.

- Mình đã cố sức để ở lại đất này. – Bố nói lơ đãng, rõ ràng là bố không nghe tôi. – Thứ Bảy vừa rồi, lúc về nhà, mình đã cố gắng hết sức để ở lại đây.

Tôi nhớ lại cảnh bố làm vườn, mồ hôi ròng ròng, nhớ tất cả những chuyện du lịch, làm việc và những chú tâm của bố và tôi biết: Bố làm thế để tự thuyết phục chính bố rằng thành phố này, vùng biển này, mảnh đất này, cùng với

mái ấm gia đình chính là những điều duy nhất có thực và tốt đẹp. Nhưng tôi biết đêm nay bố sẽ đi đâu – ra trước hàng hiên mà nhìn ngắm chòm sao Orion lóng lánh kim cương.

- Hãy hứa rằng con sẽ không giống bố, con nhé.

Tôi đáp sau một lúc lưỡng lự:

- Vâng ạ.

- Con ngoan quá, – bố xiết chặt tay tôi.

Bữa ăn tối hôm ấy thật ngon lành. Mẹ đã tắt bếp trong bếp với xoong chảo, bột nhồi, gia vị, và giờ đây một con gà tây to kênh nằm bốc khói trên bàn ăn cùng nước xốt, rau đậu với bánh nhân thịt. Bố kinh ngạc kêu lên:

- Chưa đến Lễ Tạ Ơn mà ăn uống thịnh soạn thế ư?

- Chờ đến Lễ Tạ Ơn thì đâu còn anh ở đây.

- Quả thế thật.

Bố hít lấy hít để mùi thức ăn thơm phức. Bố giở nắp đậy của từng đĩa một lên cho hương thơm bốc nghi ngút vào khuôn mặt rám nắng của ông. Cứ mỗi đĩa được giở ra là bố lại "A!" lên một tiếng. Bố nhìn quanh phòng rồi nhìn hai bàn tay. Bố chăm chăm dán mắt vào mấy bức tranh trên tường, vào mấy chiếc ghế, cái bàn, rồi nhìn tôi, nhìn mẹ. Bố hắng giọng. Tôi thấy rõ bố đã quyết định.

- Em yêu?

- Gì hử anh? – Mẹ lướt mắt khắp mặt bàn mà mẹ đã sắp đặt như một cạm bẫy diệu kỳ, một hố thăm thiêng liêng để có thể dồn cho bố rơi vào, giẫy giụa tựa một con thú mắc kẹt trong đầm lầy, nhốt kín bố trong buồng tim tù ngục và ở đó bố sẽ mãi mãi an toàn. Đôi mắt mẹ long lanh.

- Em yêu, – bố nói.

Nói tiếp đi, bố ơi; tôi thầm thúc giục. Nói mau lên: hãy nói rằng lần này bố sẽ

ở nhà, vĩnh viễn không ra đi nữa, nói đi!

Đúng lúc ấy một chiếc trực thăng bay qua làm căn phòng và các cửa kiếng rung động lạnh lạnh. Bố liếc nhìn qua cửa sổ.

Kìa, những vì sao xanh hoàng hôn và kìa, Hoả Tinh rực đỏ đang dâng cao phía trời Tây.

Bố nhìn ngắm Hoả Tinh trọn một phút. Rồi bố thần thờ bảo mẹ:

- Cho anh ít đậu, em nhé.

- Xin lỗi, – Mẹ kêu lên, – Để em đi lấy bánh mì đã.

Mẹ chạy ngay xuống bếp.

- Nhưng bánh mì đã có sẵn trên bàn rồi mà! – Tôi sửng sốt.

Bố ăn lặng lẽ, không một lúc nào đưa mắt nhìn tôi.

Đêm ấy tôi không sao ngủ được. Tôi bước xuống nhà dưới vào lúc một giờ sáng; ánh trăng trắng xoá như băng trên mọi mái nhà và sương khuya trên bãi cỏ lấp lánh như cánh đồng tuyết. Tôi mặc đồ ngủ đứng ngay ngưỡng cửa, nghe gió đêm nồng ấm mơn man và chợt thấy bố đang ngồi trên chiếc xích đu trước hàng hiên. Tôi có thể thấy rõ gương mặt trông nghiêng của bố hơi ngẩng lên: bố đang nhìn theo ngàn sao đang cuộn xoáy trên trời. Đôi mắt bố trông hệt như một tinh thể màu xám, mỗi con mắt là một mặt trăng.

Tôi bước ra ngồi cạnh bố. Chiếc đu vẫn lặng lẽ đong đưa; không ai lên tiếng hồi lâu. Cuối cùng tôi hỏi:

- Trong không gian, người ta thường chết vì bao nhiêu nguyên do?

- Cả triệu nguyên do.

- Kể cho con nghe vài cái đi.

- Vẫn thạch giáng vào con này. Hoả tiễn của con hết dưỡng khí này. Hoặc là những sao chổi cuốn con theo. Hay là do chấn động. Do tắc nghẽn. Do sức

nổ. Do lực ly tâm. Gia tốc quá lớn cũng chết. Quá nhỏ cũng chết. Nóng, lạnh, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, hành tinh, tinh vân, phóng xạ...

- Thế chết trong không gian thì có được chôn cất không?

- Không đời nào tìm ra người chết đâu mà chôn.

- Thế người chết sẽ đi đâu.

- Hàng tỉ dặm vời vợi. Những năm mờ lãng du; chết trong không gian là thế đấy. Người ta sẽ trở thành một vãn thạch hay một thiên tinh mãi mãi lang thang trong không gian.

Tôi không nói gì. Bố tiếp tục sau một lúc im lặng:

- Chỉ có điều là cái chết trong không gian xảy ra rất nhanh chóng. Ngừng thở. Thế là xong. Thậm chí nhiều khi người ta còn không biết nữa kia. Chết và chấm hết.

Chúng tôi vào nhà đi ngủ.

Buổi sáng.

Đứng trên ngưỡng cửa, bố lắng nghe con chim hoàng yến hót trong lồng vàng.

- Này con, – bố bảo tôi, – bố đã quyết định rồi. Lần tới trở về là bố sẽ ở nhà luôn.

- Ôi, bố!

- Con nói cho mẹ hay khi nào mẹ thức dậy.

- Bố nói thật đấy ư!

Bố nghiêm nghị gật đầu.

- Hẹn gặp con sau ba tháng nữa.

Và bố bước thẳng xuống đường, mang theo bộ đồng phục trong chiếc va-li bí mật, vừa huýt gió vừa ngắm nhìn hàng cây tươi xanh cao vút, ngắt vài quả đại khi đi ngang bụi cây rồi ném tung ra trước mặt khi bố bước vào bóng râm tươi sáng của tinh sương...

Tôi đã hỏi mẹ đôi điều ngay sáng hôm đó sau khi bố ra đi được mấy tiếng đồng hồ.

- Bố bảo rằng nhiều khi mẹ cư xử cứ như là không có bố trên đời vậy.

Và mẹ lặng lẽ giải thích mọi điều cho tôi nghe.

- Lúc bố bay vào không gian mười năm trước, mẹ đã nhủ thầm "Anh ấy chết rồi." Hay coi như là đã chết. Và mẹ cứ nghĩ như thế. Rồi những khi bố trở về, ba hay bốn lần một năm thì đó không phải là bố nữa mà chỉ là một giấc mơ hay một kỷ niệm bé nhỏ hân hoan. Và nếu như một kỷ niệm hay một giấc mơ kết thúc thì nó cũng không làm mẹ đớn đau nhiều. Cho nên mẹ hầu như lúc nào cũng nghĩ là bố chết rồi...

- Nhưng có những lần khác...

- Những lần khác thì mẹ không sao kiềm chế mình được. Mẹ làm bánh, nấu nướng và săn sóc bố như thể bố đang sống, để rồi sau đó mẹ lại đau đớn vì chuyện ấy. Không, thà nghĩ rằng bố không có mặt ở nhà suốt mười năm và mẹ sẽ không bao giờ gặp lại bố còn hơn. Như vậy mẹ sẽ bớt đau khổ đi nhiều.

- Thì bố đã nói là lần tới bố sẽ về luôn mà?

Mẹ chậm chậm lắc đầu:

- Không, bố chết rồi. Mẹ tin chắc như thế.

- Nếu vậy thì có ngày bố sẽ sống lại.

- Mười năm trước mẹ đã suy nghĩ: Nếu như bố chết trên Kim Tinh thì sao? Thì chúng ta sẽ không bao giờ có thể nhìn ngắm Kim Tinh được nữa. Nếu bố chết trên Hoả Tinh thì sao? Thì chúng ta sẽ không bao giờ có thể nhìn ngắm Hoả Tinh rực đỏ trên bầu trời mà lại không muốn chạy vào nhà khoá chặt cửa

lại. Còn nếu bố chết trên Mộc Tinh, trên Thổ Tinh, trên Hải Vương Tinh? Vào những đêm mà các hành tinh ấy hiện ra trên trời, chúng ta sẽ không nhìn chúng hay làm bất cứ điều gì liên quan đến chúng.

- Con không nghĩ thế đâu.

Bức điện gửi đến vào ngày hôm sau.

Người đưa tin trao bức điện cho tôi và tôi đứng đọc ngay trên hàng hiên. Mặt trời đang lặn. Mẹ đứng nơi ngưỡng cửa sau lưng tôi, nhìn tôi gấp bức điện cất vào túi.

- Mẹ ơi, – tôi gọi.

- Đừng nói với mẹ những gì mẹ đã biết từ trước, – mẹ nói.

Bà không oà khóc.

Ôi, không phải Hoả Tinh, không phải Kim Tinh, cũng không phải Thổ Tinh hay Mộc Tinh đã giết chết bố tôi. Chúng tôi chẳng cần phải nhớ đến bố mỗi khi Mộc Tinh, Thổ Tinh, hay Hoả Tinh loé sáng trời chiều.

Điều này khác xa.

Con tàu của bố đã đâm vào mặt trời.

Và mặt trời thì khổng lồ, rực lửa, tàn nhẫn, mặt trời luôn hiện diện trên cao và không ai có thể chạy trốn mặt trời.

Cho nên suốt một thời gian dài sau khi bố tôi chết, mẹ tôi ngủ suốt ngày không hề bước chân ra khỏi cửa. Chúng tôi dùng điểm tâm vào lúc giữa khuya, ăn trưa lúc ba giờ đêm, và ăn chiều vào lúc sáu giờ sáng âm u lạnh lẽo. Chúng tôi tham dự những chương trình giải trí hoạt động thâu đêm và lên giường ngủ lúc bình minh, với tất cả màn cửa màu xanh lục tối tăm buông chặt trên mọi cửa sổ.

Và suốt một thời gian dài, những ngày duy nhất chúng tôi ra phố dạo chơi là những ngày mưa khuất bóng mặt trời.

Ngày Đầu Tiên

(Nguyên tác: First Day)

Charles Douglas liếc qua tờ báo và thấy cái ngày tháng đó trong lúc đang ăn sáng. Ông cắn thêm miếng bánh mì và xem lại lần nữa rồi đặt tờ báo xuống.

- Ôi, trời đất, – ông nói.

- Gì thế? – Alice, vợ ông, giật mình ngẩng lên.

- Ngày này. Nhìn xem! Mười bốn tháng Chín.

- Mà sao? – Alice hỏi.

- Ngày đầu tiên của năm học!

- Ông nói gì? – Bà hỏi lại.

- Ngày đầu tiên của năm học, bà biết rồi, nghỉ hè đã hết, mọi người tựu trường, những gương mặt cũ; những bạn bè cũ.

Alice nhìn ông chăm chú vì ông đang dợm đứng lên.

- Ông nói rõ hơn coi.

- Thì hôm nay không phải ngày đầu tiên của năm học sao? – Ông nói.

- Có liên quan gì đến mình đâu? – Bà nói. – Mình đâu có gia đình, mình chẳng quen biết thầy cô giáo nào, mình còn không có bạn bè nào gần đây có con nít nữa mà.

- Đúng, nhưng..., – Charlie vừa nói vừa cầm tờ báo lên trở lại, giọng lạ hẳn đi. – Nhưng tôi đã hứa.

- Hứa gì? Với ai?

- Đám bạn cũ, – ông nói. – Nhiều năm trước. Mấy giờ rồi?

- Bảy giờ rưỡi.

- Vậy thì phải nhanh nhanh, – ông nói, – kéo bỏ lờ mắt

- Để tôi lấy thêm cà phê cho ông. Từ từ đã. Trời, trông ông thấy ghê.

- Tôi vừa sức nhớ, – ông nhìn bà rót cà phê đầy cốc. – Tôi đã hứa. Với Ross Simpson, Jack Smith, Gordon Haines. Gần như bọn tôi đã cắt máu ăn thề. Hẹn nhau sẽ gặp lại, ngày đầu tiên tựu trường năm mươi năm sau khi tốt nghiệp.

Vợ ông ngả lưng ra ghế, đặt ấm cà phê xuống.

- Mọi chuyện này liên quan ngày đầu tiên của năm học 1938 à?

- Ờ, năm 38.

- Và lúc đó anh đứng xớ rớ với Ross với Jack và với tên gì quên mất...

- Gordon! Bọn tôi đâu có đứng xớ rớ. Đứa nào cũng biết rồi mình sẽ ra đời và có thể sẽ nhiều năm, hoặc không bao giờ, gặp lại, nhưng bọn tôi thề, dù gì thì gì, cả bọn đều phải nhớ và quay về, xa bốn phương trời cũng phải về, để gặp nhau trước trường cũ bên cột cờ, vào năm 1988.

- Ai cũng hứa như vậy à?

- Đúng, hứa nghiêm túc. Còn tôi thì đang ngồi đây nói đủ thứ trong khi lẽ ra tôi phải biến ra khỏi nhà rồi.

- Charlie, – Alice nói, – ông có biết là trường cũ của ông cách đây bốn mươi dặm không.

- Ba mươi.

- Ba mươi. Và ông phải lái xe tới tận đó và...

- Tới nơi trước buổi trưa, hẳn rồi.
- Ông có biết chuyện này nghe nó sao sao không, Charlie?
- Khùng chứ sao, – ông nói từ tốn. – Cứ nói thẳng ra vậy đi.
- Và nếu ông tới đó mà chẳng có ai lộ mặt ra thì sao?
- Thế là thế nào? – Ông cao giọng hỏi.
- Ý tôi là nếu như chỉ có mỗi mình ông là điên khùng tin vào...
- Ai cũng hứa! – Ông cắt lời.
- Nhưng lâu lắc lâu lơ rồi!
- Ai cũng hứa!
- Nhưng nếu như lâu nay họ đã đổi ý, hay là quên mất rồi thì sao?
- Không ai quên được đâu.
- Sao lại không?
- Bởi vì họ là những đứa bạn thân nhất của tôi, thân suốt đời, không ai có được bạn bè như thế đâu.
- Ôi trời, – bà nói. – Thật thương ông, ông ngây thơ quá.
- Tôi vậy đó chứ sao? Đấy, tôi mà còn nhớ thì tại sao họ lại quên được?
- Bởi vì ông là trường hợp đặc biệt điên khùng!
- Bà quá khen!
- À, không đúng vậy sao? Thử nhìn cái phòng làm việc của ông trên lầu coi, toàn là đồ chơi tàu lửa, rô-bốt, thú nhồi bông, bích chương xi-nê.
- Rồi sao?

- Thử nhìn tủ hồ sơ của ông coi, toàn là thư gửi từ những năm 1960, 1950, 1940, ông chẳng chịu vứt bỏ cái nào.

- Toàn những thư từ đặc biệt.

- Với ông thì đúng. Nhưng ông có thật sự nghĩ là những bạn bè, hay những người xa lạ ấy, còn lưu giữ thư từ của ông như ông đã lưu giữ của họ không?

- Tôi viết thư hay lắm.

- Hẳn rồi. Nhưng thử gọi điện cho vài người có thư từ với ông, nói họ gửi lại cho ông vài lá thư cũ ông đã viết. Ông nghĩ sẽ có bao nhiêu lá thư sẽ gửi trả lại?

Ông im lặng.

- Mốc xì, – bà nói.

- Không nói năng kiểu đó, – ông nói.

- Bộ "mốc xì" là tiếng chửi bậy sao?

- Cái cách bà nói chẳng khác gì chửi bậy đó.

- Charlie!

- Không có Charlie gì hết!

- Thế cái lần kỷ niệm cái câu lạc bộ diễn kịch của ông mà ông chạy đôn chạy đáo để gặp cái cô ngớ ngẩn Sally hay gì gì đó, và cô ta chẳng hề nhớ ra, chẳng hề nhận biết ông là ai thì sao nào?

- Cứ nói nữa đi, kể nữa đi, – ông nói.

- Ôi trời, – bà nói. – Tôi không có ý phá hỏng niềm vui của ông, tôi chỉ muốn ông không bị thương tổn.

- Da tôi dày lắm.

- Vậy à? Ông nói thì ngon lắm, đừng chuyện thì chẳng ra làm sao.

Ông đang đứng dậy. Bà càng nói ông càng rướn người đầy quyết tâm.

- Bà chống mắt mà coi, – ông nói.

- Ờ, – bà thờ hắt ra, mệt mỏi. – Ông ngon thì cứ đi, Charlie.

- Tôi ra tới cửa rồi, – ông nói.

Bà nhìn ông chăm chăm.

- Tôi đi đây.

Và cánh cửa đóng lại.

Chúa ơi, ông nghĩ, nôn nao chẳng khác gì đợi Tết.

Ông nhấn chân ga thật mạnh, buông ra, nhấn nữa, và nhả từ từ, tùy theo những ý nghĩ hỗn độn như bầy ong trong tâm trí.

Hay là giống như lễ Halloween, khuya khoắt, trò vui đã hết, và mọi người về nhà, ông nghĩ. Giống cái nào?

Thế là ông lái xe đi với tốc độ đều đều, liên tục liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Còn đủ thời gian, chắc chắn, nhiều thời gian lắm, nhưng ông phải tới đó trước buổi trưa.

Nhưng chuyện này là cái đích gì vậy? Ông tự hỏi. Nếu Alice nói đúng? Một cuộc tìm kiếm uống phí vô ích, một chuyến đi công cốc chẳng được gì? Sao lại quan trọng vậy chứ? Nói cho cùng thì những bạn bè đó là ai chứ, giờ toàn xa lạ hết, biết họ ra sao? Không thư từ, không điện thoại, không tình cờ chạm trán, không thấy cáo phó. Dẹp chuyện cáo phó đi! Nhấn ga nào, vui lên! Lạy Chúa, ông nghĩ, mình nôn nao quá. Ông bật cười to. Lần cuối cùng ông nói như thế là bao giờ nhỉ? Lúc còn nhỏ ông luôn nôn nao mong ngóng, ông có một danh sách những chuyện không thể chờ được. Lễ Giáng Sinh, Chúa ơi, lúc nào cũng xa vời cả tỉ dặm. Lễ Phục Sinh? Nửa triệu dặm. Halloween? Ôi

Halloween tuyệt vời, bí ngô này, chạy nhảy này, la hét này, gõ cửa sổ, nhấn chuông cửa, rồi đeo mặt nạ, tắm bồn nóng bỏng hơi thở trùn lên mặt mình. Mọi lễ Halloween! Ngày tuyệt vời nhất. Nhưng còn chờ lâu như cả cuộc đời. Rồi lễ Quốc Khánh với bao mong đợi, cố gắng là người đầu tiên ra khỏi giường, người đầu tiên mặc bữa áo xống, người đầu tiên nhảy ra bãi cỏ, người đầu tiên thắp sáng những lồng đèn, người đầu tiên đốt pháo nổ toang thành phố! Đây, nghe đi! Người đầu tiên! Quốc khánh! Nôn nao quá. Không chờ được!

Nhưng thời đó thì hầu như mọi ngày đều là ngày nôn nóng mong chờ. Những tiệc sinh nhật, những chuyến đi tới hồ nước mát mẻ vào những trưa nóng bức, các bộ phim Lon Chaney, thằng gù nhà thờ Đức Bà, hồn ma nhà hát opera. Không chờ được. Đi đào bới các hang hốc trong khe núi. Các ảo thuật gia về biểu diễn sau nhiều năm vắng bóng. Không nôn nao sao được! Phóng tới ngay. Đốt sáng những que pháo bông. Không chờ đâu. Không.

Ông cho xe chạy chậm lại, mắt đắm đắm nhìn xuyên thời gian trước mặt.

Không còn xa nữa, không còn lâu nữa. Ross Lão Gia. Jack Văn Hào. Gordon Công Tử. Cả bọn. Những kẻ bất khả chiến bại. Không phải ba mà là bốn, tính luôn ông nữa, những chàng Ngự lâm quân.

Ông điểm lại danh sách, sao mà ác liệt. Ross, thằng chó bảnh trai, trông già hơn cả bọn dù tất cả đều cùng tuổi, thông minh nhưng không khoe khoang, đạp xe học bao nhiêu lớp không hề ngán, điểm cao lấy dễ như chơi. Nó đọc nhiều sách, thích chương trình radio hài của Fred Allen phát ngày thứ Tư để trưa hôm sau kể lại hết những chuyện tiểu lâm hay nhất. Nó nghèo nhưng áo quần chăm chút. Một cà vạt đẹp, một thắt lưng đẹp, một áo khoác, một cái quần tây, luôn ủi thẳng nếp, luôn sạch sẽ. Ross. Còn ai nữa, Ross Lão Gia.

Và Jack, nhà văn tương lai sẽ chinh phục thế giới và lừng danh số một lịch sử. Nó đã hét lên như thế, nó đã nói thế, với sáu cây bút trong túi áo và một tập giấy màu vàng đợi chờ qua mặt Steinbeck. Jack Văn Hào.

Và Gordon Công Tử, cái thằng ung dung bước qua xác cả đồng con gái rên khóc trên sân trường, bởi vì nó chỉ cần liếc mắt một cái là các em rụng tim lột lớp.

Ross, Jack, Gordon, một bọn ác liệt.

Ông lái xe lúc nhanh lúc chậm, bây giờ chậm lại.

Nhưng tụi nó sẽ nghĩ gì về mình? Mình đã làm ra trò không, hay là quá giỏi? Chín mười truyện ngắn, sáu tiểu thuyết, một bộ phim, năm vở kịch – cũng không tệ. Mẹ kiếp, ông nghĩ, mình sẽ không nói, ai cần chứ, mình cứ im mồm, cứ để chúng nói, mình nghe, câu chuyện sẽ tuyệt lắm.

Bọn mình sẽ nói gì trước đây, ý mình là ngay khi cả bọn ló mặt tới, cả đám bạn cũ, bên cột cờ? Xin chào? Ê mày. Trời, tụi bay tới đây thật rồi! Mày thế nào, có gì mới, OK chứ, khoẻ không? Vợ con, cháu chắt, hoàn cảnh, khai ra hết coi. Hả, cái gì?

Được, ông nghĩ, mình là nhà văn. Hãy bịa ra cái gì đó chứ đừng chào suông, phải đọc cái gì đó ca tụng dịp này. Một bài thơ. Ô, tụi nó có chịu đứng yên nghe đọc thơ không? Nói như vậy có quá lố không? Tao nhớ tụi bay quá, nhớ hết cả bọn. Không. Hay nhất là nói: Các bạn thân thương.

Ông cho xe chạy chậm hơn nữa, vừa lái vừa nhìn những bóng râm qua kính xe trước mặt.

Nhưng nếu tụi nó không xuất hiện thì sao? Tụi nó sẽ đến. Nhất định. Và nếu tụi nó đến thì mọi chuyện chắc có tốt đẹp không? Bọn con trai đứa nào chả thế, nếu tụi nó sống khó khăn, gia đình rối ren, đủ thứ, thì tụi nó sẽ không đến. Nhưng nếu cuộc sống ngon lành, hết sức ngon lành, thì tụi nó sẽ đến. Đó là bằng chứng chứ còn gì nữa? Tụi nó đã thành đạt cho nên sẽ nhớ ngày này mà tới. Đúng hay sai? Đúng!

Ông nhấn chân ga, nhất định cả bọn sẽ tới đó. Rồi ông lại chạy chậm, tin chắc họ không xuất hiện. Rồi lại nhấn ga. Sao mà khổ thế, Chúa ơi, sao mà khổ.

Và ông dừng xe trước cổng trường cũ. Ông ngỡ ngàng vì ở đây không có chỗ đậu xe và bên cột cờ không có nhiều học sinh, cùng lắm chỉ năm sáu đứa. Ông ước gì đông đúc hơn để che giấu sự xuất hiện của những người bạn xưa; họ chắc là không muốn tới đây và lộ diện ngay? Ông cũng không muốn thế. Cứ từ từ len lỏi qua đám đông buổi trưa rồi sẽ có bất ngờ lớn, vậy mới đúng điệu chứ?

Ông ngần ngừ không muốn ra khỏi xe cho tới khi một đám trong trường đi ra, đủ thanh niên nam nữ, tranh nhau trò chuyện và dừng bên cột cờ. Ông thấy vui vì bây giờ đã có đủ số đông để che giấu những ai tới trễ, dù trẻ hay già. Ông bước xuống và lúc đầu không dám quay lưng, sợ phải nhìn thấy, sợ sẽ không có ai ở đó, không có ai tới, không ai còn nhớ, chuyện này đúng là hết sức ngu ngốc. Ông cố cưỡng lại mong muốn nhảy vào xe trở lại và bỏ chạy.

Cột cờ trống trơn. Quanh đó, gần đó có nhiều học sinh, nhưng ngay cột cờ thì chẳng có ai.

Ông đứng nhìn cột cờ chăm chăm cứ như đang trông theo một người nào sẽ tiến tới, lại gần, có lẽ sẽ đưa tay vượt cột cờ.

Tim ông thắt lại, ông chớp mắt, và chợt muốn bỏ đi.

Lúc đó, từ rìa đám đông, ai đó xê dịch.

Một lão già, tóc trắng, bước chậm, mặt nhợt nhạt xanh xao. Một linh hồn cũ kỹ.

Và rồi hai linh hồn khác.

Ôi Chúa, ông nghĩ thầm, họ đấy sao? Họ đã nhớ phải không? Rồi gì nữa?

Họ đứng trong một vòng tròn rộng lớn, không nói năng, không nhìn ngó, không hề cử động, không biết bao lâu.

Ross, ông nghĩ, phải mày không? Còn người kế tiếp, Jack bây giờ đó chứ? Và người cuối cùng? Gordon?

Nét mặt họ trông hệt như nhau. Đằng sau mỗi gương mặt kia hẳn cũng quay cuồng cùng những ý nghĩ ấy.

Charlie chồm người tới. Những người kia cũng chồm tới. Charlie dậm bước tới một chút. Ba người kia cũng nhích chân. Charlie nhìn qua từng gương mặt. Họ cũng làm thế, đưa mắt nhìn nhau. Và rồi...

Charlie bước lui. Một hồi lâu sau nhưng người kia cũng lui bước. Charlie chờ đợi. Ba lão già cũng đợi chờ. Lá cờ bắt gió, nhẹ nhàng phất phơ, trên cột cao.

Tiếng chuông vang lên đầu đó trong trường. Giờ ăn trưa đã xong. Đến giờ vào học. Đám học sinh khắp sân trường giải tán.

Với đám học sinh đang dần vào lớp, với đám đông đang rời khỏi sân trường thì không còn gì nguy trang nữa, không còn gì che giấu nữa, bốn kẻ ấy đứng trong một vòng tròn rộng lớn quanh cột cờ, mỗi người cách nhau chừng ba mươi thước, bốn điểm la bàn của một ngày thu nắng rực.

Có lẽ một trong bốn người đã liếm môi, có lẽ một người chớp mắt, có lẽ một người đã kéo lê một bàn chân tới trước rồi rút về. Bốn mái đầu bạc loà xoà trong gió. Một cơn gió đón lấy lá cờ trên đầu chợt thổi căng phấp phới. Bên trong trường, một tiếng chuông nữa reo vang, dứt khoát.

Ông thấy môi mình mấp máy nhưng không thanh âm nào thoát ra. Ông lặp lại những cái tên, những cái tên tuyệt diệu, những cái tên thân thương, trong những tiếng thì thầm chỉ mình ông nghe thấy.

Ông không còn tự chủ. Thân người tự nó quay nửa vòng, hai chân nhấc theo, và hai bàn chân tự bước. Ông lùi lại và đứng xoay ngang.

Đằng xa bên kia, từng người một trong cơn gió lộng buổi trưa, người xa lạ đầu tiên rồi kế tiếp cũng lần lượt quay người, lùi nửa bước, đợi chờ.

Ông cảm thấy thân xác do dự và muốn di chuyển tới trước chứ không đi về phía chiếc xe. Một lần nữa, ông không hề tự chủ. Đôi giày, tự nó quyết định, lặng lẽ đưa ông đi.

Và thân xác, đôi chân, cùng đôi giày của những người xa lạ kia cũng thế.

Giờ ông đã bước đi, giờ họ cũng bước đi, mỗi người một hướng, chậm chậm, ngoái nhìn sau lưng về phía cột cờ trống trải và lá cờ bay, tự do, cao vợi, phấp phới âm thầm, về phía bãi cỏ trước sân trường vắng lặng, và xuyên thấu bên trong thời khắc của tiếng cười nói ồn ào cùng tiếng ghế xô đẩy vào đúng vị trí.

Họ cả bốn đều bước đi, đều đưa mắt ngoảnh về cột cờ vắng lặng.

Ông đứng sững một lúc, không lê nổi bàn chân. Ông dăm dăm ngoái lại lần

cuối cùng với bàn tay phải ngửa ngáy như muốn nhấc cao. Ông khẽ đưa bàn tay lên, ngờ ngàng nhìn nó.

Và rồi, ba bốn chục thước cách xa, bên kia cột cờ, một trong những kẻ xa lạ ấy, ánh mắt mông lung, giơ cao bàn tay và lặng lẽ vẫy chào, chỉ một cái, vào khoảng không câm nín. Ngoài góc xa, một lão già khác thấy thế cũng làm theo, và người thứ ba cũng đưa tay vẫy.

Ông nhìn thấy bàn tay và cánh tay mình từ từ nhấc cao lên khoảng không, mấy đầu ngón tay máy động một cử chỉ mơ hồ. Ông nhìn bàn tay mình rồi nhìn ra xa về phía những linh hồn già cỗi kia.

Lạy Chúa, ông nghĩ thầm, con đã lầm. Nào phải ngày đầu tiên. Ngày cuối cùng.

Alice đang chiên món gì trong bếp thơm lừng.

Ông đứng ở ngưỡng cửa hồi lâu.

- Này, – bà nói, – vào đi mà thư giãn căng chân.

- Hẳn rồi, – ông nói và đi vào phòng ăn đã thấy trên bàn bày biện bộ dao nĩa đẹp nhất, bát đĩa đẹp nhất, và những ngọn nến thường chỉ dùng cho bữa tối giờ đã thắp sáng, cùng những tấm khăn ăn đẹp nhất đã sắp sẵn, trong lúc Alice chờ chực sau cửa bếp.

- Làm sao bà biết tôi sẽ về đây sớm vậy chứ? – Ông hỏi.

- Tôi không biết, – bà nói. – Tôi thấy ông dừng xe trước cửa. Món thịt lợn xông khói với trứng thì nhanh thôi, chút xíu có liền. Ngồi đi ông.

- Ý kiến hay. – Ông tựa vào lưng ghế nhìn ngắm bộ dao nĩa. – Bà cũng ngồi xuống đi.

Ông ngồi vào bàn và bà đi ra hôn lên trán ông xong lại quay vào bếp.

- Sao? – Bà nói vọng ra.

- Sao cái gì?

- Chuyện đó thế nào? – Bà hỏi.

- Chuyện đó là chuyện gì?

- Ông biết thừa mà, – bà nói. – Ngày trọng đại. Bao nhiêu hứa hẹn. Có ai tới không?

- Còn hỏi! – Ông nói. – Tới đủ hết, – ông nói thêm.

- Chà, kể hết nghe coi.

Bây giờ bà đứng ở ngưỡng cửa nhà bếp, tay mang món ăn đã làm xong. Bà nhìn ông chăm chú.

- Ông có nói chuyện không?

- Tôi ấy hả? – Ông nghiêng người trên mặt bàn. – Ồ, có chứ.

- À, chắc là nhiều chuyện để nói?

- Bọn tôi...

- Sao?

Ông nhìn chiếc đĩa trống chờ chực trên bàn.

Và mấy giọt nước mắt rơi xuống.

- Trời, nhiều lắm! – Ông nói lớn giọng. – Bọn tôi nói mãi không thôi!

Ngày Mãi Mãi Mưa Rơi

(Nguyên tác: He Day It Rained Forever)

Khách sạn ấy trở vờ như một ống xương khô rỗng cắm ngay dưới tâm điểm của vòm trời sa mạc nơi suốt ngày mặt trời đốt thiêu trên mái. Còn suốt đêm, ký ức của vàng dương vẫn máy động trong mọi gian phòng tựa hồn ma một đám cháy rừng xưa. Bởi vì ánh sáng có nghĩa là sức nóng, những ngọn đèn khách sạn vẫn không bật lên dầu trời sụp tối đã lâu. Những người cư ngụ trong khách sạn này thích dò dẫm tìm đường như người mù qua các hành lang trong cuộc kiếm tìm vô tận một hơi gió mát.

Đặc biệt chiều nay, ông Terle chủ khách sạn và hai khách trọ duy nhất, ông Smith và ông Fremley – hai người này trông như hai núi thuốc rê xơ xác, nặng mùi – nán lại rất lâu trên hàng hiên lê thê. Ngồi trên mấy chiếc ghế đu kèn kẹt ngân nga, họ thay nhau thở hào hển, cố khuấy động một chút gió.

- Ông Terle này...? Nếu hôm nào... ông mua được... máy lạnh... thì thật là hay...?

Ông Terle nhắm mắt lại, người buông thõng ra một lúc lâu.

- Lấy đâu ra tiền cho những thứ đấy, ông Smith.

Hai khách trọ già đỏ mặt; đã hai mươi một năm rồi họ chưa hề thanh toán tiền phòng.

Mãi một lúc sau ông Fremley mới hắt ra một tiếng thở dài não nuột.

- Chà, chà, sao bọn ta không bỏ đi, cuốn gói, xéo khỏi chốn này, dọn đến một thành phố đàng hoàng nào đó? Chấm dứt cái oi bức này, khỏi phải chịu thiêu đốt, khỏi phải toát mồ hôi.

- Ai mà thèm mua một cái khách sạn chết trong một thành phố ma chớ? –

Ông Terle lặng lẽ nói. – Không, không đâu, ta cứ phải ngồi đây và chờ, chờ ngày trọng đại 29 tháng Giêng.

Từ từ, cả ba người thôi đồng đưa.

Ngày 29 tháng Giêng.

Ngày độc nhất trong năm khi trời buông thả cho mưa xuống.

- Không còn lâu nữa đâu, – ông Smith xoay nghiêng chiếc đồng hồ hoả xa óng vàng như vàng trắng ẩm mùa hè trong lòng bàn tay. – Còn hai giờ chín phút nữa là đến ngày 29 tháng Giêng. Nhưng trong vòng mười nghìn dặm tôi không hề thấy một đám mây nào cả.

- Trời vẫn mưa vào mọi ngày 29 tháng Giêng từ khi tôi mới sinh ra kìa! – Ông Terle khựng lại, ngạc nhiên vì sự lớn tiếng của chính mình. – Nếu năm nay mưa trễ một ngày thì đó là ý trời. Đành chịu.

Ông Fremley nuốt ực một búng nước bọt và đổi mắt từ đông sang tây nhìn băng qua sa mạc về phía những ngọn núi.

- Tôi không hiểu... người ta có bao giờ đổ xô đi tìm vàng ở quanh đây nữa không nhỉ?

- Làm gì có vàng, – ông Smith lên tiếng, – Và hơn thế nữa kìa, tôi dám cá với anh cũng chẳng có mưa luôn. Không có mưa ngày mai, ngày mốt hay ngày kia. Sẽ không có mưa suốt cả năm nay.

Ba ông già ngồi nhìn đăm đăm lên vàng trắng to vàng hực như mặt trời đang đốt thủng một lỗ trong vùng tĩnh mịch trên cao.

Sau một lúc lâu, họ bắt đầu đồng đưa trên ghế đu như trước.

Những ngọn gió ban mai nóng bức đầu tiên uốn cong những tờ lịch như một mảnh da rắn khô bong trên mặt tiền khách sạn phòng rộp.

Ba người đàn ông vừa móc dây đeo quần trên những bờ vai gầy đét vừa đi

chân không xuống nhà, mắt nhấp nháy nhìn ra bầu trời ngu độn.

- 29 tháng Giêng...

- Không có lấy một giọt ân huệ.

- Trời còn sớm mà.

- Nhưng đời tôi đã muộn, – ông Fremley quay lưng bỏ đi. Phải mất năm phút ông mới tìm ra lối đi ngược qua những hành lang điên rồ, trở về chiếc giường nóng như火炉 mới nung của mình.

Đến trưa, ông Terle ghé mắt nhìn vào.

- Ông Fremley...?

- Chúng ta là một lũ xương rỗng sa mạc bị đầy đoạ! – Ông Fremley cứ nằm đó mà thờ hồn hển, gương mặt ông trông cứ như sẽ rơi rụng thành bụi lửa trên sàn gỗ thô nhám này bất cứ lúc nào. – Nhưng ngay cả cái giống xương rỗng khốn nạn nhất cũng cần phải nhấp chút nước trước khi chịu đựng cái lò nung khốn nạn này thêm một năm nữa chớ. Cho ông hay tôi sẽ không xê dịch nữa đâu, tôi cứ nằm đây và chết luôn nếu như tôi không nghe thấy tiếng chim nhảy chuyền trên mái!

- Cầu nguyện ngắn gọn thôi và lấy sẵn dù ô ra đi, – ông Terle nói và nhón chân bỏ đi.

Đến xế chiều, trên mái nhà trống trơ vang lên một tiếng rào rào mơ hồ. Từ giường ông Fremley vẳng ra tiếng ngân nga ai oán của ông ta:

- Ông Terle ời, có phải mưa đâu! Chính là ông với cái vòi tưới cây đang phun nước giềng lên mái nhà chứ ai! Cám ơn lòng tốt của ông nhưng thôi, đừng phí công nữa.

Tiếng rào rào ngừng lại. Một tiếng thở dài từ khoảnh sân phía dưới.

Lát sau, đi vòng bên hông khách sạn, ông Terle nhìn thấy cuốn lịch từ trong nhà bay ra và rơi vèo xuống cát bụi.

- Ngày 29 tháng Giêng chết toi! – Tiếng ai rống lên, – Còn mười hai tháng nữa! Giờ thì phải đợi cả mười hai tháng nữa!

Ông Smith đang đứng đó, ngay ngưỡng cửa. Ông bước vào nhà và mang ra hai chiếc va-li tới tả rồi quật mạnh hai va-li vào cổng. Ông Terle kêu to:

- Ông Smith! Sống ở đây đã ba mươi năm rồi giờ ông bỏ đi sao được!

- Người ta bảo ở Ireland trời mưa một tháng hai mươi ngày kìa, – ông Smith đáp. – Tôi sẽ kiếm việc làm ở đó và cứ để đầu trần, há mồm ra tắm mưa.

- Ông không được bỏ đi! – Ông Terle cuống quýt cố nghĩ ra một điều gì đó; ông búng tay. – Ông còn nợ tôi chín nghìn đô-la tiền trọ mà!

Ông Smith giật thót người; một thoáng dịu dàng và một thoáng đau đớn bất chợt hiện lên trong mắt.

- Xin lỗi, – ông Terle ngoảnh mặt đi. – Tôi không có ý đòi nợ. Thôi, ông cứ đi thẳng đến Seattle. Ở đó mưa nhiều lắm. Khi nào có tiền thì trả tôi, hay khỏi trả cũng được. Tôi chỉ xin ông một điều: hãy chờ đến nửa đêm. Dầu sao lúc đó cũng mát mẻ hơn, ông sẽ dễ dàng cuộc bộ về thành phố.

- Từ giờ đến nửa đêm chẳng có gì xảy ra đâu.

- Ông phải có niềm tin chứ. Khi đã mất hết mọi thứ thì ông phải tin là một điều gì đó sẽ đến. Cứ đứng đây với tôi, không cần phải ngồi làm chi, cứ đứng đây và nghĩ đến mưa. Tôi chỉ xin ông một điều cuối cùng ấy rồi thôi.

Trên sa mạc, một con lốc bụi nhỏ nhoi bất ngờ quẩn quai dâng lên rồi lắng xuống. Ánh mắt ông Smith quét ngang chân trời xế bóng.

- Tôi phải nghĩ gì đây? Mưa, ề mưa, mà phải đến đây? Nghĩ như thế đấy hả?

- Gì cũng được. Bất cứ điều gì!

Ông Smith đứng giữa hai chiếc va-li rách nát rất lâu, không xê dịch. Năm, sáu phút trôi qua. Không một âm thanh nào ngoại trừ tiếng thở của hai ông già trong chiều tà. Và sau cùng, rất cương quyết, ông Smith khom người nắm lấy quai xách của mớ hành lý.

Đúng lúc đó, ông Terle chớp mắt. Ông chồm người ra, bàn tay khum khum đưa lên tai.

Ông Smith sững sờ, hai bàn tay vẫn còn giữ hai chiếc va-li.

Từ rất xa giữa những ngọn đồi, một tiếng rì rầm, một tiếng ầm ào khe khẽ và rung ngân.

- Sắp có bão! – Ông Terle nói như rít.

Cái âm thanh ấy lớn dần; một cái gì đó trắng trắng như mây từ những ngọn núi dâng lên.

Ông Smith kiễng chân lên ngóng.

Trên lầu, ông Fremley ngồi bật dậy như xác chết đội mồ.

Đôi mắt ông Terle mở càng lúc càng to cố nhìn rõ chuyện gì sắp đến. Ông bám lấy hàng rào trước cổng, căng thẳng như thuyền trưởng một con tàu kiệt gió đang nhận ra cái trấn trở đầu tiên của luồng gió nhiệt đới thoảng hương chanh và vị cơm dừa trắng tinh mát lạnh. Làn hơi mong manh đó vuốt ve hai lỗ mũi nhức nhối của ông như cơn gió luồn qua những lỗ thông hơi của một cái ống khói nóng rực.

- Kìa! – Ông Terle kêu lên, – Kìa!

Và băng qua ngọn đồi cuối cùng, rũ bỏ lớp cát bụi hừng hực, đám mây kia, tiếng sấm kia, cơn bão gầm gào kia hiện ra.

Vượt đỉnh đồi ấy, chiếc ô-tô đầu tiên đi ngang đây trong suốt hai mươi ngày qua đang lao mình xuống thung lũng này với một tràng rú rít, va đập và rên siết.

Ông Terle không dám nhìn ông Smith.

Ông Smith ngược mặt ngắm trời, lòng nghĩ tới ông Fremley đang ở trên phòng.

Ông Fremley ở cửa sổ nhìn xuống và trông thấy một chiếc ô-tô thở hắt ra rồi

chết ngay trước khách sạn.

Bởi vì chiếc xe đã rú lên một tiếng động cuối cùng rất kỳ quặc. Nó đã đi một cuộc hành trình lê thê qua những nẻo đường vàng cháy, băng qua những ruộng muối đã bỏ hoang từ mười triệu năm qua vì kiệt khô nguồn nước. Bây giờ, với mớ dây điện rối nùi như mái tóc mọi ăn thịt người bung ra từ các mối nối, với chiếc mui bằng vải bạt chảy nhão xếp ngược ra băng sau như vành mi mắt khổng lồ, chiếc xe Kissel cổ lỗ đời 1924 rung bần bật lần chót tựa hồ muốn tống khứ hồn ma của nó vào thình không.

Bà lão ngồi ở băng trước ô-tô vừa nhẩn nại chờ đợi vừa nhìn về phía ba người đàn ông và cái khách sạn như dường đang nói: Hãy tha thứ cho tôi, bạn tôi bệnh nặng; tôi và anh bạn này quen biết đã lâu nên bây giờ tôi phải kề cận anh ta trong giờ phút lâm chung cho trọn nghĩa. Thế là bà cứ ngồi trong xe chờ cho những cơn co giật mơ hồ ngưng lịm hẳn và chờ cho mớ cốt xương kim khí kia buông xuôi báo hiệu giờ cuối cùng đã điểm. Bà còn ngồi nán thêm cả nửa phút nghe ngóng chiếc xe của mình. Bà lão toát ra một vẻ gì đó hết sức an bình khiến cả ông Terle lẫn ông Smith đều chậm chậm chồm người về phía bà. Cuối cùng, bà nhìn họ với một nụ cười nghiêm nghị và giơ tay chào.

Ông Fremley ở trên lầu ngạc nhiên thấy mình cũng chìa tay ra ngoài cửa sổ vẫy chào đáp lại.

- Lạ thật, – đứng trước cổng, ông Smith thì thầm. – Không phải một cơn bão. Và mình lại không thấy thất vọng. Sao vậy chứ?

Nhưng ông Terle đã bước xuống đường và đi tới chiếc xe.

- Chúng tôi tưởng cô... tức là..., – ông ấp úng nói rồi đổi ý. – Tôi là Terle, Jee Terle.

Bà bắt tay ông; đôi mắt sáng ngời và trong vắt như nước từ núi tuyết ở nghìn dặm xa tan chảy và được gió cùng nắng tinh lọc trên đường đến đây. Bà nhẹ nhàng lên tiếng:

- Tôi là Blanche Hillgood. Tốt nghiệp Đại học Grinnell, giáo viên âm nhạc, độc thân, ba mươi năm điều hành ca đoàn trường trung học và chỉ huy dàn

nhạc sinh viên ở Green City, Iowa, hai mươi năm dạy dương cầm, xướng âm, đàn harp ở tư gia, đã về hưu được một tháng và đang sống nhờ lương hưu. Còn bây giờ, tôi mang cả cội rễ theo, trên đường đến California.

- Cô Hillgood ời, coi bộ đến đây rồi thì cô hết phương đi tiếp bất kỳ đâu.

- Tôi cũng có cảm tưởng như vậy, – bà quan sát hai ông già đang thận trọng đi vòng quanh chiếc xe hơi. Bà vẫn ngồi yên như một đứa trẻ đang ngồi trên đùi ông nội, vẻ do dự, – Ta không thể làm gì được nữa sao?

- Tháo hết bánh xe ra làm hàng rào, gỡ mấy đùm thăng ra làm keng gõ chơi, phần còn lại dùng làm hòn non bộ được đó.

Từ trên cao ông Fremley hét vọng xuống:

- Chiếc xe tiêu rồi phải không? Nhìn từ xa là tôi đánh hơi cũng biết mà! Chà... ờ, mà cũng quá giờ ăn tối rồi đó!

Ông Terle chìa bàn tay ra.

- Thừa cô Hillgood, xin giới thiệu Khách Sạn Sa Mạc của Joe Terle, mở cửa hai mươi sáu giờ một ngày! Các quái vật và thú hoang xin vui lòng đăng ký trước khi đi lên lầu! Cứ nghỉ ở đây một đêm, miễn phí, thưa cô, sáng mai chúng tôi sẽ lấy cái xe Ford cọc cách của chúng tôi đưa cô tới thành phố.

Bà để cho ông Terle đỡ xuống xe. Cổ máy ấy rên rỉ như thể không muốn bà đi. Với một tiếng cách khẽ khàng, bà cẩn thận đóng cửa xe.

- Một người bạn đã đi xa, nhưng vẫn còn người khác đi cùng tôi. Ông Terle, phiền ông đưa cô nàng vào chỗ mát mẻ đi.

- Cô nàng nào, thưa cô?

- Xin lỗi, tôi cứ quen nghĩ đến các đồ vật như nghĩ đến những con người. Tôi xem chiếc ô-tô như một người đàn ông, vì nó đưa tôi đi đây đó. Nhưng cây đàn harp là phụ nữ, ông thấy đúng không?

Bà gạt đầu ra hiệu về phía băng sau ô-tô. Ở đó, nghiêng tựa vào bầu trời như một đuôi thuyền cổ đại bằng da uốn cong đang rẽ gió là một chiếc hộp cao

ngắt ngưỡng vượt khỏi đầu bất kỳ người điều khiển nào ngồi ở băng trước đang lái con thuyền băng qua sa mạc bình yên hay đô thành chen chúc.

- Ông Smith, – ông Terle gọi, – giúp tôi một tay nào.

Họ tháo dây buộc cái hộp to tướng, hai người hai đầu thận trọng nhấc bổng lên.

- Cái gì trong đó vậy? – Tiếng ông Fremley hỏi to từ trên cao.

Ông Smith suýt vấp ngã. Bà Hillgood hoảng hồn. Chiếc hộp chao đảo trong bốn cánh tay của hai ông già.

Từ trong hộp văng ra một tiếng nhạc âm vang mơ hồ.

Ông Fremley ở trên cao đã nghe thấy. Đó chính là câu trả lời cho ông. Mồm há hốc, ông nhìn theo người phụ nữ và hai ông già cùng người bạn nằm trong hộp của họ lắc lư và khuất dạng trong cánh cổng to như cửa hang bên dưới.

- Coi chừng! – Ông Smith thốt lên. – Thằng ngu khốn khiếp nào để hành lý ở đây. – Ông sức nhớ ra. – Mình chứ thằng ngu nào!

Hai ông già nhìn nhau. Họ không toát mồ hôi nữa. Từ đâu đó một cơn gió đã thổi đến, một cơn gió dịu dàng quạt mát cổ áo họ và nhẹ nhàng phe phẩy qua cuốn lịch lúc này bị ném văng xuống cát.

- Hành lý của tôi..., – ông Smith ấp úng.

Rồi tất cả vào bên trong.

- Dùng thêm tí rượu nhé, cô Hillgood? – Nhiều năm rồi trên bàn ăn này không có rượu.

- Một chút thôi, xin ông.

Họ ngồi dưới ánh sáng của một ngọn nến duy nhất, ánh nến khiến căn phòng giống như bếp lò và những dao nĩa bạc còn tốt cùng những chiếc đĩa chưa nứt nẻ loé sáng như lửa. Họ vừa ăn vừa uống rượu vang vừa trò chuyện.

- Cô Hillgood, kể tiếp chuyện của cô đi.

- Cả đời tôi cứ bận bịu chạy từ Beethoven tới Bach rồi tới Brahms, – bà nói. – Tôi không hề để ý là mình đã hai mươi chín tuổi. Lần kế tiếp sức nhớ ra thì tôi đã bốn mươi. Và đến hôm qua thì đã bảy mươi một.Ồ, cũng có nhiều anh chàng; nhưng lên mười thì họ từ bỏ chuyện ca hát, và lên mười hai thì họ hết bay bổng. Tôi cứ luôn nghĩ rằng chúng ta sinh ra để bay bổng, bằng cách này hay cách khác, cho nên tôi không chịu nổi hết thấy những người đàn ông cứ đi lết đệt với bầu máu chỉ toàn nặng trĩu những thứ kim khí trần tục. Tôi chưa bao giờ gặp người đàn ông nào mà nặng dưới trăm kí-lô. Các ông cứ thấy những bộ vét đen trịnh trọng của họ thì thấy họ đang lăn tròn trong đó như những cỗ xe đòn đám ma.

- Thế là cô bay đi?

- Chỉ trong tâm trí thôi, ông Terle. Phải mất sáu mươi năm mới dứt bỏ được hết ràng buộc. Suốt thời gian đó tôi cứ bám lấy hết sáo dài đến sáo ngắn rồi đến violon vì chúng là những dòng chảy trên không, ông biết mà, giống như sông suối dưới đất ấy. Tôi cứ theo chúng băng qua mọi nhánh, thử mọi luồng gió mới từ Handel cho tới tận mọi thứ của nhà Strauss. Phải lòng vòng rất xa rồi tôi mới đến đây.

- Rốt cuộc thì cô quyết định ra đi như thế nào? – Ông Smith hỏi.

- Đến tuần trước thì tôi lại nhìn quanh và nhận ra: "Ô kìa, lâu nay mình toàn bay một mình! Không một ai ở Green City thật sự quan tâm mình có bay hay không, hay bay cao chừng nào. Lúc nào cũng là "Hay lắm, Blance," hay "Cám ơn cô H vì buổi trình tấu ở Hội Phụ Huynh." Nhưng thực tế chẳng có ai lắng nghe. Và khi tôi nói chuyện triền miên về Chicago hay New York, người ta cứ vỗ vai tôi cười ầm: "Sao cứ muốn làm con ếch nhỏ trong cái ao lớn trong khi cô có thể là con ếch lớn nhất ở khắp Green City này!" Thế là tôi cứ nấn ná, trong khi những người khuyên can tôi lần lượt chuyển đi hay chết, hay cả hai. Số còn lại thì toàn bọn tai trâu. Mới tuần rồi tôi mới giật mình tự hỏi: "Này này! Lũ ếch có cánh từ bao giờ?"

- Thế là cô đi về miền tây? – ông Terle hỏi.

- Chắc sẽ chơi nhạc cho phim trường hay cho dàn nhạc dưới trời sao. Nhưng

ở đâu đó, rốt cuộc tôi nhất định phải chơi đàn cho ai đó thật sự biết lắng nghe.

Ba người ngồi đó trong bóng tối ấm áp. Bà đã nói xong, dù có ngốc nghếch hay không thì bà cũng đã kể hết chuyện. Bà lặng lẽ ngả lưng ra ghế

Trên lầu có tiếng ho.

Bà Hillgood nghe thấy bèn đứng dậy.

Phải mất một lúc ông Fremley mới mở được đôi mi mắt dính chặt và nhận ra hình dáng người phụ nữ ấy đang khom người đặt chiếc khay thức ăn bên cạnh chiếc giường nhàu nát của ông.

- Bây giờ mọi người nói chuyện gì dưới đó vậy?

- Rồi tôi sẽ quay lại kể ông nghe cận kề, – bà Hillgood nói. – Giờ thì ăn đi. Món salad ngon lắm.

Ông hỏi gấp gáp:

- Thế cô sẽ ở lại đây chứ?

Chưa kịp ra khỏi cửa, nghe thế bà đứng lại và cố dò tìm những biểu hiện trên gương mặt đầm mồ hôi của ông trong bóng tối. Về phần mình, ông cũng không thể nhìn thấy mắt hay miệng của bà. Bà đứng nán lại thêm lúc nữa, im lặng, rồi đi xuống thang lầu.

- Hẳn là cô ta không nghe mình hỏi rồi, – ông Fremley thốt lên.

Nhưng ông biết bà ấy đã nghe thấy.

Bà Hillgood băng qua sảnh dưới nhà, loay hoay với mấy ổ khoá trên chiếc hộp da dựng đứng.

- Tôi phải đèn đáp cho bữa ăn tối.

- Bọn tôi đãi cô mà, – ông Terle nói.

- Tôi phải đáp lại chứ, – bà nói, và mở chiếc hộp ra.

Một ánh vàng vụt loé.

Hai ông già ngồi chồm dậy. Họ nheo mắt nhìn bà lão nhỏ bé đang đứng cạnh cái vật thể hình trái tim vĩ đại có một trụ đỡ bóng loáng vươn cao chót vót, trên cùng có chạm khắc một mặt người Hy Lạp với đôi mắt linh dương đang bình thần nhìn họ, giống hệt như cách bà Hillgood bây giờ đang nhìn.

Hai ông già gửi cho nhau những cái liếc mắt thảng thốt và chớp nhoáng, như thể người nào cũng đoán được chuyện gì sẽ xảy đến. Họ hấp tấp băng qua sảnh, thở hào hển, ngồi nhóm ngay trên rìa chiếc ghế bành bọc nhung nóng bức, lau mặt bằng những chiếc khăn tay ẩm ướt.

Bà Hillgood kéo ghế ngồi xuống, nhẹ nhàng tựa chiếc đàn harp vàng óng vào một bên vai, và đưa hai bàn tay chạm vào những dây đàn.

Ông Terle hít một hơi khí trời nóng rực và chờ đợi.

Một luồng gió sa mạc bất ngờ thổi dọc theo hàng hiên bên ngoài, lay động những chiếc ghế đu đồng đưa qua lại như những con thuyền trên mặt hồ đêm.

- Chuyện gì dưới đó vậy? – Tiếng ông Fremley cự nự từ trên lầu vắng xuống.

Và rồi bà Hillgood vuốt hai bàn tay.

Bắt đầu từ cung đàn gần bờ vai, bà rải những ngón tay băng qua suối dây đàn long lanh về phía đầu tượng nữ thần Hy Lạp xinh đẹp mù loà đang nhìn trân trối trên trụ đàn rồi vuốt ngược trở về. Rồi bà dừng tay một lúc để cho tràng âm thanh lâng lâng bay lên trong không gian oi bức của tiền sảnh và lùa vào mọi căn phòng trống.

Ông Fremley ở trên lầu mà có la hét thì cũng chẳng ai bận tâm. Bởi ông Terle và ông Smith đều đã dừng bật dậy trong bóng tối, tiếng đàn xé toạc cõi lòng. Họ không còn nghe thấy gì nữa ngoại trừ tiếng mưa bão trong tim họ và tiếng tuôn chảy ào ạt của khí trời trong buồng phổi. Mắt mở to, miệng há hốc, như hai kẻ hoàn toàn mất trí họ nhìn chăm chăm vào hai người đàn bà kia – Thi thần mù ngạo nghễ trên trụ vàng và người phụ nữ đang ngồi, mắt khép hờ,

hai bàn tay nhỏ nhắn vươn ra trong khoảng không.

Giống như một bé gái, hai ông đều có chung một ý nghĩ điên rồ, giống như một bé gái đang chìa bàn tay ra ngoài cửa sổ để....?Ồ, hẳn rồi, hẳn rồi!

Để đón những giọt mưa.

Âm ba của cơn mưa rào đầu tiên tan biến dần trên những bờ mương và máng xối xa xăm.

Trên lầu, ông Fremley rời khỏi giường như thể có ai đang nắm vành tai ông lôi dậy.

Bà Hillgood lại đàn.

Bà chơi một nhạc khúc mà họ không hề biết tên, nhưng đó là một nhạc khúc mà họ đã nghe đâu đó cả ngàn lần trong cuộc đời dằng dặc của mình, dù có lời ca hay không, dù có giai điệu hay không. Bà cứ đàn và mỗi lần những ngón tay bà chuyển động, mưa lại rơi tí tách khắp khách sạn âm u. Mưa mát rượi ở những khung cửa sổ mở và mưa gột rửa những tấm ván sàn nóng ran ngoài hiên. Mưa rơi trên mái và rơi trên mặt cát xì xào, mưa trên chiếc ô-tô rỉ sét, trên chuồng ngựa trống trơn, và trên bụi xương rồng chết ngoài sân. Mưa tắm các cửa sổ, rửa sạch bụi, rót tràn các thùng chứa, mưa phủ những tấm màn kết hạt cườm ngoài các ngưỡng cửa, và màn mưa sẽ vén mở lao xao khi ta đi qua. Nhưng hơn hết thảy, những vuốt ve mềm mại, mát tươi của cơn mưa ấy tưới lên ông Smith và ông Terle. Sức nặng và áp lực dịu dàng của cơn mưa ấy cù đè họ xuống, từ từ, cho đến khi họ lại ngồi xuống ghế. Không ngừng mơn man trên gương mặt, cơn mưa khiến họ phải nhắm mắt, ngậm miệng và đưa hai bàn tay lên che chắn. Ngồi trên ghế, họ thấy mình đang chậm chậm ngã lưng ra, ngược đầu phó mặc cho mưa tràn trề tuôn chảy khắp nơi.

Cơn lũ quét ấy kéo dài một phút rồi lắng dịu dần khi những ngón tay vuốt dài trên cung tơ, buông thả mấy đợt giông gió cuối cùng rồi ngưng.

Hợp âm cuối cùng lơ lửng trong không trung như một bức ảnh chụp đúng lúc chớp loè đã bắt đứng cả triệu giọt nước trên đường rơi. Rồi ánh chớp biến mất. Những giọt cuối cùng im lặng rơi vào bóng tối.

Bà Hillgood buông bàn tay khỏi dây đàn, đôi mắt vẫn nhắm.

Ông Terle và ông Smith mở mắt ra nhìn hai người đàn bà kỳ diệu ở phía bên kia tiền sảnh, không hiểu sao đã vượt qua cơn bão này mà vẫn khô ráo, nguyên lành.

Họ run rẩy. Họ chồm tới như thể khát khao muốn nói. Trông họ bất lực, không biết phải làm gì.

Và rồi từ trong các hành lang trên lầu khách sạn, một âm thanh duy nhất vọng xuống thu hút chú ý của họ và bảo cho họ biết phải làm gì.

Âm thanh yếu ớt ấy bèngh bồng trôi xuống, rung động như một con chim mệt mỏi đang đập đôi cánh già cỗi.

Hai ông già nhìn lên, nghe ngóng.

Đó là âm thanh từ hướng ông Fremley.

Ông Fremley đang ở trong phòng võ tay.

Phải mất mấy giây ông Terle mới hiểu ra. Rồi ông khẽ huých ông Smith và chính ông cũng bắt đầu nện hai lòng bàn tay vào nhau. Những tiếng nổ chấn động bùng ra từ bàn tay hai ông già. Âm vang dội vọng khắp mọi góc ngách trên dưới của khách sạn, va vào những bức tường, gương soi, cửa sổ, cố tìm đường vượt thoát khỏi những gian phòng.

Lúc này bà Hillgood mới mở mắt ra, như dường cơn bão mới này đã giáng xuống bà đột ngột giữa đồng trống.

Hai ông già tiếp tục bài trình tấu của họ. Họ vỗ những bàn tay vào nhau nồng nhiệt đến mức họ cứ như nắm đầy pháo trong tay và cho nổ tung liên tiếp. Ông Fremley hét to. Chẳng ai nghe. Những bàn tay chắp cánh, lao sầm vào nhau không ngừng cho đến khi những ngón tay đuối sức và hai ông già hụt hơi. Cuối cùng họ cho những bàn tay nghỉ ngơi trên đầu gối, trái tim đập dồn trong lồng ngực mỗi người.

Rồi ông Smith chậm rãi đứng lên, mắt vẫn nhìn cây đàn harp, ông ra ngoài mang mấy chiếc va-li vào. Ông đứng dưới chân cầu thang tiền sảnh nhìn một

hồi lâu về phía bà Hillgood. Ông liếc xuống món hành lý duy nhất của bà đã nằm ở đây cạnh bậc thang đầu tiên. Ông đưa mắt từ chiếc va-li sang phía bà già và nhướng mày dò hỏi.

Bà Hillgood nhìn cây đàn harp, nhìn chiếc va-li, nhìn ông Terle, rồi cuối cùng lại nhìn ông Smith.

Một cái gật đầu.

Ông Smith khom người xuống rồi một tay xách va-li của bà, tay kia ôm hành lý của mình dưới nách, ông bắt đầu hành trình chậm chạp lên cầu thang bước vào bóng tối êm đềm. Lúc ông đi, bà Hillgood lại tựa đàn vào vai và chơi nhạc theo nhịp bước ông già – hay là ông đi theo nhạc điệu của bà? Chẳng ai biết.

Lưng chừng cầu thang, ông Smith gặp ông Fremley trong chiếc áo ngủ bạc màu đang lẩn mò đi xuống.

Cả hai đứng đó, nhìn sâu xuống tiền sảnh về phía ông già ở bên kia vùng bóng tối, và hai người đàn bà ở phía khuất xa hơn, chỉ còn là một chuyển động và một tia sáng lơ mơ. Hai người đều có chung một ý nghĩ.

Âm thanh của tiếng đàn harp đang thánh thót, âm thanh của tiếng nước mát lành rơi rơi hàng đêm và hàng đêm trong cuộc đời họ, sau đêm nay. Giờ thì không còn phải lấy vòi tưới phun nước lên mái nhà nữa. Chỉ cần ngồi trên hàng hiên hay nằm trong giường ngủ và nghe mưa rơi... mưa rơi... mưa rơi...

Ông Smith đi tiếp lên cầu thang, còn ông Fremley đi xuống.

Tiếng đàn, tiếng đàn. Lắng nghe, lắng nghe!

“Năm mươi năm khô hạn đã qua.

Thời của những cơn mưa dài đã tới.”

.....÷.....

Chú thích

[\[1\]](#)

Một bản tình ca sáng tác năm 1918 và từ 1969 trở thành bài hát chính thức của tiểu bang Ohio, Mỹ, với lời ca đã được chỉnh biên.

[\[2\]](#)

Một ca khúc trong số những sáng tác cuối cùng của nhạc sĩ Mỹ Stephen Foster (1826–1864).

[\[3\]](#)

Sir Henry Lauder (1870 – 1950), là một nghệ sĩ biểu diễn Scotland nổi tiếng quốc tế. Ca khúc "Roamin' In The Gloamin'" được Henry Lauder sáng tác năm 1911.

[\[4\]](#)

Maxfield Parrish (1870–1966) là họa sĩ Mỹ theo trường phái tân cổ điển hoạt động rất tích cực trong nửa đầu thế kỷ 20.